

# Giáo Sĩ Việt Nam

**Bán nguyệt san – Số 212 – Chúa nhật 22.12.2013**

**Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)**

[www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

[giasivietnam@gmail.com](mailto:giasivietnam@gmail.com)

## MỤC LỤC

Đời Sống Kinh Tế Xã Hội .....	Vatican 2
QUÀ GIÁNG SINH NĂM NAY .....	Lm. Lê Văn Quảng Psy.D.
Giới thiệu sách mới: GIA ĐÌNH SỐNG LỜI CHÚA HÀNG NGÀY .....	NHÓM BIÊN SOẠN
LINH HỒN TÔI NGỢI KHEN ĐỨC CHÚA .....	Lm. Vĩnh Sang, DCCT
EMMANUEL .....	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
DOANH NHÂN VÀ LỜI CHÚA .....	Aug. Đan Quang Tâm
Ý NIỆM « SỐNG LẠI » CỦA CÁC VỊ GIÁO-PHỤ ĐẠO CHÚA GIÊSU TRONG BỐN THỂ KỶ ĐÀU KỶ NGUYÊN (tiếp theo) .....	Gs. Trần Văn Toàn
ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN: TÔN GIÁO VÀ CÁC VẤN ĐỀ: KINH TẾ, XÃ HỘI, THIÊN ĐÀNG. (VẤN ĐỀ 18A, 18B VÀ 18C) .....	Lm. Đan Vinh, HHTM
Khán giả thất bại .....	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ BA: CAM KẾT THEO CHÍNH CHÚA KITÔ TOÀN THỂ .....	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
KHÁC BIỆT GIỮA STROKE VÀ HEART ATTACK .....	Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức
50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN. CHIA SẼ 34 - 37 .....	Lm. TTT. Võ Tá Khánh

## Đời Sống Kinh Tế Xã Hội

**Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II**

**Hiến Chế Mục Vụ**

**Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay**

**Gaudium Et Spes**

**Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia**

**Phần Thứ Hai**

**Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết**

**Chương III**

**63. Một vài khía cạnh của đời sống kinh tế.** Ngay trong đời sống kinh tế xã hội, phẩm giá cũng như ơn gọi toàn diện của con người và lợi ích của toàn thể xã hội cũng phải được tôn trọng và thăng tiến. Vì con người là tác giả, là tâm điểm và là cứu cánh của tất cả đời sống kinh tế xã hội.

Sau đây là một vài đặc điểm của nền kinh tế hiện đại cũng như của các lãnh vực khác trong đời sống xã hội: con người càng ngày càng chế ngự thiên nhiên nhiều hơn, sự liên lạc và nương tựa lẫn nhau giữa các công dân, đoàn thể, quốc gia càng ngày càng nhiều và rộng lớn hơn, và mỗi ngày sự can thiệp của các chính quyền càng trở thành thường xuyên; đồng thời, với đà tiến bộ của các phương pháp sản xuất và trao đổi sản phẩm cũng như dịch vụ, kinh tế đã trở thành một công cụ thích hợp để thỏa mãn cách khả quan những nhu cầu chồng chất của gia đình nhân loại.

Tuy nhiên, không thiếu những lý do gây nên lo ngại. Nhiều người, nhất là trong những miền có nền kinh tế tiến bộ, như bị đời sống kinh tế chi phối hoàn toàn, đến nỗi trong các quốc gia theo kinh tế tập sản cũng như trong các quốc gia khác, hầu như cả đời sống cá nhân cũng như xã hội của họ đều bị thắm nhiễm một thứ chủ nghĩa duy kinh tế. Trong thời đại mà sự phát triển đời sống kinh tế nếu được điều khiển và phối hiệp cách hợp lý và nhân đạo, có thể giảm thiểu những chênh lệch trong xã hội, thì nhiều khi lại làm cho những chênh lệch ấy trở thành trầm trọng hơn, hoặc ở một vài nơi còn trở thành sự thoái hóa địa vị xã hội của những người yếu thế và miệt thị những kẻ nghèo túng. Ngay trong những vùng kém mở mang, giữa lúc đại đa số vẫn còn thiếu những nhu cầu thiết yếu, thì một thiểu số lại sống dư dật, phung phí. Xa hoa và cùng cực kề cận nhau. Trong khi một thiểu số được quyền định đoạt rất lớn, thì đa số lại hầu như không thể hành động theo sáng kiến riêng và không được thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình, nhiều khi còn phải chịu đựng trong những hoàn cảnh sinh sống và làm việc bất xứng với phẩm giá con người <sup>76\*</sup>.

Giữa lãnh vực nông nghiệp, kỹ nghệ, mậu dịch và ngay giữa những miền khác nhau của cùng một quốc gia cũng có những chênh lệch tương tự về kinh tế và xã hội. Sự tương phản giữa các cường quốc kinh tế và các quốc gia khác càng ngày càng trở nên trầm trọng và có thể đe dọa cả nền hòa bình thế giới.

Con người thời đại chúng ta càng ngày càng ý thức mãnh liệt về những chênh lệch ấy, vì họ thâm tín rằng những kỹ thuật tân tiến và những năng lực kinh tế của thế giới ngày nay có thể và phải sửa đổi được những tệ trạng kia. Muốn vậy, cần phải cải tổ đời sống kinh tế, xã hội và mọi người phải đổi mới tâm thức và thái độ của mình. Nhằm mục đích ấy, nên qua bao thế hệ, với ánh sáng Phúc Âm, Giáo Hội đã nỗ lực mình dẫn những nguyên tắc về công bình và quân bình trong đời sống cá nhân, xã hội và quốc tế cho hợp với những đòi hỏi của lương tri nhân loại, nhất là trong những ngày gần đây Giáo Hội càng đưa ra những nguyên tắc ấy hơn. Trong khi đặc biệt nhìn vào những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế, Thánh Công Đồng muốn củng cố lại những nguyên tắc đã nêu trên, đồng thời vạch ra một vài hướng đi phù hợp với hoàn cảnh của thời đại này <sup>1</sup>.

### **Đoạn 1: Phát Triển Kinh Tế**

**64. Phát triển kinh tế để phục vụ con người.** Ngày nay hơn bao giờ hết, để đối phó với sự gia tăng dân số và thỏa mãn những nguyện vọng mỗi lúc một nhiều của nhân loại, người ta được quyền nghĩ đến việc tăng gia sản xuất nông nghiệp, kỹ nghệ, cũng như các dịch vụ cung ứng. Do đó, cần phải cổ võ việc phát triển kỹ thuật, tinh thần can đảm, cố gắng thiết lập và khuếch trương các xí nghiệp; thích nghi các phương pháp sản xuất và những cố gắng không ngừng của các nhà sản xuất, tóm lại, là cổ võ tất cả những yếu tố dự phần vào việc phát triển này. Tuy nhiên, mục đích căn bản của sự sản xuất không chỉ là gia tăng sản lượng, lợi tức hoặc quyền lực, nhưng chính là phục vụ con người, dĩ nhiên là con người toàn diện. Tuy nhiên, phải duy trì đúng cấp bậc giá trị của các nhu cầu vật chất cũng như những đòi hỏi của đời sống tinh thần, luân lý, tu đức và tôn giáo. Phải phục vụ tất cả mọi người, mọi đoàn thể, mọi chủng tộc và mọi miền trên thế giới. Bởi thế, hoạt động kinh tế, mặc dù theo

phương pháp và luật lệ riêng, nhưng vẫn phải nằm trong giới hạn của trật tự luân lý <sup>2</sup>; Có như thế mới hoàn thành được kế hoạch Thiên Chúa đã sắp đặt cho con người <sup>3</sup>.

**65. Phát triển kinh tế dưới sự kiểm soát của con người.** Con người phải kiểm soát lại sự phát triển kinh tế; không được khoán trắng nó cho sự định đoạt của một thiểu số hoặc của những tập thể nắm trong tay quyền lực kinh tế quá lớn, hoặc của một cộng đoàn chính trị hay một số quốc gia giàu mạnh. Ngược lại, trong những dịch vụ quốc tế, mọi quốc gia đều phải tích cực dự phần vào việc phát triển kinh tế, và càng nhiều người thuộc mọi cấp bậc tham gia càng hay. Cũng vậy, phải phối hợp và điều hòa một cách thích đáng và hợp lý những sáng kiến của cá nhân và của các đoàn thể tự do với nỗ lực của chính quyền.

Không thể chỉ bỏ mặc việc phát triển cho sự diễn tiến gần như máy móc của hoạt động kinh tế cá nhân hay cho một mình chính quyền mà thôi. Do đó, phải tố giác những sai lầm của các học thuyết đang nhân danh một thứ tự do ngụy tạo để ngăn cản những cải tổ cần thiết; cũng phải tố giác những học thuyết đòi hy sinh quyền lợi cá nhân và đoàn thể cho tổ chức sản xuất tập thể <sup>4</sup>.

Người công dân nên nhớ rằng, bổn phận và quyền lợi của mình là tùy khả năng đóng góp vào việc phát triển thực sự cộng đoàn mình. Chính quyền cũng phải công nhận bổn phận và quyền lợi này. Nhất là những miền còn kém mở mang, càng phải cấp bách tận dụng mọi tài nguyên; do đó, những người để tài sản của mình không sinh lợi, hoặc không trợ giúp cộng đoàn mình những phương tiện vật chất và tinh thần cần thiết là gây nguy hại trầm trọng cho công ích <sup>77\*</sup>, dĩ nhiên bao giờ cũng phải tôn trọng quyền di cư của mỗi cá nhân.

**66. Phải chấm dứt những chênh lệch lớn lao trên bình diện kinh tế xã hội.** Để thỏa mãn những đòi hỏi của công bằng và lẽ phải mà vẫn tôn trọng quyền lợi cá nhân và đặc tính của mỗi dân tộc, cần phải hăng hái nỗ lực để sớm chấm dứt những chênh lệch kinh tế lớn lao hiện nay và còn gia tăng mai ngày: những chênh lệch này gắn liền với sự phân hóa cá nhân và xã hội. Cũng vậy, trong nhiều vùng, việc sản xuất và bán nông phẩm đang gặp nhiều trở ngại trầm trọng. Do đó, cần phải nâng đỡ nông dân tăng gia và tiêu thụ được sản phẩm, lại phải thực hiện những cuộc cải tổ và canh tân cần thiết hầu thấu được lợi tức tương ứng. Như thế, họ sẽ không mãi ù lì trong thân phận công dân hạ đẳng, như vẫn thường thấy. Còn các nông dân, nhất là những người thuộc lớp trẻ, phải cố gắng kiện toàn khả năng chuyên nghiệp, nếu không nông nghiệp không thể phát triển <sup>5</sup>.

Sự di chuyển là điều cần thiết đối với nền kinh tế đang phát triển, tuy nhiên, sự công bằng và quân bình đòi hỏi phải tổ chức sự di chuyển ấy thế nào để đời sống cá nhân cũng như gia đình không bị xáo trộn và bấp bênh. Những công nhân từ một quốc gia hay một miền khác đến, cũng là những người góp công vào việc phát triển kinh tế của một nước hay một miền, nên cần phải cố gắng tránh mọi dị biệt về điều kiện lương bổng và việc làm. Hơn nữa, mọi người, nhất là chính quyền, phải coi họ như những nhân vị, chứ không phải chỉ như những công cụ sản xuất; phải giúp đỡ để họ có thể đưa gia đình đến và có thể kiếm được một nơi nương thân đàng hoàng; cũng phải cho phép họ dễ dàng gia nhập đời sống xã hội của quốc gia hay miền đất nào đón tiếp họ. Tuy nhiên, nếu có thể, nên tạo cho họ có công ăn việc làm ngay tại nguyên quán của họ.

Trong những trạng huống kinh tế đang biến chuyển cũng như trong những hình thái mới mẻ của xã hội kỹ nghệ chẳng hạn hệ thống tự động đang được phát triển, phải liệu sao cho mỗi người có công việc đầy đủ và thích hợp, đồng thời hấp thụ được một sự huấn luyện thích ứng về kỹ thuật và nghề nghiệp. Cũng cần phải bảo đảm sự sống và nhân phẩm, nhất là của những người vì bệnh tật, tuổi tác, phải sống trong những hoàn cảnh thật khó khăn.

## **Đoạn 2: Những Nguyên Tắc Hướng Dẫn Toàn Bộ Đời Sống Kinh Tế Xã Hội**

**67. Việc làm, những điều kiện làm việc và giải trí.** Việc làm của con người trong công cuộc sản xuất và trao đổi sản phẩm hay cung ứng dịch vụ kinh tế có giá trị hơn các yếu tố khác của đời sống kinh tế, vì các yếu tố đó chỉ có giá trị như dụng cụ.

Thực thế, việc làm này hoặc làm cho chính mình hoặc làm mưu đồ trực tiếp phát xuất từ con người. Con người gần như in vào thiên nhiên dấu vết của mình và bắt thiên nhiên

phải từng phục ý muốn của mình. Nhờ việc làm, con người theo lệ thường nuôi sống mình và gia đình, liên kết với anh em và phục vụ họ, có thể thực thi bác ái đích thực và góp công vào việc kiện toàn công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa. Hơn nữa chúng tôi cho rằng nhờ việc làm của mình, con người cộng tác vào chính công cuộc cứu rỗi của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã nâng cao giá trị của việc làm khi Người làm việc với chính hai bàn tay của mình tại Nazareth <sup>78\*</sup>. Do đó, mỗi người có bổn phận phải trung thành làm việc và cũng có quyền làm việc nữa <sup>79\*</sup>. Trong những hoàn cảnh cụ thể, chính xã hội cũng có bổn phận góp phần giúp người công dân có thể tìm được công ăn việc làm. Sau cùng, tùy theo phận vụ và năng suất của mỗi người cũng như tình trạng của xí nghiệp và công ích <sup>6</sup>, việc làm cần phải được trả lương sao cho con người có đủ khả năng xây dựng cho mình và gia đình một đời sống xứng hợp cả về phương diện vật chất, xã hội, văn hóa cũng như tinh thần <sup>80\*</sup>.

Hoạt động kinh tế thường là kết quả của việc hợp tác giữa nhiều người. Do đó, nếu tổ chức và điều hành hoạt động này làm thiệt hại cho bất cứ lớp công nhân nào thì đều là bất công và vô nhân đạo. Ngay cả ngày nay, điều thường xảy ra là công nhân trở thành nô lệ cho chính việc làm của mình. Điều ấy không thể được biện minh bằng bất cứ luật kinh tế nào. Bởi vậy, mọi phương thức sản xuất cần phải thích nghi với nhu cầu và lối sống của con người: trước hết thích nghi với đời sống gia đình, nhất là đối với người mẹ gia đình, và luôn luôn còn phải lưu tâm đến phái tính và tuổi tác. Hơn nữa, giới lao động cũng phải có cơ hội để phát huy tài năng và nhân cách ngay chính lúc làm việc. Họ phải dành thời giờ và sức lực cho công việc với tinh thần trách nhiệm phải có. Tuy nhiên, mỗi người cần được hưởng đầy đủ sự nghỉ ngơi và thời giờ nhàn rỗi để sống đời sống gia đình, văn hóa, xã hội và tôn giáo. Ngoài ra họ cũng cần phải có cơ hội để tự do thi thố tài nghệ và khả năng mà có lẽ trong công việc của nghề nghiệp họ ít có dịp để trau dồi.

**68. Tham gia vào xí nghiệp, tổ chức kinh tế tổng quát, tranh chấp lao động.** Hoạt động trong các xí nghiệp kinh tế là việc hợp tác giữa các nhân vị, đó là những con người tự do và tự lập, được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa. Bởi thế, khi đã tìm ra những phương thức thích hợp, cần phải cổ vũ sự tham gia tích cực của mọi người vào việc quản trị xí nghiệp, tùy theo nhiệm vụ của mỗi người, hoặc họ là chủ nhân, chủ sự, hoặc là đốc công hay công nhân mà vẫn giữ được sự thống nhất cần thiết trong việc điều hành công việc <sup>7</sup>. Nhiều khi không phải trong chính phạm vi xí nghiệp, nhưng trong những chương trình đại qui mô hơn, người ta đưa ra những quyết định về các tình trạng kinh tế và xã hội liên quan đến số phận tương lai của công nhân cũng như của con cái họ, nên họ cũng phải được tham dự vào những quyết định này hoặc chính họ hoặc qua những đại diện tự họ chọn lấy.

Giữa những quyền lợi căn bản của con người, đối với công nhân, cần phải kể đến quyền được tự do lập những hiệp hội để có thể thực sự đại diện cho họ và góp phần vào việc tổ chức đời sống kinh tế một cách tốt đẹp. Ngoài ra, cũng cần phải kể đến quyền tự do tham gia <sup>81\*</sup> vào hoạt động của những hiệp hội này mà không sợ bị trả thù. Nhờ lối tham gia có tổ chức như trên liên kết với việc huấn luyện dần dần về kinh tế và xã hội, mọi người càng ngày càng ý thức hơn về bổn phận và trách nhiệm của mình. Nhờ đó, tùy theo phương tiện và khả năng riêng, chính công nhân tiến tới mức cảm thấy mình được góp phần vào việc phát triển toàn bộ kinh tế và xã hội cũng như vào việc mưu cầu ích chung.

Trường hợp xảy ra những tranh chấp về kinh tế xã hội, cần phải cố gắng đi đến một giải quyết ôn hòa. Nhưng điều phải làm trước tiên là luôn luôn tìm cách tạo một cuộc đối thoại chân thành giữa các phe nhóm liên hệ. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại, đình công, dầu là một phương tiện cuối cùng, song vẫn là phương tiện cần thiết để bênh vực những quyền lợi riêng và thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng của công nhân <sup>82\*</sup>. Dù sao cũng cần phải tìm cách đưa tới thương thuyết và đối thoại hòa giải càng sớm càng hay.

**69. Của cải trần gian là để cho mọi người hưởng dụng** <sup>83\*</sup>. Thiên Chúa đã đặt định trái đất và mọi vật trên trái đất thuộc quyền sử dụng của mọi người và mọi dân tộc. Chính vì thế, của cải được tạo dựng phải được phân phối cho tất cả mọi người một cách hợp lý theo luật công bằng là luật đi liền với bác ái <sup>8</sup>. Dù chấp nhận bất cứ hình thức tư hữu nào đã được nhìn nhận bằng các định chế hợp pháp của các dân tộc, tuy nhiên tùy theo hoàn cảnh khác biệt và thay đổi, phải luôn luôn lưu ý đến mục đích chung hưởng của cải. Vì thế, khi xử

dụng của cải, con người phải coi của cải vật chất mà mình làm chủ một cách chính đáng không chỉ như của riêng mình, nhưng còn là của chung nữa: nghĩa là, của cải đó có thể sinh ích không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác <sup>9</sup>. Và lại, mọi người đều có quyền có một phần của cải đầy đủ cho mình và cho gia đình mình. Các Giáo Phụ và các Tiến Sĩ Giáo Hội đã nghĩ như thế. Các ngài dạy rằng mọi người có bổn phận phải nâng đỡ người nghèo và không phải chỉ giúp đỡ bằng của dư thừa <sup>10</sup>. Còn những người sống trong cảnh cùng quẩn cực độ, họ có quyền lấy ở của cải người khác những gì cần thiết cho mình <sup>11</sup>. Trước con số quá lớn những người đói khổ trong thế giới, Thánh Công Đồng thiết tha kêu gọi mọi người hoặc mọi chính quyền hãy nhớ lại lời sau đây của các Giáo Phụ: "hãy cho kẻ sắp chết đói của ăn, vì nếu không cho họ ăn tức là đã giết họ" <sup>12</sup>. Tùy theo khả năng, họ nên thực sự san sẻ và dùng của cải của mình đặc biệt để giúp phương tiện cho mỗi người hoặc cả một dân tộc để chính họ có thể tự túc và phát triển.

Trong những xã hội kinh tế kém mở mang, đôi khi sự chung hưởng của cải được thể hiện đầy đủ phần nào là do những tập tục và truyền thống riêng của cộng đoàn xã hội, nhờ đó, mỗi phần tử được hưởng những của cải tối cần. Tuy nhiên điều nên tránh là đừng coi một số tập tục như thể hoàn toàn bất biến, nếu thực sự nó không còn đáp ứng những đòi hỏi mới của thời đại này. Đàng khác, cũng đừng vì thiếu khôn ngoan mà hành động ngược lại những tập tục tốt đẹp, vì một khi được thích nghi với hoàn cảnh hiện đại, những tập tục này vẫn còn đem lại nhiều lợi ích. Cũng thế, ở những quốc gia kinh tế rất phát triển, một hệ thống gồm những tổ chức xã hội nhằm vào việc bảo hiểm và an ninh có thể góp phần giúp vào việc thực hiện sự chung hưởng của cải. Và lại, cần phải cổ vũ những dịch vụ gia đình và xã hội, nhất là những dịch vụ đóng góp vào văn hóa và giáo dục. Tuy nhiên khi thành lập mọi tổ chức trên cần phải lưu tâm đừng để người công dân có thái độ phần nào thụ động, hoặc trốn tránh trách nhiệm hoặc từ chối phục vụ xã hội.

**70. Vấn đề đầu tư và tiền tệ.** Công việc đầu tư cũng phải làm sao tạo được công ăn việc làm và đem lợi tức đầy đủ cho dân chúng trong hiện tại cũng như trong tương lai. Bất cứ ai nắm giữ vai trò chủ chốt trong những việc đầu tư này và trong việc tổ chức đời sống kinh tế - hoặc cá nhân, hoặc tập thể, hoặc công quyền - cũng phải chú tâm đến những mục tiêu trên, và phải ý thức bổn phận nặng nề của mình: một mặt phải sẵn sàng tiên liệu những nhu cầu cần thiết cho mỗi cá nhân hoặc cho cả cộng đoàn có một đời sống đàng hoàng; mặt khác họ cũng phải dự liệu cho tương lai và thiết lập quân bình đúng mức giữa những nhu cầu tiêu thụ hiện tại của cá nhân hoặc của đoàn thể và những đòi hỏi phải đầu tư cho thế hệ mai sau. Họ cũng phải luôn quan tâm đến những nhu cầu cấp bách của các quốc gia hay những miền kinh tế kém mở mang. Trong vấn đề tiền tệ cũng phải tránh sao cho khỏi nguy hại tới lợi ích của xứ sở mình cũng như của các quốc gia khác. Và lại, cũng phải liệu sao cho những ai eo hẹp về kinh tế khỏi bị thiệt thòi một cách bất công vì những vụ thay đổi giá trị tiền tệ.

**71. Tiến tới sở hữu và quyền tư hữu.** Vấn đề ruộng đất. Quyền sở hữu <sup>84\*</sup> và những hình thức khác của quyền tư hữu trên của cải vật chất giúp cho con người biểu lộ nhân vị, tạo cho họ cơ hội làm tròn phận sự của mình trong xã hội cũng như trong lãnh vực kinh tế. Do đó, cần cổ vũ mọi cá nhân cũng như mỗi đoàn thể tiến tới một chủ quyền nào đó trên của cải vật chất.

Quyền tư hữu cũng như quyền làm chủ của cải bảo đảm cho mỗi người một lãnh vực cần thiết để cá nhân và gia đình được tự trị. Các quyền này cũng phải được coi như nằm trong phạm vi quyền tự do của con người. Sau cùng, những quyền này còn là một điều kiện tạo nên tự do của người công dân, vì khuyến khích họ đảm trách và thi hành phận vụ của mình <sup>13</sup>.

Ngày nay chủ quyền hoặc quyền tư hữu mặc nhiều hình thức khác nhau và sự khác biệt này ngày một gia tăng. Tuy nhiên không kể đến những tài sản của xã hội, những quyền lợi và phục dịch mà xã hội dành cho, tất cả những hình thức sở hữu đó làm cho con người được vững tâm hơn. Điều vừa nói về quyền tư hữu về của cải vật chất, cũng có giá trị về những của cải tinh thần, chẳng hạn như những khả năng chuyên nghiệp.

Tuy nhiên quyền tư hữu không cản trở những hình thức khác nhau của quyền sở hữu công cộng. Dĩ nhiên chỉ có thẩm quyền hợp pháp mới có thể buộc chuyển nhượng của cải tư nhân vào sở hữu công cộng tùy theo những đòi hỏi và trong giới hạn công ích, nhưng phải bồi thường tương xứng. Ngoài ra, công quyền cũng có bổn phận ngăn ngừa đừng để ai lạm dụng quyền tư hữu mà phạm đến công ích [14](#).

Chính quyền tư hữu tự nó có một tính cách xã hội. Tính cách xã hội này đặt nền tảng trên luật chung hưởng của cải [15](#). Nếu tính cách xã hội này không được tôn trọng thì quyền sở hữu thường đem đến cơ hội sinh ra những tham lam và gây xáo trộn trầm trọng. Đó là một cơ cho những người chống báng đòi hủy bỏ quyền tư hữu.

Trong nhiều miền kinh tế kém mở mang, vẫn còn những đồng ruộng rộng lớn hoặc rất bao la nhưng chỉ được canh tác sơ sài hay bị bỏ hoang vì tự lợi; trong khi đó phần lớn dân chúng hoặc thiếu đất đai hoặc chỉ được hưởng một phần đất quá ít ỏi và đang khác việc tăng gia sản xuất nông nghiệp lại hiển nhiên là vấn đề cấp bách. Đôi khi nông dân làm thuê hoặc những tá canh chỉ lãnh được một số lương hoặc một lợi tức không xứng với con người. Họ không có được một chỗ ở xứng đáng mà còn bị bọn trung gian bóc lột. Thiếu mọi bảo đảm an ninh, họ sống trong một tình trạng lệ thuộc hoàn toàn đến nỗi họ hầu như không còn có thể hành động theo sáng kiến và với tinh thần trách nhiệm. Và đối với họ, mọi cuộc phát triển văn hóa và tham gia vào đời sống xã hội, chính trị đều bị cấm chế. Do đó tùy trường hợp, cần phải có những cuộc cải cách nhằm gia tăng lợi tức, cải thiện trạng huống làm việc, đảm bảo cho việc thuê mướn và sau hết khuyến khích sáng kiến khi làm việc. Lại nữa, cần phải phân chia ruộng đất chưa được canh tác đầy đủ cho những ai có khả năng làm cho đất đai đó sinh lợi. Trong trường hợp này, cần phải cung cấp vật dụng và những phương tiện cần thiết cho họ, nhất là hỗ trợ về phương diện giáo dục và giúp tổ chức các hợp tác xã một cách chính đáng. Một khi công ích đòi hỏi phải truất hữu, thì cũng phải bồi thường cân xứng tùy theo hoàn cảnh.

**72. Hành động kinh tế xã hội và Nước Chúa Kitô.** Là những người hoạt động tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội ngày nay và tranh đấu cho công bình bác ái, người Kitô hữu cần phải xác tín rằng họ có thể đóng góp nhiều cho nền thịnh vượng của nhân loại và cho hòa bình thế giới. Trong những hoạt động này, họ phải nêu gương sáng với tư cách cá nhân hay đoàn thể. Một khi đã đạt được khả năng chuyên môn và kinh nghiệm cần thiết, trung thành với Chúa Kitô và Phúc Âm của Người, họ phải giữ đúng bậc thang giá trị trong các hoạt động trần thế. Nhờ vậy cả cuộc sống của họ, riêng tư cũng như giữa xã hội đều được thấm nhuần tinh thần của các Mối Phúc Thật, đặc biệt là tinh thần nghèo khó.

Bất cứ ai vâng theo Chúa Kitô, tiên vàn phải tìm Nước Thiên Chúa và từ đó tìm được một tình yêu mãnh liệt và tinh khiết hơn để giúp đỡ các anh em mình và thể hiện công bằng dưới sự thúc đẩy của đức ái [16](#).

---

### Chú Thích:

**75\*** Con người là trung tâm điểm và mục đích của sinh hoạt kinh tế xã hội (số 63a). Hiện nay các sinh hoạt này cũng đang phát triển (b), nhưng không thiếu lý do để lo lắng (c), đặc biệt vì nhiều sự bất bình đẳng giữa các nghề nghiệp, các địa phương và các quốc gia (d), đòi hỏi phải được canh tân (e).

1) Sự phát triển kinh tế.

A) Phải phục dịch con người (số 64).

B) Và được con người điều khiển (số 65): càng nhiều người và càng nhiều quốc gia góp phần để tìm kế hoạch kinh tế thì càng tốt (a). Không thể chấp nhận thái độ chống việc cải cách cũng như chế độ tập trung, vì là xâm phạm đến nhân quyền (b). Tất cả có nhiệm vụ góp phần vào sự phát triển (c).

C) Cần phải loại trừ sự bất bình đẳng, bất công: đặc biệt đối với giới nông dân (a), giới lao động di trú (b), phải giúp mọi người tìm việc làm và huấn luyện họ (c).

2) Một vài nguyên tắc chỉ đạo:

A) Giá trị của việc làm (số 67a, b). Do đó mỗi người có nhiệm vụ và có quyền làm việc với lương bổng xứng đáng (b). Quy tắc kinh tế phải từng phục con người để phát triển nhân phẩm trong việc làm cũng như trong giờ nghỉ ngơi bắt buộc phải có (c).

B) Sự tham gia vào tổ chức kinh tế trong xí nghiệp cũng như trong quốc gia (số 68a). Quyền lập nghiệp đoàn (b). Làm thế nào để giải quyết sự xung đột về công việc: Công Đồng không loại trừ việc đình công như phương tiện tối hậu (c).

C) Trong bất cứ chế độ nào về quyền sở hữu, nguyên khởi của tài sản cũng đòi hỏi tài sản phải được phân chia một cách công bằng (69a). Trong các quốc gia kém mở mang hay tân tiến nguyên tắc ấy có thể được thực hiện ra sao (b),

D) Chính sách tiền tệ (số 70).

E) Cổ võ quyền tư hữu: giá trị của quyền tư hữu (số 71abc). Quyền lợi của chính quyền (d). Vai trò xã hội của quyền tư hữu (e). Đất tư quá rộng và sự cải cách điền địa. (f).

3) Kết luận: Sinh hoạt kinh tế xã hội có thể làm thực hiện đức công bằng và đức thương yêu. Các tín hữu phải làm gương: có thẩm quyền và đem tinh thần Phúc Âm vào sinh hoạt đó (số 72).

**76\*** Trong tình trạng nhà ổ chuột, làm việc thiếu vệ sinh, thiếu nghỉ ngơi... không hiếm ở Việt Nam, đã nói lên mức ảnh hưởng của chiến tranh, nhưng chỉ đúng một phần thôi. Đã lâu rồi, Đức Piô XI viết rằng đó là trách nhiệm của "nhiều người chỉ có một tư tưởng là làm sao để gia tăng của cải cho mình" (Quadragesimo Anno, AAS 23 (1931), trg 177-228). Kẻ ấy lơ là trước cảnh huống khốn khổ của tha nhân như thái độ kẻ giàu có trong dụ ngôn của Chúa Giêsu đối với Lazarô là kẻ nghèo nàn (Lc 16, 19-22).

**1** Xem Piô XII, sứ điệp ngày 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 273. - Gioan XXIII, Huấn từ cho Lao Công Công Giáo Tiến Hành Ý, A.C.L.I., 1-5-1959: AAS 51 (1959) trg 358.

**2** Xem Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 190tt. - Piô XII, Sứ điệp ngày 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 276tt. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 450. - CĐ Vat. II, Sắc lệnh về các phương tiện Truyền Thông Xã Hội Inter mirifica, ch. I, số 6: AAS 56 (1964), trg 147.

**3** Xem Mt 16, 26; Lc 16, 1-31; Col 3, 17.

**4** Xem Lêô XIII, Tđ. Libertas praestantissimum, 20-6-1888: AAS 20 (1887-1888), trg 597tt. - Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931) trg 191tt.; - n.t., Divini Redemptoris: AAS 39 (1937), trg 65tt. - Piô XII, Sứ điệp Giáng Sinh 1941: AAS 34 (1942), trg 10tt. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1964), trg 401-464.

**77\*** Công dân phải được giáo dục để ý thức về nhiệm vụ này. Giới bình dân có thể góp phần gì? Dĩ nhiên sẽ có thể làm ít hay nhiều tùy khả năng, địa vị và tài sản. Một người có thể làm ít, nhưng cả nghiệp đoàn (số 68b) sẽ làm được nhiều. Công Đồng nhắc lại hai điều thiếu sót làm hại cho cộng đoàn quốc gia: một là để tài nguyên vô dụng (ví dụ tích trữ tiền bạc ở nhà; chỉ mua vàng; không đầu tư vào những kế hoạch của cộng đoàn), hai là không cho cộng đoàn hưởng dụng những phương tiện vật chất (ví dụ khi đem tiền gửi ra ngoại quốc) và tinh thần (khi người đi du học không chịu về nước). Công Đồng nhắc lại quyền di cư của mọi người (quyền lợi này và bổn phận phục vụ quốc gia, bên nào khẩn cấp hơn, mạnh mẽ hơn, thì phải xét theo hoàn cảnh thực tế của từng cá nhân).

**5** Về những vấn đề nông nghiệp, đặc biệt xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961) trg 341tt.

**78\*** Việc làm có giá trị cao hơn tất cả các yếu tố khác của sinh hoạt kinh tế, vì: 1) có tính cách nhân bản (không chỉ là khí cụ của con người), 2) là cần thiết cho cuộc sống, 3) cổ võ tinh thần anh em và tinh thần phục vụ lẫn nhau, 4) do đó giúp ta thực hiện đức thương yêu

nhau, 5) để kiện toàn công cuộc tạo dựng, 6) ngoài ra nhờ đó ta có thể cộng tác với Chúa Cứu Thế, 7) không kể việc chúng ta bắt chước chính Người thuở xưa đã làm việc tại Nazareth.

Trước đây (số 35a), Công Đồng đã nói rằng nhờ việc làm mà con người được hoàn hảo hơn và xây dựng xã hội. Bởi đó việc làm cũng là phương tiện để xây dựng hòa bình! Cho nên việc làm không những chỉ có giá trị tự nhiên về phương diện cá nhân cũng như cho xã hội và cả vũ trụ, mà còn có giá trị siêu nhiên giúp ta đền tội, cầu xin nhiều ơn Chúa cho mình và cho tha nhân, thánh hóa bản thân khi phải thực hành nhiều nhân đức như kiên nhẫn, cần mẫn, mạnh bạo, khiêm tốn... và đặc biệt là đức ái đối với Chúa cũng như đối với anh em.

**79\*** A) Có bốn phạm làm việc: Nếu việc làm thực sự có ích lợi cá nhân và xã hội như vừa nói trên, ai không chịu làm việc kẻ ấy phạm đến Chúa bởi vì phạm đến xã hội và anh em, chưa kể đến việc gây thiệt hại cho mình! Trước đây Công Đồng nhắc lại rằng đức tin khiến tín hữu nhập thể và hoạt động cho thực tại trần thế (số 43a). Ngoài ra còn có những hoàn cảnh cụ thể buộc ta làm việc: ví dụ nghĩa vụ cha mẹ phải nuôi nấng con cái, đức công bằng nếu lập kế ước, đức vâng lời cũng như hiếu thảo của con cái trong gia đình v.v...

B) Có quyền làm việc: vì có bốn phạm như vừa nói trên đây. Nhân phẩm cũng đòi hỏi con người có thể hưởng thụ tất cả những giá trị của việc làm. Dĩ nhiên nhân quyền này không có nghĩa là mỗi cá nhân có quyền đòi hỏi nơi cá nhân khác hay xã hội một công việc nào đó, vì hiểu như vậy sẽ không tôn trọng quyền tự do của người khác. Ở đây nhân quyền chỉ có nghĩa là không ai có thể bị ngăn trở hay bị từ chối khi xin làm việc với đầy đủ những điều kiện cần thiết. Hơn nữa chính quyền phải làm sao tổ chức đời sống kinh tế xã hội để có thể giúp đỡ công dân tìm cơ hội làm việc như Công Đồng nhắc lại trong số này.

**6** Xem Lêô XIII, Tđ. *Rerum Novarum*: AAS 23 (1890-91), trg 649-662. - Piô XI, Tđ. *Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931), trg 200-201; - n.t., Tđ. *Divini Redemptoris*: AAS 29 (1937), trg 92. - Piô XII, Sứ điệp truyền thanh vọng lễ Giáng Sinh 1942: AAS 35 (1943), trg 20; - n.t., Huấn từ 13-6-1943: AAS 35 (1943), trg 172; - n.t., Sứ điệp truyền thanh gửi thợ thuyền Tây Ban Nha, 11-3-1951: AAS 43 (1951), trg 215. - Gioan XXIII, Tđ. *Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 419.

**80\*** Phải được trả lương tương xứng, không phải chỉ trả theo sức mạnh của người làm việc (là việc làm của con người chứ không phải của cái máy) mà còn theo nhu cầu của con người trước đời sống vật chất, xã hội, văn hóa và đạo đức. Hơn nữa, tương xứng với nhu cầu không chỉ của một mình người làm mà cả của gia đình họ nữa. Giáo lý của Giáo Hội từ Đức Lêô XIII đến giờ vẫn nhấn mạnh rằng lương bổng đầy đủ cho gia đình là thuộc nhân quyền của người làm việc. Dĩ nhiên phải làm trọn nhiệm vụ này là trả công đầy đủ cho gia đình tùy từng việc và khả năng sản xuất, tùy hoàn cảnh xí nghiệp, tùy đòi hỏi của công ích, đặc biệt phải làm sao để có thể cho càng nhiều người làm việc càng tốt.

**7** Xem Gioan XXIII, Tđ. *Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 408, 424, 427; còn tiếng điều hành (*curatione*) trích trong bản văn Latinh của Tđ. *Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931), trg 199. Về diễn tiến vấn đề, xem thêm: Piô XII, Huấn từ 3-6-1950: AAS 42 (1950), trg 485-488. - Phaolô VI, Huấn từ 8-6-1964: AAS 56 (1964), trg 574-579.

**81\*** Công Đồng nhắc lại rằng công nhân có nhân quyền tập đoàn và mục đích của nghiệp đoàn hay những hình thức khác là để đại diện cho công nhân (ví dụ để lập kế ước lao động) cũng như để góp phần vào tổ chức kinh tế. Nếu chỉ chấp nhận nhân quyền này trên nguyên tắc rồi tạo nên hàng ngàn sự đe dọa và áp lực để ngăn cản công nhân hoạt động tự do trong nghiệp đoàn, như thế là xâm phạm quyền lợi công nhân và trái lẽ công bằng.

**82\*** Nhiều khi người ta nói về quyền đình công để giải quyết những tranh chấp lao động như là một trong các nhân quyền căn bản mà chủ nghĩa dân chủ đã đem lại cho công dân. Công Đồng có lập trường khiêm tốn hơn. Theo Công Đồng sự đình công 1) có thể là phương thế để bảo vệ quyền lợi cũng như để đòi hỏi những nguyện vọng hợp lý, 2) phương thế cần thiết và tối hậu, nghĩa là phương thế duy nhất sau khi cuộc đối thoại và những biện pháp hòa giải đã thất bại.



Sở dĩ như vậy là vì sự đình công gây nên thiệt thòi cho chính người lao động, cho xí nghiệp và cho công ích nữa. Thực ra cuộc đình công có hiệu lực chính là vì gây nên thiệt thòi đó. Cho nên đức ái cũng như đức công bằng cấm việc làm hại cho tha nhân, ngoại trừ trường hợp đó là vũ khí cần thiết để bảo vệ quyền lợi và đồng thời sự thiệt thòi không quá đáng.

Bởi vậy chính quyền có thể phế trừ sự đình công. Nhưng luật ấy sẽ bất công (cho nên vô giá trị) nếu chính quyền không cung cấp phương pháp hữu hiệu và tôn trọng quyền tự do của giới lao động để giải quyết các cuộc tranh chấp về việc làm.

Cuối cùng Công Đồng không nói gì về cuộc đình công chính trị. Trường hợp này phức tạp hơn vì lúc ấy cuộc đình công giống như phương tiện bạo động bất hợp pháp. Do đó phải xét theo nguyên tắc khác (x.số 75).

**83\*** Công Đồng nhắc lại giáo lý truyền thống (các tài liệu trong ghi chú làm chứng). Ta có thể tóm tắt giáo lý của Giáo Hội như sau: 1) Theo ý Đấng Tạo Hóa của cải phải phục dịch cho mọi người (x. *Populorum Progressio*, số 23), và phải bắt chước các kỳ thị (ở trên, số 64). 2) Cho nên cùng đích của chính của cải là phục dịch con người (*Populorum Progressio*, số 22). 3) Tùy theo nhu cầu vật chất, trí tuệ, luân lý, tinh thần và tôn giáo của họ (ở trên, số 64). 4) Của cải phải được đưa tới đầy đủ cho tất cả mọi người nhờ sự phân chia của cải một cách thích hợp hơn (x. Hiến chế tín lý về Giáo Hội, 36). 5) Tức là theo sự đòi hỏi của đức công bằng và với tinh thần yêu thương (*Populorum Progressio*, 22). 6) Kết luận: mọi người đều có thực quyền về những cái cần thiết (PP.22). 7) Các quyền lợi khác, kể cả quyền tư hữu, đều phụ thuộc quyền căn bản này (PP.26). 8) Do đó quyền tư hữu theo bản tính có mục đích xã hội (sau này, số 71). 9) Cho nên chúng ta phải lên án hình thức tư bản chủ nghĩa chủ trương quyền tư hữu vô hạn và tuyệt đối (PP.26). 10) Tất cả mọi người đều phải góp phần trong việc phân chia của cải cho công bằng hơn (do việc làm, lòng quảng đại) (Hiến chế tín lý về Giáo Hội 36; ở trên, 64; PP 23). 11) Đặc biệt chính quyền phải can thiệp khi nào cần thiết (PP. 23). 12) Các dân tộc kém mở mang phải được dân tộc khác trợ giúp (sau này, 85-87) (PP. đặc biệt từ số 43 trở đi). 13) Phải giúp phương tiện cho mọi người cũng như các dân tộc để tự mình phát triển (PP.15,65).

**8** Xem Piô XII, Tđ. *Sertum Laetitia*: AAS 31 (1939), trg 642. - Gioan XXIII, *Allocutio consistorialis*: AAS 52 (1960), trg 5-11; - n.t., Tđ. *Mater et Magistra*: AAS 53 (1961). trg 411.

**9** Xem T. Tôma, *Summa theol.* II-II, q.32, a.5 ad 2; - n.v.t., q.66, a.2: xem dẫn giải trong Lêô XIII, Tđ. *Rerum Novarum*: AAS 23 (1890-91), trg 651. - xem thêm Piô XII, Huấn từ 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 199; - n.t., Sứ điệp truyền thanh lễ Giáng Sinh 1954: AAS 47 (1955), trg 27.

**10** Xem T. Basiliô, *Hom. in illud Lucae "Destruam horrea mea"*, số 2: PG 31, 263. - Lactantiô, *Divinarum Institutionum*, c. V, về sự công bình: PL 6,565 B. - T. Augustinô, *In Joann. Ev. tr. 50*, số 6: PL 35, 1760; - n.t., *Enarratio in Ps. CXLVII, 12*: PL 37, 1922. - T. Gregoriô Cả, *Hom. in Ev.*, bài 20, 12: PL 76, 1165; - n.t., *Regulae Pastoralis liber*, phần III, ch. 21: PL 77, 87. - T. Bonaventura, *In III Sent.*, d. 33 dub. 1: x.b. Quaracchi III, 728; - n.t., *In IV Sent.*, d. 15, p. II, a. 2, q. 1: n.v.t., IV, 371 b; - *Quaest. de superfluo*: ms. Assisi, Bibl. comun. 186, ff. 112 a - 113a. - T. Albertô Cả, *In III Sent.*, d. 33, a.3, sol. 1: x. b. Borgnet XXVIII, 611; - n.t., *In IV Sent.*, d. 15,a. 16: n.v.t., XXIX, 494-497. Về việc xác định của dư thừa của thời đại chúng ta: xem Gioan XXIII, Sứ điệp truyền thanh truyền hình 11-9-1962: AAS 54 (1962), trg 682: "Bổn phận của mọi người và là bổn phận cấp bách của Kitô hữu, chính là thẩm định của dư thừa theo mức độ nhu yếu của người khác và ân cần chăm sóc sao cho việc quản trị và phân phối của cải được tạo dựng có lợi cho mọi người."

**11** Trong trường hợp này có thể áp dụng được nguyên tắc: "Trong lúc cùng quẫn cực độ, mọi sự là của chung, nghĩa là phải được chia sẻ". Đàng khác, đối với lý do, phạm vi và phương cách áp dụng nguyên tắc phải theo bản văn đề ra; ngoài các tác giả tân thời được công nhận, xem thêm T. Tôma, *Summa Theol.*, II-II, q.66, a. 7. Hiển nhiên, để áp dụng đúng nguyên tắc, phải tôn trọng mọi điều kiện theo "luân lý" đòi hỏi.

**12** Xem Gratiani Decretum C. 21, dist. LXXXVI: x.b. Friedberg I, 302. Lời này đã tìm thấy trong PL 56, 491 A và PL 56, 1132 B. - Xem Antonianum 27 (1952) trg 349-366.

**84\*** Công Đồng nhắc lại những lý do làm cho quyền tự hữu trở thành chính nghĩa: 1) nó phát biểu nhân cách, 2) giúp con người làm tròn nhiệm vụ trong xã hội, 3) là phương tiện cần thiết để bảo đảm quyền tự trị cá nhân và gia đình, 4) và giống như sự nối dài của quyền tự do, 5) nó khuyến khích con người làm việc, 6) và do đó trở thành điều kiện cho quyền tự do dân sự.

Nói cách khác và theo các tài liệu được trích lại trong ghi chú 13, 1) bản tính con người đoán được nhu cầu về tương lai nên đã đòi hỏi quyền tự hữu. Khác với thú vật, con người phải lo cho tương lai ! 2) Quyền tự do để tìm kiếm cùng đích cũng đòi hỏi quyền tự hữu một phần nào đó. 3) Đặc biệt quyền tự hữu rất cần thiết để bảo đảm quyền tự trị trước mặt chính quyền, 4) Quyền cũng như bốn phạm làm việc là những lý do bên vực cho quyền tự hữu. 5) Cuối cùng chính công ích đòi hỏi quyền tự hữu: vì nó giúp con người làm việc hăng hái.

Như vậy ta phải quả quyết rằng quyền tự hữu ít ra là quyền của đại gia đình theo khía cạnh tinh thần, và phát sinh bởi luật tự nhiên. (x. Haring, La Loi du Christ, 1963, III, 605-606).

**13** Xem Lê XIII, Tđ. Rerum Novarum: AAS 23 (1890-91), trg 643-646. - Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 191. - Piô XII, Sứ điệp truyền thanh 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 199; - n.t., Sứ điệp truyền thanh Lễ Giáng Sinh 1942: AAS 35 (1943), trg 17; - n.t., Sứ điệp truyền thanh 1-9-1944: AAS 36 (1944), trg 253. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 428-429.

**14** Xem Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 214. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961), trg 429.

**15** Xem Piô XII, Sứ điệp truyền thanh Lễ Hiện Xuống 1941: AAS 44 (1941), trg 199. - Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra: AAS 53 (1961) trg 430.

**16** Về việc xử dụng đứng đắn những của cải theo giáo lý của Tân Ước, xem Lc 3,11; 10,30tt; 11, 41; 1P 5,3; Mc 8,36; 12,29-31; Giac 5,1-6; 1Tm 6,8; Eph 4,28; 2Cor 8,13tt; 1Gio 3,17-20.

## VỀ MỤC LỤC

### **QUÀ GIÁNG SINH NĂM NAY**

#### **Lm. Lê Văn Quảng Psy.D.**

Chúng ta đang ở trong mùa vọng. Vọng là trông chờ, là hy vọng. Sống trong hy vọng thì thường đẹp hơn trong thực tế. Sống trong hy vọng, trong sự chờ mong chúng ta có một cảm giác vui thích hơn. Như cô dâu chú rể trước ngày làm lễ thành hôn, những tháng ngày chờ đợi đã khiến cho đôi nhân tình có một cảm giác về tình yêu thật tuyệt vời. Cả hai lúc nào cũng mơ tưởng đến nhau. Họ mơ tưởng đến một mái ấm gia đình mà trong đó hai trái tim vàng đầy ấp tình yêu. Họ cảm thấy quấn quít bên nhau, không thể xa lìa nhau được. Họ sợ làm phiền nhau nên rất tế nhị với nhau. Họ mong muốn người yêu được hạnh phúc và dẫu có phải hy sinh đến mạng sống thì lúc này họ cũng sẵn sàng.

Tâm tình mong đợi của những người ra đi đoàn tụ cũng vậy. Từ ngày được phỏng vấn và được chấp nhận, họ cảm thấy vui thích vì sẽ có ngày mình được đoàn tụ. Họ mơ ước một thiên đàng bên kia đại dương. Những tháng ngày tương lai của họ thật tươi sáng. Họ sống trong hy vọng, một hy vọng tuyệt đẹp và nhờ thế những năm tháng chờ đợi không chán nản, không quá dài. Họ có rất nhiều chương trình cho ngày đoàn tụ và cho những ngày sau khi đoàn tụ. Tương

lai của họ thật huy hoàng. Nhưng họ có ngờ đâu khi đoàn tụ rồi thực tế quá phủ phàng và cay đắng, khiến họ vỡ mộng và rơi vào vực thẳm.

Hy vọng vào trần gian là như vậy, vì người trần không thể mang lại cho con người tất cả những điều con người mong ước. Nhưng Thiên Chúa thì khác. Thiên Chúa có thể làm được tất cả những gì mà con người không thể nghĩ ra được. Vì thế, chúng ta có lý để sống tâm tình mùa vọng. Như cô dâu mong đợi tân lang, chúng ta nên chuẩn bị tất cả những gì có thể để đón mừng chàng rể đến.

Dầu Âu hay Á, bầu không khí giáng sinh ngày nay đã trở nên của muôn người. Dù thành thị hay thôn quê, giàu hay nghèo, mọi người đều cảm thấy nô nức phấn khởi đón mừng mỗi lần giáng sinh về. Trong nhà, người ta trưng bày cây giáng sinh với những ngọn đèn màu lấp lánh. Bên ngoài là cả một rừng ánh sáng với những bóng đèn chằng chịt được giăng đầy mái nhà. Đâu đâu khắp mọi nơi người ta cũng đều nghe thấy tiếng nhạc giáng sinh, màu sắc giáng sinh, khiến mọi người càng thêm rộn rã chuẩn bị đón giáng sinh về.

Một trong những hân hoan thích thú mỗi độ giáng sinh về là được quà giáng sinh. Nhưng để được quà giáng sinh, chúng ta thường cũng phải chuẩn bị những món quà giáng sinh, và vì thế thời gian chuẩn bị này cũng là thời gian mang lại cho chúng ta một cảm giác vui vui thích thích. Người ta âm thầm đi rảo hết phố này đến phố khác để tìm cho ra được những món quà vừa ý làm quà cho những người mình yêu. Một ngày không đủ, một tuần cũng chưa đủ, có khi người ta đã mất cả mấy tuần lễ liền để tìm mua cho được những món quà giáng sinh. Và niềm vui của họ là ở chỗ đó. Món quà có khi không quý cho bằng thời giờ, công lao họ đã tiêu dùng cho nó. Và đó chính là ý nghĩa của món quà được trao gửi. Một cành hoa, một cuốn album, hay một kỷ vật, nó không là gì đối với thế giới con người ngày hôm nay, nhưng nó nói lên được cái liên hệ tốt đẹp giữa người với người. Nó có thể nói lên tâm tình của người trao tặng muốn bắt đầu một mối liên hệ tốt đẹp đối với người được trao tặng. Hoặc nó có thể nói lên tâm tình của người này muốn giữ mãi mối thâm tình tốt đẹp hiện đang có với người kia, và họ ước muốn cho mối thâm tình ấy ngày một thêm phong phú. Món quà đó cũng có thể diễn tả một tâm tình biết ơn của một người thụ ơn đối với người đã làm ơn cho mình. Hay nó cũng có thể muốn nói lên tâm tình tạ lỗi của một con người đối với người mà mình đã trót làm phụ lòng nhưng vì hổ thẹn không đủ can đảm để nói lên lời xin lỗi. Cho dầu là mang một ý nghĩa nào đi nữa thì những tặng vật đó cũng mang một ý nghĩa tốt đẹp, một mối giây liên hệ vẫn còn tốt đẹp giữa hai người. Chính vì thế, tặng vật rất cần thiết để tạo nên mối thâm tình giữa con người ngày càng thêm mật thiết.

Nếu chúng ta đã hy sinh rất nhiều thì giờ và tiền bạc để đi tìm mua những món quà giáng sinh cho người thân yêu của chúng ta, tại sao chúng ta không tìm một món quà giáng sinh cho chính Chúa trong ngày sinh nhật của Ngài. Ngài mới chính là vai trò chủ yếu trong ngày đại lễ đó. Và chắc chắn Ngài cũng mong muốn mỗi người chúng ta có một món quà gì đặc biệt để tặng cho Ngài trong ngày sinh nhật của Ngài đó. Vấn đề là chúng ta không biết trao tặng cho Ngài món quà gì đây ?

Hãy nhìn vào hang đá, chúng ta thấy gì ? Một Thiên Chúa giáng sinh cho chúng ta. Một Thiên Chúa không sinh ra trong cung điện, trong căn nhà ấm cúng, mà trong một hang đá, trong đêm lạnh giá, giữa cánh đồng hoang vắng. Tất cả những cái đó nói lên cho chúng ta rằng sự lạnh lùng của con người đối với Thiên Chúa, một sự khước từ của con người đối với Thiên Chúa, một sự lạnh lùng giữa tình người với người.

Thiên Chúa đã đến với thân phận một kiếp người nghèo khó, một kiếp người tầm thường, không cao sang, không quyền quý, nên đã bị con người khước từ, xua đuổi. Vậy thì chúng ta phải làm gì cho Ngài trong đêm lạnh giá của mùa giáng sinh năm nay ?

Hãy dâng cho Chúa một chỗ trong gia đình chúng ta! Hãy dâng cho Chúa một chỗ trong cung lòng chúng ta để Ngài được sưởi ấm bởi mối tình nồng chúng ta trao tặng cho Ngài.

Nói đến đây tôi nhớ đến câu chuyện “Món quà giáng sinh của con nhện”. Câu chuyện được ghi lại một cách tuyệt đẹp như sau:



Không phải mọi người đều vui sướng khi hay tin Chúa Giê su sinh ra. Có một người không vui chút nào và rất lấy làm lo lắng, đó là vua Hêrôđê. Ông ra lệnh giết tất cả các trẻ em mới sinh với hy vọng Chúa cũng bị giết. Thánh Giuse và Mẹ Maria vội vàng đem Chúa đi trốn vào rừng sâu. Chiều đến, thánh Giuse tìm ra được một hang đá, nên tạm dừng chân qua đêm. Vì vất vả suốt ngày nên đêm đến các ngài đã thiếp đi trong giấc ngủ. Chủ nhân của cái hang là một chú nhện to tướng. Chú nhện cũng biết rằng Chúa mới sinh ra nên có nhiều người cũng như nhiều con vật đã đến thờ lạy Ngài. Vì thế, chú ước ao được làm một cái gì để làm món quà dâng Chúa. Điều duy nhất chú có thể làm được là kéo sợi làm một màng nhện mà thôi. Nghĩ rồi, chú đứng đưa ra cửa hang làm một màng nhện thật đẹp để trang hoàng cho vị Vua đang ẩn trốn. Sáng hôm sau, quân lính của Hêrôđê lục lọi khắp nơi, mọi hang cùng ngõ hẻm. Nhưng khi đến hang đó, chúng nhìn thấy màng nhện giăng mắc tứ tung ở cửa, chúng mới bảo nhau rằng màng nhện nhiều như thế này thì chắc chắn không có ai chui vào đó, hơn nữa coi chừng có rắn độc. Thế là bọn họ đã kéo nhau đi và Chúa đã được cứu thoát.

Ngày nay trên các hang đá hay cây giáng sinh, để nhớ món quà giáng sinh của con nhện, người ta thường giăng những sợi giây biểu tượng ruột lòng của con nhện đã đổ ra để bảo vệ Chúa.

Hãy bắt chước con nhện, không cần tặng một vật gì xa hoa, cũng không cần làm một điều gì kỳ lạ. Hãy làm điều chúng ta đang làm với ý hướng hy sinh, với tâm tình dâng hiến.

Không có món quà nào cao quý hơn là sự hy sinh và phục vụ những nỗi niềm mơ ước của nhau trong mùa giáng sinh năm nay. Và đây là những ước mơ bình thường của những người thân yêu chúng ta:

Nỗi ước mơ của người vợ không gì khác hơn là mơ ước người chồng biết bớt đi những chè chén say sưa, những giận hờn gay gắt đối với vợ con, nhưng biết dịu dàng hơn, biết cộng tác với vợ trong việc giáo dục con cái và chăm lo hạnh phúc gia đình.

Nỗi ước mơ của người chồng không gì lớn lao hơn là vợ biết sống hiền hòa, tận tụy, hy sinh, biết bảo vệ hạnh phúc gia đình như một người vợ Việt nam thuần túy đáng yêu và đáng quý.

Niềm ước mơ của con cái không gì hơn là ước muốn cha mẹ biết yêu thương và trung thành với nhau, cũng như luôn biết yêu thương, cảm thông và nhất là biết lắng nghe những ý kiến khác biệt của con cái.

Niềm ước mơ của cha mẹ đối với con cái cũng không có gì cao siêu vĩ đại nhưng thật đơn giản và bình thường, là mơ ước con cái chăm lo học hành, biết vâng lời cha mẹ, thảo kính ông bà, và biết lắng nghe những lời chỉ giáo khôn ngoan của cha mẹ trước ngưỡng cửa hôn nhân.



Hãy cố gắng đáp lại những niềm mơ ước đó để làm quà trao tặng cho Chúa và cho nhau. Đó là những món quà cao đẹp, có thể nói không còn món quà nào đẹp hơn những món quà gói đầy tâm tình hy sinh cao quý đó. Chúng ta hãy chuẩn bị những món quà đầy ý nghĩa đó để trao tặng Chúa và trao tặng nhau trong mùa Giáng Sinh này. Chắc chắn bé Hải Nhi sẽ cảm thấy ấm lòng và sẽ mỉm cười cách sung sướng khi nhìn thấy những MÓN QUÀ GIÁNG SINH NĂM NAY.

( Trích trong cuốn **SỨC MẠNH TÌNH YÊU** của linh mục Lê Văn Quảng – Sách đã phát hành và phục vụ tại các nhà sách Công giáo )

## VỀ MỤC LỤC

### **Giới thiệu sách mới: GIA ĐÌNH SỐNG LỜI CHÚA HÀNG NGÀY**



Hội Thánh Công giáo tại Việt Nam đang hân hoan bước vào năm Phụng vụ 2014 với chủ đề “**Phúc-Âm-hóa đời sống gia đình**”. Đây là nỗi thao thức của Hội đồng Giám mục Việt Nam, mong muốn các gia đình Công giáo canh tân đời sống trong thế giới tục hóa hôm nay.

Vì thế, trong Thư Chung 2013, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã viết: “Cùng với việc siêng năng tham dự Thánh lễ và lãnh nhận các bí tích, chúng tôi tha thiết xin anh chị em duy trì *giờ kinh chung* trong gia đình, và cố gắng đưa *Lời Chúa* vào giờ kinh này”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của các vị chủ chăn kính yêu, Văn phòng thư ký HĐGMVN cùng với Chương trình Chuyên đề Giáo Dục của Ủy ban Mục vụ Gia Đình trực thuộc HĐGMVN, đã nhanh chóng biên soạn cuốn sách “**GIA ĐÌNH SỐNG LỜI CHÚA HÀNG NGÀY**” do Đức cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm chủ biên.

Đây là *cuốn sách thiêng liêng* rất hữu ích, giúp các gia đình cầu nguyện và thờ phượng Thiên Chúa ngay trong gia đình. Vì “*Chúa Giêsu hiện diện trong gia đình khi vợ chồng, cha mẹ, con cái cùng nhau cầu nguyện*” (HĐGMVN, Thư Chung năm 2013).

Đây chính là *cuốn cẩm nang sống đạo*, góp phần Phúc-Âm-hóa đời sống gia đình, làm cho Lời Chúa sinh hoa kết quả trong hành trình Đức tin của các Kitô hữu. Vì “*Lời Chúa là đèn soi cho con bước, là ánh sáng chỉ đường cho con đi*” (Tv 119,105).

Những ưu điểm của “**GIA ĐÌNH SỐNG LỜI CHÚA HÀNG NGÀY**”:

- Tất cả các bài “Suy niệm và Cầu nguyện” đều hướng về Gia đình.
- Có mẫu Kinh Sáng, Kinh Tối và Kinh đọc theo ngày trong tuần.

– Có trên 100 câu trích dẫn xoay quanh chủ đề Gia đình.

Sách trình bày mỹ thuật: in màu, bìa cứng, 380 trang, giá bán 60.000 đồng một cuốn. Các giáo xứ và đoàn thể mua từ 1.000 cuốn trở lên sẽ được trợ giá.

### **Nhóm biên soạn “GIA ĐÌNH SỐNG LỜI CHÚA HÀNG NGÀY”**

(Nguồn WHĐ)

## **VỀ MỤC LỤC**

### **LINH HỒN TÔI NGỢI KHEN ĐỨC CHÚA**



Trong mấy ngày vừa qua, Hội Thánh Công giáo long trọng mừng lễ Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội (ngày 8 tháng 12, năm nay dời vào ngày 9 /12). Vô Nhiễm Nguyên Tội, Hội Thánh Công giáo xác tín là một tín điều diễn tả đặc ân quý báu Thiên Chúa đã dành riêng cho Mẹ, trong vai trò là Mẹ Đấng Cứu Thế, đồng thời nhận ra đặc ân này được thông ban cho Đức Maria trong sứ mạng là Mẹ của Hội Thánh, Đấng đồng hành của Hội Thánh mangƠn Cứu Độ đến cho nhân loại, từ đó Hội Thánh hướng về ngày chung thẩm của nhân loại với niềm hy vọng vinh quang của

Thiên Chúa tỏ rạng cho muôn dân, mà ơn Vô Nhiễm Nguyên Tội là dấu chỉ báo trước vinh quang ấy.

Đức Maria chiếm giữ một vị trí quan trọng trong đời sống Đức tin Kitô giáo, Mẹ được nhìn nhận như người Kitô hữu gương mẫu của lòng tin, nghĩa là mọi tín hữu, ở bất cứ góc cạnh nào của cuộc sống cũng có thể tìm kiếm nơi Mẹ câu trả lời về sự sống và sự dẫn thân cho nước Thiên Chúa. Lịch sử xã hội biến chuyển như một dòng chảy, nhưng chân lý Đức tin và ánh sáng lời Chúa thì bất biến.

Ngày 10 tháng 12 vừa qua là ngày Quốc tế Nhân quyền, đặc biệt năm nay Việt Nam trở thành thành viên của Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc. Ở Việt Nam, những ngày qua đã có một số những hoạt động có liên quan đến nhân quyền, từ nhiều phía, tự phát của người dân hoặc của nhà cầm quyền, dưới cái nhìn của Đức tin, chúng ta thử tìm kiếm nơi gương mặt của Đức Maria hình mẫu về cuộc sống, niềm tin và cách ứng xử của Mẹ trong xã hội Mẹ đang sống.

Kính Thánh để lại cho chúng ta lời kinh Magnificat, lời này phản ánh tâm hồn của Mẹ trước quyền năng của Thiên Chúa và tình trạng xã hội đương thời.

***"Linh hồn tôi ngợi khen Đức Chúa,  
thần trí tôi hớn hở vui mừng***

*vì Thiên Chúa, Đáng cứu độ tôi.*

*Phận nữ tỳ hèn mọn,  
Người đoái thương nhìn tới;  
từ nay, hết mọi đời  
sẽ khen tôi diễm phúc.*

*Đáng Toàn Năng đã làm cho tôi  
biết bao điều cao cả,  
Danh Người thật chí thánh chí tôn !  
Đời nọ tới đời kia,  
Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người.*

*Chúa giơ tay biểu dương sức mạnh,  
đẹp tan phường lòng trí kiêu căng.  
Chúa hạ bệ những ai quyền thế,  
Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường.  
Kẻ đói nghèo, Chúa ban của đầy dư,  
người giàu có, lại đuổi về tay trắng.  
...” (Lc. 1, 46 – 53)*

Dẫu rằng xã hội thời ấy đã không cho người phụ nữ có quyền “ăn nói” trước công chúng, không có quyền bày tỏ quan điểm của mình một cách công khai, nhưng lòng tạ ơn của Mẹ vượt lên trên thứ “trật tự xã hội” do con người sắp đặt, và không gì có thể ngăn cản được quyền tạ ơn và thờ phượng Thiên Chúa của Mẹ. Ngược lại những gì “xã hội” nghĩ, Mẹ nói **“hết mọi đời sẽ khen tôi diễm phúc”**.

Trước bất công, đặc quyền đặc lợi, trước quyền lực và sức mạnh tài chánh, trước khoảng cách lớn lao phân biệt giàu nghèo, ...Mẹ không ngần ngại đặt niềm tin tưởng vào quyền năng của Chúa, công khai lên tiếng về sự chọn lựa bao đời nay của Thiên Chúa, và cất cao lời ca tụng trước hành động của Thiên Chúa dành cho sự bênh vực kẻ yếu thế cô thân. **“Chúa giơ tay biểu dương sức mạnh, đẹp tan phường lòng trí kiêu căng. Chúa hạ bệ những ai quyền thế, Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường. Kẻ đói nghèo, Chúa ban của đầy dư, người giàu có, lại đuổi về tay trắng.”**

Là một phụ nữ Do Thái, Mẹ không chỉ quanh quẩn trong góc nhà, nhưng bước chân của Mẹ di chuyển đến nơi cần đến, an ủi nâng đỡ những ai Chúa muốn, tham gia vào đoàn người đi theo Chúa, tích cực trong nhóm người nghe và thi hành lời Chúa, luôn có mặt và đặc biệt có mặt trong các tình huống căng thẳng và đau thương nhất của con người. Mẹ còn tiếp tục bên các Tông đồ trong thời kỳ của Hội Thánh, chung lời cầu nguyện, chia sẻ hiệp thông, hướng dẫn các Tông đồ, tường thuật lại các chi tiết để hình thành Tin Mừng, ...

Chắc chắn chúng ta tìm thấy nơi Mẹ sự giải phóng con người khỏi mọi nô lệ, cho con người được tự do, được sống xứng đáng với nhân phẩm của mình, không khiếp sợ và không chịu khuất phục, những điều đó Mẹ nhào luyện trong tình yêu tuyệt đối Mẹ dành để đáp trả lời tình yêu bao la của Thiên Chúa.

Lm. Vĩnh Sang, dcct.

13 / 12 / 2013

**CHÚA NHẬT IV MÙA VỌNG, NĂM A**

(Is 7:10-14; Tv 24; Rm 1:1-7; Mt 1:18-24)

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Chúa Nhật IV mùa Vọng hôm nay, Giáo Hội cho chúng ta nghe lời tiên tri Isaiah, giấc mơ của Giuse và lời hứa của Thiên Chúa hằng sống, đã trở thành máu thịt loài người trong lòng Trinh Nữ Maria. Sinh nhật chúa Giesu là ngày khởi đầu của lịch sử loài người, ngày hoàn thành mọi hy vọng, ước mơ và trông đợi của dân Israel trong cưu ược.

**DẤU CHỈ CỦA TIÊN TRI ISAIAH**

Trong bài đọc 1, tiên tri Isaiah (Is 7:10-14) cho biết vua Ahaz tỏ ra muốn dựa vào quyền lực của Assyria hơn là của Thiên Chúa (c.12) vì ông không dám làm phiền Thiên Chúa. Đây là một hình thức

đạo đức giả nên đã bị Isaiah quở trách. Dấu chỉ mà Isaiah đưa ra có liên hệ đến việc bảo vệ xứ Judah trong cảnh chán nản buồn phiền, và đặc biệt hơn nữa cũng liên quan đến việc hoàn thành lời Chúa hứa trước kia với David (2Sm 7:12-16) là đấng Emmanuel sẽ đến là một vị vua lý tưởng (Is 9:5-6; 11:1-5).

Giáo Hội luôn luôn theo dõi Tin Mừng Mathieu để thấy việc hoàn thành lời hứa (Is 7:14) được thực hiện nơi chúa Kito và Mẹ Maria. Riêng Isaiah thì không cần biết đến sức mạnh ẩn dấu dưới chính những lời mình nói. Một số người lại để ý đến ông vua tương lai là Hezekiah mà thân mẫu cũng là một người đàn bà Do Thái trẻ, không có chồng. Tuy nhiên Chúa Thánh Thần đã chuẩn bị một giáng sinh khác hầu hoàn thành sứ mạng của Emmanuel mà thân mẫu, mẹ Thiên Chúa sẽ suốt đời đồng trình để cho lời tiên tri này được trọn vẹn.

**HOÀN THÀNH LỜI HỨA NƠI ĐỨC KITO**

Toàn thể Tin Mừng Mathieu đều nói về việc hoàn thành lời hứa nơi đức Kito. Theo gia phả (Mt 1:1-17) thì chúa Giesu chính là điểm mà lịch sử giao ước của Israel nhắm tới, đặc biệt dựa vào những giải đáp và giai đoạn chót đầy bi thảm của đời đức Kito. Mathieu cũng đồng ý với những người Do Thái cùng thời với ông là thời lưu đầy là biến cố sau cùng và đặc biệt trước thời chúa Giesu. Khi thiên thần nói rằng chúa Giesu sẽ “*cứu dân người khỏi tội lỗi*” (Is 1:21) có nghĩa là giải phóng khỏi cảnh lưu đầy. Bài tường thuật của Mathieu về thời thơ ấu của chúa Giesu có thể coi như lời mở đầu của Tin Mừng của ông.



Bản gia phả và năm câu chuyện nói lên việc chúa Giesu giáng trần như là cao điểm của lịch sử Israel, và những biến cố về thụ thai, giáng sinh và thời kỳ thơ ấu của Người là những yếu tố hoàn thành lời tiên tri trong Cựu Ước. Mathieu cho chúng ta biết đức Giesu sinh ra trong lịch sử loài người đã hoàn thành ít nhất ba đề mục trong kinh thánh. Dân Israel trở về đất hứa. Chữ “Giesu”, theo ngôn ngữ Hy Lạp là “Joshua”. Giống như Emmanuel có nghĩa là “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”, đức Giesu là hiện thân của Thiên Chúa nơi dân Người (Is 7:14; 1:23). Giống như một tân David, đức Giesu là sứ giả/đấng thiên sai sinh ra ở Bethlehem (Mt 2:5, Micah 5:1-3).

Câu chuyện đầu tiên Mathieu kể về thời niên thiếu của đức Giesu (Mt 1:18-25) tóm gọn mọi điều nói ở Mathieu 1:16. Đức mẹ trinh thai là công việc của Chúa Thánh Thần. Việc Giuse tính bỏ Đức Mẹ không thành, đã đem Đức Mẹ về nhà mình đồng thời nhận bào thai chúa Giesu là con mình là do lệnh báo từ trời qua giấc mộng. Đường dây gia phả bị đứt đoạn nhưng lời hứa với David đã được hoàn thành qua việc Giuse nhận con trẻ Giesu vào gia đình họ David. Mathieu nhận ra Đức Mẹ trinh thai đúng như là lời tiên tri Isaiah đã nói. (Is. 7:14)

## GIUSE LÀ NGƯỜI CÔNG CHÍNH

Đính hôn là giai đoạn đầu của hôn nhân trước khi hai người nam và nữ chính

thức ăn ở với nhau như vợ chồng. Do đó sự bất trung được coi như tội ngoại tình. Thời gian đính hôn kết thúc ít tháng sau khi người chồng mang vợ mình về nhà, lúc đó là bắt đầu thời gian hôn nhân chính thức. Theo như luật Maisen thì ông Giuse được coi là người công chính (c.19). Giuse muốn huy bỏ giao ước với người mà ông nghi là đã lỗi luật một cách trầm trọng. Bình thường theo luật thì ông phải hành xử như vậy, nhưng bản văn viết lại không yểm trợ quan điểm này, như sách Thứ Luật (TI 22:20-21) không rõ ràng đứng về phía Giuse.

## NHỮNG ÂM VANG TRONG CỰU ƯỚC

Trong Cựu Ước có danh xưng “*Thiên thần Chúa*” có nghĩa là thiên thần được chỉ định thay Chúa liên lạc với loài người. Giấc mộng nói tới trong tin mừng Mathieu (Mt 2:13, 19, 22) có thể ám chỉ giấc mộng của Giuse, con của tổ phụ Jacob (St 37: 5-11:19). Giấc mộng này đi song hành và rất gần với giấc mộng của Amram là cha của Maisen, có liên hệ với Josephus (Antiquities 2,9,3; 212, 215-16). Tên Giesu trong tiếng Do Thái (Mt 1:21) thời Do Thái Giáo ở thế kỷ I gợi nhớ lại tiếng *Joshua* (tiếng Hy Lạp là “Iesous”) có nghĩa là “*Yahweh giúp đỡ*” và được diễn nghĩa là “*Chúa cứu*”.

## THIÊN CHÚA Ở CÙNG CHÚNG TA

Trong Mathieu chúng ta có một tên rất tượng hình là “Emmanuel”, có nghĩa “*Thiên Chúa ở cùng chúng ta*”. Thiên Chúa hứa giải phóng dân Israel mang họ trở về Judah vào thời Isaiah, qua việc Chúa Giesu giáng trần biểu hiện là Thiên Chúa ở cùng dân người. “Emmanuel / Thiên Chúa ở cùng chúng ta” vẫn còn xuất hiện ở cuối Tin Mừng Mathieu khi nói về Chúa Giesu phục sinh để chứng tỏ cho các môn đệ là Chúa Giesu vẫn tiếp tục ở lại với các ông: “*Ta vẫn luôn ở lại với các anh cho đến tận thế*” (Mt 28:20). Thật vậy, Thiên Chúa đã giữ lời hứa qua Đức Giesu, và chúa Giesu đã hoàn thành chương trình cứu độ của Thiên Chúa trong cả lời nói lẫn việc làm, trong cả ước vọng và sự hiện diện, bằng cả máu và thịt mình.

Dưới danh xưng Emmanuel, chúng ta đã tìm ra câu trả lời cho nỗi ước mong thầm thiết có Thiên Chúa của loài người qua mọi thời đại. Emmanuel, về phía chúng ta, chính là cầu nguyện và khẩn van, về phía Thiên Chúa thì có cả lời hứa lẫn việc tuyên xưng. Khi chúng ta tuyên xưng Lời, là chúng ta đã thực sự cầu nguyện và khẩn van: “*Lạy Chúa, xin ở với chúng con!*” Khi Thiên Chúa nói nên lời thì đấng tạo dựng muôn loài, vô thủy vô chung, sáng láng vô cùng cũng nói với chúng ta: “*Ta ở với các con*” qua con trẻ này. Thiên Chúa ở cùng chúng ta qua hài nhi

này, không đơn thuần chỉ để ban ơn phúc như kiêu trang trí bên ngoài cho đẹp mắt những lúc gặp khó khăn ngặt nghèo. Thiên Chúa cũng không ở với chúng ta như cách Chúa sẽ dùng Đức Giesu để giúp đỡ, bảo vệ, cứu giúp và hướng dẫn chúng ta khỏi cơn nguy biến. Không, Thiên Chúa hài nhi đang nằm trong máng cỏ ở Bethlehem là “*Thiên Chúa Ở Cùng Chúng Ta*”, bởi vì con trẻ đó chính là Thiên Chúa.

Hơn hẳn các thánh sử khác, Mathieu cẩn thận ghi lại mọi biến cố xảy ra trong đời Chúa Giesu đến độ “*những điều được nói truyền qua các tiên tri đều được ứng nghiệm*”(Mt.2:23). Cuối cùng ở câu Mt 1:25, chúng ta thấy Mathieu viết: “...*cho đến khi Mẹ Maria sinh con trai*”. Mathieu đã cẩn thận nhấn mạnh là Giuse không có trách nhiệm làm cho Maria có thai Chúa Giesu. Trong ngôn ngữ Hy Lạp từ *lời /word* được dịch là “*đến khi*” cũng không ám chỉ những điều kiện của một cuộc hôn nhân bình thường sau khi người vợ sinh con, nhưng cũng không loại trừ nó.

## LỜI KẾT: CHIỀU KÍCH CỦA THỜI CÁNH CHUNG

Tuần này chúng ta tiếp tục suy niệm tông thư Lời Chúa / Verbum Domini của Biển Đức XVI, nhất là phần nói về “*chiều kích của Lời Chúa về thời cánh chung*”

14\*-Trong tất cả mọi điều về chuyện này, Giáo Hội lên tiếng cho biết là, với Chúa Giesu Kito, thì Giáo Hội luôn luôn nắm vững Lời Chúa cố định như sau: “*Người là đầu hết và là cuối chót*” (Kh 1:17). Người đã cho mọi tạo vật và lịch sử một ý nghĩa nhất định; do đó chúng ta đã được kêu gọi để sống trong thời gian và trong sự tạo dựng của Thiên Chúa đúng theo nhịp điệu của lời về thời cánh chung; “*Vậy tân ước của Kito giáo, vì nó là một giao ước mới và nhất định, nên sẽ chẳng bao giờ qua đi; và không có một mạc khải chung mới nào cần phải chờ đợi trước khi Chúa Giesu Kito tỏ mình trong vinh quang (cf 1Tm 6:14 và Tt 2:13).*”

Thực vậy, như các Giáo phụ đã ghi chú trong hội nghị, “*Kito giáo độc nhất và duy nhất phải được biểu lộ trong biến cố đức Giesu Kito, cao điểm của mạc khải, lời hứa của Thiên Chúa được ứng nghiệm và là đáng trung gian giữa Thiên Chúa và loài người. Người là đáng làm cho mọi người nhận biết Thiên Chúa (Ga 1:18), là đáng duy nhất, là Lời nhất định đã được ban cho loài người.*”

Thánh Gioan Thánh Giá đã diễn tả sự thật này một cách tuyệt vời: “*Vì Người đã ban cho chúng ta Con Một người, Lời duy nhất (vì Người không có ai khác), Người đã nói tất cả mọi sự ngay lập tức trong Lời duy nhất này –và Người không còn gì nữa để nói...bởi vì Người đã nói trước cho các tiên tri theo nhiều cách, Người đã nói tất cả mọi sự ngay lập tức bằng cách ban cho chúng ta tất cả những sự này là Con Một của người. Bất cứ ai cật vấn Thiên Chúa hoặc ước mong một viễn tượng hay mạc khải nào đó thì có thể bị lỗi, không phải chỉ vì điên khùng mà còn súc phạm đến Người nữa, bởi lẽ đã không để mắt hoàn toàn nơi Chúa Kito, lại sống mơ mộng về một điều khác mới lạ nào đó.*”

Hậu quả là hội nghị đã chỉ ra nhu cầu “*phải giúp các tín hữu phân biệt Lời Chúa với những mạc khải riêng*” mà nhiệm vụ của nó “*không phải là ‘hoàn thành’ mạc khải nhất định của chúa Kito, mà là giúp họ sống với mạc khải trọn vẹn hơn trong một thời gian nhất định nào đó của lịch sử*”. Giá trị của mạc khải riêng thì tự bản chất nó khác với mạc khải chung. Mạc khải chung đòi hỏi đức tin, trong đó chính Thiên Chúa nói với chúng ta qua lời nói của loài người và trung gian là xã hội sinh động của Giáo Hội. Tiêu chuẩn để xét đoán sự thật của một mạc khải riêng là hướng về chính Đức Kito. Nếu nó dẫn đưa chúng ta xa lìa Người, thì chắc chắn nó không được dẫn đưa do Chúa Thánh Thần, đáng diu dắt chúng ta đi vào Tin Mừng thâm sâu hơn, chứ không làm cho chúng ta xa rời nó. Mạc khải riêng là một phụ giúp cho niềm tin này, nó chứng minh tính khả tín của nó một cách rõ ràng, bởi vì nó trở lại với mạc khải chung. Khi Giáo Hội

chuẩn nhận một mạc khải riêng thì có nghĩa là nó không có gì ngược lại đức tin và luân lý. Lúc đó đưa ra công chúng thì sẽ không trái luật và người tín hữu có quyền tán đồng một cách khôn ngoan. Một mạc khải riêng có thể giới thiệu những phương hướng mới, đưa ra những hình thức mới về bác ái hoặc đào sâu những hình thức cũ. Nó có thể có một đặc tính ngôn sứ nào đó (cf 1Th 5:19-21) và có thể là một trợ giúp có giá trị để hiểu biết rõ ràng hơn và sống Phúc Âm ở một thời điểm nào đó; do đó không nên đối xử nhẹ nhàng với nó. Đó là một cách giúp đỡ, nhưng không bắt buộc phải dùng nó. Trong bất cứ biến cố nào, nuôi dưỡng niềm tin, hy vọng và tình thương yêu vẫn là vấn đề quan yếu. Đó là con đường cứu chuộc vĩnh viễn cho tất cả mọi người.

Fleming Island, Florida

Dec. 20, 2013

NTC

**NB-** Đây là bài suy niệm của một giáo dân bình thường dựa vào những điều đã được học hỏi nơi Giáo Hội, trong Kinh Thánh/Tin Mừng, những lớp giảng huấn dành cho giáo dân người lớn và những nghiên cứu riêng tư cùng kinh nghiệm sống đạo trong xứ, cộng đồng và bạn bè v.v.... Dĩ nhiên có nhiều thiếu sót và có thể sai lỗi, xin quý độc giả và các đáng bậc góp ý sửa chữa. Rất đa tạ

NTC - [Fxavvy@aol.com](mailto:Fxavvy@aol.com)

## VỀ MỤC LỤC

### DOANH NHÂN VÀ LỜI CHÚA



Nói đến doanh nhân là nói đến sự quan tâm đến tiền bạc, làm thế nào để kiếm tiền. Kiếm tiền là một nhân tố quan trọng đã ăn sâu vào trong từng mạch máu của doanh nhân. Tuy nhiên, không chỉ chuyên tâm lo đầu tư, làm ăn thương mại, doanh nhân còn có tinh thần sáng tạo, cực kỳ nhạy bén trước thông tin và các cơ hội thị trường. Điểm mạnh của doanh nhân là họ năng động, dám bỏ vốn để đầu tư, kinh doanh, và rất giỏi nối kết con người với các yếu tố sản xuất để thực hiện dự án, không quá hãi sợ rủi ro – cho dù đôi khi rủi ro không nhỏ – mà dám chấp nhận, qua đó tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động.

Đó là tinh thần doanh nghiệp mà mọi doanh nhân đúng nghĩa đều phải có. Thế còn doanh nhân Công giáo thì sao, liệu với tư cách tín hữu Đức Kitô, họ có thêm vào chút “men”, “muối” nào cho đời

không? Lời Chúa và học thuyết xã hội Công giáo có thể soi sáng được gì cho các doanh nhân này trong hoạt động kinh tế của họ?

### **Phải chăng tiền thân của tỉ phú vịt Scrooge McDuck và lão Scrooge trong truyện “A Christmas Carol” của Charles Dickens là cái lão bá hộ khờ trong dụ ngôn Luca 12,16-21?**

Giáo hội Công giáo có truyền thống quan tâm chăm sóc những người bất hạnh, cơ nhỡ, tật bệnh. Chính nhờ biết yêu thương, chăm sóc người nghèo mà Giáo hội đã thành công trong công cuộc rao giảng Tin Mừng ngay từ những thế kỷ đầu tiên. Nhờ thực hành *Điều Răn Mới* (Ga 13, 34) nên tỷ lệ những người Công giáo sống sót trong các trận dịch ngày xưa bao giờ cũng cao hơn so với những cộng đồng khác trong xã hội.

Giáo hội với truyền thống chăm sóc người nghèo đã hình thành nguyên tắc “ưu tiên lựa chọn người nghèo” (GLGHCG 2443-2449, TLHTXHCG 182). Từ thời xa xưa, Thánh Augustinô với tư cách “người ăn xin cho những kẻ ăn xin” (Serm. 66,8), thường hay lập đi lập lại vào cuối bài giảng của mình: “hãy cho người nghèo” (Serm. 61,13), “hãy nghĩ đến người nghèo” (Serm. 25,8; Serm. 122,6), “hãy cho người nghèo những gì bạn đã thu tích được” (Serm. 66,5)

Tuy nhiên, ưu tiên lựa chọn người nghèo không có nghĩa là Giáo hội chống lại việc kinh doanh, bài xích doanh nhân và đả phá tiền bạc. Công tâm xem xét, phải nhận rằng nhờ tiền bạc, tài sản mà ta có thêm khả năng đóng góp vào công ích và phục vụ các thiện ích của con người. Tài sản là phương tiện để đạt đến mục đích. Mục đích cao quý thiếu tiền bạc xem ra cũng khó đạt đến.

Như vậy, cái gì đáng trách? Cái đáng trách ở đây là lòng ham muốn tiền bạc. Lời Chúa rất rõ ràng về điều này. “*Cội rễ sinh ra mọi điều ác là lòng ham muốn tiền bạc*” (1 Tm 6,10).

### **Doanh nhân và tinh thần doanh nghiệp**

Nói đến tiền bạc là nói đến doanh nhân. Ngược lại, nói đến doanh nhân là nói đến tiền bạc, sự quan tâm đến tiền bạc, làm thế nào để kiếm tiền. Kiếm tiền là một nhân tố quan trọng đã ăn sâu vào trong từng mạch máu của doanh nhân. Tuy nhiên, không chỉ chuyên tâm lo đầu tư, làm ăn thương mại, doanh nhân còn có tinh thần sáng tạo, cực kỳ nhạy bén trước thông tin và các cơ hội thị trường. Điểm mạnh của doanh nhân là họ năng động, dám bỏ vốn để đầu tư, kinh doanh, và rất giỏi nối kết con người với các yếu tố sản xuất để thực hiện dự án, không quá hãi sợ rủi ro – cho dù đôi khi rủi ro không nhỏ – mà dám chấp nhận, qua đó tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động.

Đó là tinh thần doanh nghiệp mà mọi doanh nhân đúng nghĩa đều phải có. Thế còn doanh nhân Công giáo thì sao, liệu với tư cách tín hữu Đức Kitô, họ có thêm vào chút “men”, “muối” nào cho đời không? Lời Chúa và học thuyết xã hội Công giáo có thể soi sáng được gì cho các doanh nhân này trong hoạt động kinh tế của họ?

## Doanh nhân Công giáo và Lời Chúa

Được Lời Chúa sáng soi, doanh nhân Công giáo cần đem vào môi trường kinh doanh một cái gì rất Kitô hữu, như Điều Răn Mới và tinh thần vì công ích.

Về các vấn đề xã hội, Lời Chúa – lời cứu độ – có một định hướng rõ ràng: bạn hãy quan tâm chăm sóc những con người thấp cổ bé miệng, số phận hẩm hiu như các bà góa và cô nhi, như ta có thể tìm thấy trong Thư Thánh Giacôbê. Do đó, ta không trông mong tìm thấy trong Sách Thánh những lời khuyên tư vấn về việc đầu tư, mua chứng khoán như ta dễ dàng có thể tìm thấy trong cuốn *The Intelligent Investor* (Nhà Đầu Tư Thông Minh) của Benjamin Graham, nhà tư vấn đầu tư hàng đầu thế giới của thế kỷ 20, từng là thầy của tỷ phú Warren Buffett. Thế thì ta tìm thấy gì ở đây? Văn chương Khôn ngoan của Cựu Ước cho ta những tia sáng nhỏ về hoạt động của doanh nhân: “*Còn về những chuyện sau đây, con đừng xấu hổ... vì thu lợi ít hay nhiều, vì lợi lộc do nghề buôn bán*” (Kn 42,1.5).

Phân tích câu văn, ta thấy ngoài việc khẳng định chuyện mua bán đổi chác và thu lợi nhuận từ việc kinh doanh đó, có một vấn đề: các thể hệ doanh nhân đều gặp phải thái độ nghi ngờ của thiên hạ đối với việc họ kiếm bộn bạc từ hoạt động kinh doanh. Cha ông ta ngày xưa thì xếp doanh nhân vào hạng chót trong bậc thang những ngành nghề chính trong xã hội theo thứ tự sự kính trọng giảm dần: sĩ, nông, công, thương.

Sách Thánh có nói gì thêm để cất đi sự thẹn thùng đó không?

Thưa có, Tân Ước có nói một cách ẩn dụ về doanh nhân. Dụ ngôn những yến bạc (x. Mt 25,14–30) khuyến khích sự cần mẫn khai thác, sử dụng các tài năng, các “yến bạc” Thiên Chúa ban cho ta. Đừng quá thủ thế co vòi, né thất bại, sợ trả giá nếu muốn sống cuộc đời đắc lực, trở sinh hoa trái. Chắc chắn dụ ngôn này có hương vị cánh chung, nhưng đừng quên Chúa chúng ta khi kể lại dụ ngôn đã sử dụng một đơn vị đo lường về tài sản là yến bạc và bảo ta đừng khư khư giữ lấy mà hãy đem ra “xài” để sinh lãi. Không những thế, Người còn thuật liền một mạch hai dụ ngôn song song: Dụ ngôn kho báu và ngọc quý (Mt 13,44-46)

*"Nước Trời giống như chuyện kho báu chôn giấu trong ruộng. Có người kia gặp được thì liền chôn giấu lại, rồi vui mừng đi bán tất cả những gì mình có mà mua thửa ruộng ấy."*

*"Nước Trời lại cũng giống như chuyện một thương gia đi tìm ngọc đẹp. Tìm được một viên ngọc quý, ông ta ra đi, bán tất cả những gì mình có mà mua viên ngọc ấy."*

Các dụ ngôn này rõ ràng nói về sự sống đời đời đang được Thiên Chúa “rao bán” – giá mua cực kỳ hời cho dù bạn có phải bán tống bán tháo mọi sự mình có ở trần gian này để “mua”

lấy “*Nước Trời*”. Các nhà chuyên môn bảo ta rằng các dụ ngôn đó sử dụng nguyên tắc “thăng hóa” (the principle of sublation), nghĩa là ở đây dụ ngôn đưa ra một cái gì đó mới mẻ, hoàn toàn khác (*sự sống đời đời*), nhưng không có ý can thiệp hay dẹp bỏ công việc của các doanh gia và thương nhân. Trái lại, dụ ngôn cần đến và giữ lại các công việc cũng như các hoạt động của doanh nhân và “nâng cấp”, đưa đến một sự thăng hoa, một sự thực hiện toàn vẹn, hoàn bị hơn. Xem ra Sách Thánh có vẻ mặc nhiên tán đồng hoạt động của doanh nhân.

### **Caritas in veritate: nguyên tắc nhưng không và lô-gích quà tặng phải có chỗ đứng trong hoạt động kinh tế bình thường**

Đức Giáo hoàng Bênêđictô XVI dường như muốn các doanh nhân đi thêm “một dặm nữa” trên chốn thương trường như chiến trường. Trong Thông điệp *Caritas in Veritate* (Bác ái trong Chân lý), được biên soạn trong những năm khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, ngài khẳng định một nền kinh tế đúng đắn, lành mạnh không những phải dựa trên nhân đức tự nhiên công bằng mà còn phải đặt cơ sở trên nhân đức siêu nhiên bác ái. Nếu Đức Lêô XIII trong Thông điệp *Rerum novarum* (Tân Sự) khẳng định kinh tế phải dựa trên công bằng, mà dấu hiệu của công bằng là đồng lương chính đáng, sống được, thì Đức Bênêđictô XVI bảo rằng hãy đưa vào đó không những các nguyên tắc công ích, công bằng, đạo đức mà cả “nguyên tắc tặng cho nhưng không” và “lô-gích quà tặng”:

“Hoạt động kinh tế không thể giải quyết được mọi vấn đề xã hội thông qua việc chỉ áp dụng lô-gích thương mại. Lô-gích thương mại *cần phải hướng đến việc theo đuổi công ích* [...] Thị trường không phải, và không được trở thành, nơi cho kẻ mạnh đàn áp người yếu.

Học thuyết xã hội của Hội Thánh chủ trương rằng các quan hệ xã hội đích thực nhân bản về tình bạn, liên đới và tương hỗ cũng có thể phát huy trong hoạt động kinh tế, chứ không phải chỉ ở bên ngoài hoặc “theo sau” hoạt động đó. Lãnh vực kinh tế không trung lập về mặt luân lý, tự bản chất không phải là phi nhân và chống lại xã hội. Kinh tế là một bộ phận của hoạt động con người và vì kinh tế mang tính nhân bản, nên phải được cơ cấu hóa và quản trị một cách có đạo đức.

Thách thức lớn đặt ra trước chúng ta, xuất phát từ những vấn nạn về phát triển trong kỷ nguyên toàn cầu này và càng trở thành khẩn trương hơn bởi cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính, đó là trên bình diện tư duy cũng như ứng xử, ta phải chứng minh rằng chẳng những các nguyên tắc truyền thống về đạo đức xã hội như tính minh bạch, tính trung thực và tinh thần trách nhiệm không thể bỏ qua hoặc lơ là, mà còn trong cả *các quan hệ thương mại, nguyên tắc tặng cho nhưng không* và *lô-gích quà tặng* như sự thể hiện tình huynh đệ có thể và phải *tìm thấy chỗ đứng của mình ngay trong hoạt động kinh tế bình thường*. Đây là một đòi hỏi của con

người vào lúc này, nhưng cũng là đòi hỏi của lô-gích kinh tế nữa. Đây cũng là đòi hỏi của bác ái và sự thật (36).

Học thuyết xã hội của Hội Thánh luôn luôn chủ trương rằng *công bằng phải được áp dụng đối với mọi giai đoạn của hoạt động kinh tế* [...]. Các quy tắc công bằng phải được tôn trọng ngay từ đầu, trong khi tiến trình kinh tế diễn ra, chứ không phải chỉ sau đó hoặc ngẫu nhiên. Cũng cần phải tạo ra mặt bằng trong thị trường cho hoạt động kinh tế được thực hiện bởi những chủ thể muốn tự do hành động theo các nguyên tắc khác với những nguyên tắc thuần túy vì lợi nhuận, mà không từ bỏ việc sản xuất ra giá trị kinh tế. Việc có nhiều chủ thể kinh tế xuất phát từ các sáng kiến của các tu sĩ và giáo dân cho ta thấy rằng đây là điều có thể thực hiện trong hoàn cảnh thực tế được.

Trong kỷ nguyên toàn cầu, nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi những mô hình cạnh tranh gắn liền với các nền văn hóa rất khác nhau. Những hình thức khác nhau của doanh nghiệp kinh tế xuất hiện những kiểu mẫu cạnh tranh này tìm thấy điểm gặp gỡ chính yếu của mình nơi công bằng giao hoán. *Sinh hoạt kinh tế* rõ ràng đòi hỏi phải có các *hợp đồng*, để điều chỉnh các quan hệ trao đổi giữa những hàng hóa có giá trị tương đương. Thế nhưng, sinh hoạt kinh tế cũng cần đến những *luật lệ công bằng* và *các hình thức tái phân phối* bởi chính trị, và hơn thế nữa, sinh hoạt kinh tế cần các hoạt động mang đầy *tin thần tặng cho* (37).

### **“Cho thì có phúc hơn là nhận”**

Tuy nhiên, mãi mê kiếm tiền như nhân vật Scrooge trong truyện “A Christmas Carol” của Charles Dicken, ngụp lặn trong đồng bạc như bác Scrooge trong truyện tranh Vịt Donald vì mục đích muốn chiếm hữu, để “có” nhiều hơn, thì lại là điều chẳng nên, rất nguy hiểm là đằng khác, vì người ta dễ đi lạc mục tiêu, “*được lời lãi cả thế gian*” mà đánh mất “*sự sống đời đời*”. Có lẽ “*tiền thân*” của cả hai gã Scrooge này là cái lão bá hộ khờ trong Luca 12,16-21. Trong một môi trường như thế, có cách nào để tránh cái cám dỗ thường xuyên, trường kỳ đó không?

Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II trong Sứ điệp Mùa Chay 2003 viết:

“Lòng ham muốn chiếm hữu quá mức ngăn cản con người mở lòng ra cho Đấng Tạo Hoá và cho anh chị em của mình. Những lời của Thánh Phaolô gọi cho Timôthê vẫn giữ nguyên giá trị đối với mọi thời đại: “*Cội rễ sinh ra mọi điều ác là lòng ham muốn tiền bạc, vì buông theo lòng ham muốn đó, nhiều người đã lạc xa đức tin và chuốc lấy bao nỗi đớn đau xâu xé*” (1 Tm 6,10)!

Bóc lột người khác, đứng dưng trước đau khổ của anh chị em mình, và vi phạm các luật cơ bản về luân lý chỉ là một vài hậu quả của lòng hám lợi”.

Vị Chân Phước đưa ra phương dược: “*Cho thì có phúc hơn là nhận*”. Cụ thể, ngài đề nghị:

“Mùa Chay ban cho ta các vũ khí thiết thực và hữu hiệu là ăn chay và rộng tay làm phúc như một phương tiện để ta chiến đấu chống lại một sự gấn bó với tiền bạc thái quá”.

Đây là lời cảnh tỉnh, lời khuyên đối với tất cả mọi người, chẳng cứ gì chỉ dành cho giới doanh nhân.

Xét cho cùng, là người giỏi kinh doanh, doanh nhân Công giáo phải biết lòng sục, săn tìm, mua sắm cho bằng được “kho báu chôn giấu trong ruộng” và “viên ngọc quý”, mà Lời Chúa và học thuyết xã hội Công giáo chính là tấm bản đồ, là bức mật thư cần đọc.

Đan Quang Tâm

## VỀ MỤC LỤC

### **Ý NIỆM « SỐNG LẠI » CỦA CÁC VỊ GIÁO-PHỤ ĐẠO CHÚA GIÊSU TRONG BỐN THẾ KỶ ĐẦU KỶ NGUYÊN**

**Gs. Trần Văn Toàn**

*(tiếp theo kỳ trước)*

#### **2 – Con người được sống lại**

Ở đây, khi bàn về sự « sống lại », tất nhiên ta đặt câu hỏi về *thân phận của con người cá nhân*, cũng như bao nhiêu tôn giáo hay triết học đã đặt : con người được « sống lại » thì sẽ ra làm sao ?

Nhưng điểm đặc biệt, riêng biệt cho đạo Thiên Chúa – dưới hình thức đạo Do-thái hay đạo Chúa Giê-su cũng vậy – là coi sự « sống lại » cũng chính là *liên quan giữa con người, cộng đồng và Thiên Chúa*. Nói thể khác, « sống lại » cũng đồng nghĩa với *được cứu độ, được cứu rỗi, được sống muôn đời* [9]. Đó là ý nghĩa thứ nhất. Ngoài ý nghĩa « được cứu rỗi » thì hai chữ « sống lại » trong Thánh-Kinh còn dùng để chỉ sự mọi người sẽ sống lại để rồi chịu phán xét, sau đó thì người lành được cứu rỗi, kẻ dữ bị trừng phạt. Chính vì không phân biệt hai thứ « sống lại » như thế, cho nên nhiều khi ta tưởng rằng trong các giáo phụ, có vị thì chủ trương mọi người sẽ « sống lại », có vị thì chủ trương chỉ có người lành mới được « sống lại » mà thôi. Lại cũng vì không phân biệt như thế, cho nên thỉnh thoảng có người phân biệt cánh-chung-luận đã thực hiện (*eschatologie réalisée dans le présent*)[10] với cánh-chung-luận vị lai (*eschatologie future*).

Vậy theo quan niệm có khuynh hướng nhị nguyên của các giáo phụ, thì khi « sống lại » linh hồn ra sao, thân xác ra sao ?

#### **21 – Linh hồn « sống lại » như thế nào ?**

Nếu ta hiểu rằng khi « sống lại » thì con người được thiết lập lại sau khi chết, thì kẻ là không có vấn đề gì về phía linh hồn cả, vì lẽ linh hồn vốn đã được coi là bất tử rồi, như ta thấy trong các sách Cựu Ước viết vào thời dân Chúa sống dưới quyền đô hộ của người Hi-lạp, ví dụ như trong *Sách Khôn Ngoan*, và trong các tác giả phần Tân Ước, như thánh Gio-an và thánh



Phao-lô. Vì thế mà các giáo phụ ở thế kỷ II không có bận tâm gì về việc minh chứng linh hồn bất tử, vì ai cũng nhận như thế rồi. Các vị đó chỉ để tâm chống lại quan niệm nhị nguyên và khẳng định rằng toàn thể con người, xác và hồn, sẽ được « sống lại », được « sống muôn đời »[11].

Như thế là các vị đó đã đồng ý và lấy lại quan niệm của triết học Hi-lạp đương thời. Thật rõ ràng là có hội nhập văn hóa. Nhưng vẫn không tránh được một vài cái bất tiện. Vì xét cho cùng thì trong đó có ít là hai cái lệch lạc. *Một là* : quan niệm triết học nhị nguyên đó đưa đến một thứ nhân sinh quan thiếu sót, vì cho rằng con người đích thực chỉ là một cái linh hồn không xác, vì thể thân xác không phải thực là con người. *Hai là* : theo quan niệm đó thì linh hồn người ta tự nó có tính bất tử, mà tính bất tử là đặc tính của thần linh, cho nên phải nói rằng con người có bản tính thần linh, và đây là điều mà đạo Thiên Chúa không thể chấp nhận được, vì lẽ con người cũng như vũ trụ là do Thiên Chúa tác tạo nên.

Các vị giáo phụ đều thấy rõ vấn đề khó khăn do quan niệm linh hồn bất tử gây ra. Nhưng các vị đó lại có nhiều phản ứng, có nhiều giải pháp khác nhau.

*Thêôphilê* người thành An-ti-ô-khi-a, và *I-rê-nê* người thành Lyon – cũng như trong một vài bản văn của *Justino* – thì chủ trương rằng linh hồn, tự bản tính nó, thì không bất tử, chỉ có một mình Thiên Chúa là có bản tính bất tử. Còn nếu con người thực sự bất tử thì là vì được Thiên Chúa cho như thế. *Athénagoras* cho rằng nếu xét theo quan điểm luân lý đạo đức thì linh hồn phải là bất tử. Tuy có giải đáp khác nhau nhưng các vị đó đều nhận định hai điểm sau đây : *một là* : toàn thể con người, xác và hồn, sẽ « sống lại » ; *hai là* : thêm vào cái sống lại đó, thì còn có sự « sống lại » hiểu theo nghĩa là được thân tình với Thiên Chúa[12].

*Tertulliano* là người đã cố gắng suy tư về sự « sống lại » một cách có hệ thống trong cuốn sách *Luận về thân xác người ta sẽ sống lại (De carnis resurrectione)*. Ông đem vào đạo Chúa Giê-su một quan niệm triết học về tính bất tử, bằng cách dùng hai chứng lý của Platôn : *một là* linh hồn có tính đơn giản, đã không do nhiều yếu tố tụ hợp lại thì cũng không có thể tan rã được ; *hai là* theo quan điểm luân lý đạo đức thì linh hồn phải là bất tử. Và ông dùng các bản văn có trong Thánh-Kinh để minh chứng. Rồi ông kết luận rằng linh hồn tự bản tính nó là bất tử. Đây là điểm then chốt để có thể nói về vận mệnh của cá nhân trong cánh-chung-luận[13].

*Lactantiô* cũng đi theo quan niệm này, và minh chứng bằng các chứng lý của Platôn và của Cicêrô, đồng thời ông nhấn mạnh rằng tính bất tử là thành phần của sự cứu độ, và sự cứu độ chỉ được hoàn thành vào lúc thể mật, vào lúc tận thế[14].

*Ô-ri-ghe-nê* thì đi xa hơn một ít. Ông là giáo phụ đầu tiên chủ trương rằng linh hồn đã có sẵn trước đi vào thân xác. Quan niệm của ông đã gây ra nhiều phản ứng trong giới thần học đương thời, nhất là *Méthôđô* người ở Olympô. Cái ưu điểm của quan niệm này là đã nhấn mạnh vào tầm quan trọng của linh hồn Chúa Ki-tô Cứu thế, nhưng cái nhược điểm của nó trong nhân sinh quan là lại chủ trương rằng linh hồn con người ta tự nó là bất tử. Muốn trung thành với truyền thống, *Ô-ri-ghe-nê* cho rằng linh hồn vừa tự nhiên có tính bất tử, lại vừa được Thiên Chúa cho thành bất tử nữa ! Thêm vào đó ông chủ trương rằng thân xác cũng có hai thứ bất tử, một cái là do linh hồn cho nó, một cái là do Chúa Ki-tô cho[15].

Sau thời *Ô-ri-ghe-nê* thì không thấy xuất hiện quan niệm nào mới cả. Có lẽ là vì người ta cũng đã thử tìm, nhưng không tìm ra thêm được giải pháp nào nữa.

Nói tóm lại thì nếu trong vấn đề « sống lại », ta không thấy tranh luận nhiều về linh hồn, thì là vì trong thời Thượng Cổ người ta thường đã coi linh hồn là bất tử rồi, cho nên không có vấn đề. Các vị giáo phụ cũng nghĩ theo như thế, và thấy chỉ cần sửa lại ít chút thôi : các vị đưa thêm vào đó ý kiến là con người ta không phải là thần linh, không phải là Thiên Chúa, cho nên

nếu có bất tử thì không phải là vì bản tính là như thế, nhưng là vì Thiên Chúa gia ân cho được như thế.

Có người quan niệm rằng quan niệm linh hồn bất tử và quan niệm « sống lại » là hai cái không có liên quan gì với nhau. Thiết tưởng vấn đề có phần tế nhị hơn. Đối với những người đã sẵn có quan niệm linh hồn là bất tử, thì dĩ nhiên họ hiểu « *sống lại* » cũng là *bất tử*, và để cho họ hiểu niềm tin của đạo Chúa cho đúng thì, như vừa nói trên đây, ta chỉ cần thêm vào đó rằng linh hồn được bất tử là hồng ân Chúa cho, và như thế họ sẽ hiểu là tất cả con người được cứu độ. Vẫn biết rằng quan niệm « sống lại » của đạo Chúa có phần phong phú hơn, nhưng với nền văn hóa của họ, họ chỉ có thể chấp nhận được đến thế. Ta nói như thế là trong trường hợp cực đoan, vì các vị giáo phụ không bao giờ bỏ quên không nói đến việc thân xác sống lại. Và đây là vấn đề được tranh luận nhiều hơn.

Thực vậy, nếu ta quan niệm rằng con người ta có hai phần : một là linh hồn bất tử, hai là thân xác, tuy nó có thể hư nát, nhưng lại được Chúa hứa cho « sống lại » vào ngày tận thế, thì có một vấn đề phải giải quyết : vậy trong thời gian giữa giữa lúc người ta chết và ngày tận thế thì cái linh hồn không có thân xác như thế sẽ ra sao ? Nếu ta theo quan niệm « chất hình hợp nhất » (hylémorphisme), thì vấn đề thật là nan giải, vì linh hồn là hình-thể không thể tách rời ra khỏi thân xác là chất-thể.

Các giáo phụ có một giải pháp riêng, căn cứ vào chủ trương rằng linh hồn không phải là vô-chất (immatérielle). Chủ trương này đã có sẵn trong triết học Hi-lạp, và nhất là trong học phái khắc kỷ (Stoa). Chính học phái Pythagoras cũng quan niệm rằng khi người ta chết đi, thì linh hồn thành ra một cái hình ảnh (eidôlon), là vật chất nhưng nhẹ như không khí và nó duy trì lấy hình ảnh của thân xác. Học phái Platôn cũng nói đến « cỗ xe của linh hồn » (véhicule de l'âme), tức là một cái vỏ vật chất rất nhẹ, bọc lấy linh hồn. Cái vỏ ấy làm môi giới giữa linh hồn và thân xác, và khi người ta chết thì xác tiêu tan đi, nhưng cái vỏ ấy vẫn tồn tại, để làm chỗ cho linh hồn bám vào. Đó là giải pháp đã được giáo phụ Ô-ri-ghe-nê chủ trương[16]. Nói chung thì đa số các giáo phụ chủ trương rằng chỉ có một mình Thiên Chúa là tinh thần thuần túy, hoàn toàn không có vật chất, còn các tạo vật – trong số đó dĩ nhiên phải kể đến linh hồn – thì bao giờ cũng có vật chất, hoặc ít hoặc nhiều[17]. Phải chờ cho đến Ambrôsiô giám mục thành Milanô và Grê-gô-ri-ô giám mục thành Nazianze, mới thấy xuất hiện một cách rõ ràng quan niệm rằng linh hồn là hình ảnh Thiên Chúa, cho nên cũng không có gì là vật chất và vì thế cũng là vô-hình[18].

## **22 – Thân xác « sống lại » như thế nào ?**

Không những trong văn hóa Hi-lạp, mà cả trong truyền thống đạo Do-thái và đạo Chúa Giê-su, khi nói đến việc « sống lại » thì bao giờ cũng có những câu hỏi rất phiền phức về thân xác. Một là vì nó có vẻ trái ngược hẳn lại kinh nghiệm thường nhật : nào có ai thấy xác người ta chết đi rồi sống lại bao giờ đâu ? Hai là chính trong dân Do-thái cũng vẫn có người không chấp nhận, ví dụ như phái Xa-đốc thời Chúa Giê-su.

Trên đây ta đã nhắc lại cái thất bại của thánh Phao-lô ở hội đồng thành A-then. Ta biết Phao-lô rất sẵn sàng hội nhập văn hóa, như đã viết trong *Thư 1 gửi tín hữu Cô-rin-tô* : « Với người Do-thái, tôi đã trở nên Do-thái. Với những ai sống theo Lễ Luật (Do-thái), tôi đã trở nên người sống theo Lễ Luật, dù không còn phải sống theo Lễ Luật nữa, để chinh phục những người sống theo Lễ Luật. Đối với những kẻ sống ngoài Lễ Luật, tôi đã trở nên người sống ngoài Lễ Luật, ( ... ) để chinh phục những người sống ngoài Lễ Luật » (chương 9, câu 20-21). Đến đây ta có thể thắc mắc và tự hỏi vì sao Phao-lô lại không chấp nhận hẳn nhân sinh quan nhị nguyên của người Hi-lạp, để rồi giải thích cho họ rằng *con người « sống lại »* cũng đồng nghĩa với *linh hồn bất tử* ? Phao-lô đã nhất định không làm như thế, vì như thế là làm sai hẳn bản chất đạo Chúa Giê-su. Thực vậy, nếu thân xác không thuộc về con người, thì việc Chúa xuống thế làm người – vừa là nhập thế, vừa là nhập thể – không còn ý nghĩa gì nữa, và như

thể thân xác Chúa Giê-su chỉ là một cái ảo ảnh, Chúa không có mặt trong thế giới vật chất của chúng ta, và thân xác chúng ta cũng không được cứu độ, không được « sống lại ».

Như ta biết, thánh Phao-lô đã dành cả một chương 15 trong *Thư 1 gửi tín hữu Cô-rin-tô*, để bàn luận về sự « sống lại ». Lý do là vì người Co-rin-tô là người Hi-lạp, trước đó chỉ biết có linh hồn bất tử, họ cho cái xác chỉ là nhà tù của linh hồn, cho nên thấy không cần cho xác được sống lại ; đến nay nghe nói thân xác sẽ được « sống lại », thì họ nghĩ sống lại thế nào được, chẳng lẽ cái xác chết sẽ được hồi sinh, như trước đó mấy thế kỷ ngôn sứ Ê-dê-ki-en (chương 37) đã hình dung ra những bộ xương khô dần dần lại có da thịt và sống lại. Để trả lời cho người Cô-rin-tô, Phao-lô nói về sự sống lại của Chúa Giê-su và của các tín hữu. Khi nói về Chúa Giê-su, thì ngài viết : « Đức Ki-tô đã chỗi dậy từ cõi chết[19], mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu » (câu 20). Khi viết về con người ta « sống lại », ngài dùng ví dụ việc gieo hạt giống, để giải thích rằng cái xác được sống lại thì thật khác xa cái xác vật chất đã chết đi. Ngài viết : « Gieo xuống là thân thể có sinh khí, mà chỗi dậy là thân thể có thần khí[20] » (câu 44). Thiết tưởng chính vì không để ý đến giải thích ấy, cho nên nhiều khi người ta đặt những câu hỏi lạ đề về vật chất của cái xác được sống lại[21].

Các giáo phụ đã sống vào thời tiếp theo các tông đồ đều nhận định rõ ràng : thân xác người ta được « sống lại » là vì Chúa xuống thế làm người, có thân xác như ta vậy. Hai chân lý ấy có liên quan mật thiết với nhau[22]. Cho nên trong thế kỷ II giáo hội đã chống lại những người cho rằng Chúa Giê-su chỉ xuất hiện dưới hình con người, chứ không phải là người thực, vì quan niệm như thế tức là làm cho sự « sống lại » của thân xác không còn nền tảng gì nữa. Chính Tertullianô là người chủ trương linh hồn tự nó là bất tử, cũng đã viết hai cuốn sách *Về thân xác Đức Ki-tô* và *Về sự thân xác được sống lại*, là hai vấn đề đi đôi với nhau.

Cũng cần nói thêm là : ở đây phải hiểu *thân xác* là chính mình con người ta, xét theo quan điểm là một thực tại vật chất[23], chứ không hiểu theo nghĩa là *xác thịt*, tức là cái thế giới tội lỗi, như thánh Phao-lô đã viết : « Xác thịt và khí huyết không thể thừa hưởng Nước Thiên Chúa được » (1 Cr 15, 50).

Thân xác được « sống lại », đó không phải là một chân lý hiển nhiên. Cho nên muốn nói lên, phải đưa ra đủ chứng lý. Về mặt lý thuyết cần phải minh chứng rằng như thế thì là vừa hợp tình, vừa có thể có được, lại vừa cần thiết phải có. Còn về cách thức hình dung ra nó, tượng trưng ra nó, thì cần phải trả lời ổn thỏa cho những người hình dung ra nó một cách quá ư thực tiễn, quá vật chất, mà không để ý đến cách phân biệt của thánh Phao-lô, như đã nhắc lại trên đây.

Hai công việc đó, các giáo phụ đều cố gắng làm, nhưng không đạt đích như nhau. Thiết tưởng không cần phải kể tên tất cả các vị đó. Sau đây chỉ xin bàn luận về tác phẩm điển hình của Tertullianô, là cuốn *Luận về sự thân xác được sống lại*[24] (*De carnis resurrectione*). Đây thực là một cuốn sách bàn luận trên bình diện lý thuyết về thân xác theo quan điểm thần học, tuy có ít nhiều phần bút chiến, nhưng sách được kết cấu một cách có hệ thống, có mạch lạc. Sách vừa tóm tắt lại các quan niệm đã có trước, lại vừa mở đường cho người ta suy luận tiếp theo.

Còn về những biểu tượng về sự « sống lại », thì sẽ xin trình bày lý luận của Ô-ri-ghe-nê khi ông tranh luận với đối phương về các chi tiết.

### 221 – Tertullianô : Chứng lý về sự thân xác được sống lại

Cuốn sách của Tertullianô từ đầu đến cuối đã cho ta thấy ông tranh luận gắt gao với những người chủ trương rằng sự cứu độ thực ra chỉ là một tri thức (les gnostiques). Đại khái tri thức đó là nhận ra trong linh hồn ta có yếu tố thần linh, yếu tố đó bị lu mờ đi vì linh hồn đã vương

vấn với thân xác. Biết như thế rồi thì người ta hiểu sự sống lại như là giải phóng linh hồn ra khỏi thân xác. Nghĩa là thân xác chỉ là vật chất, không có giá trị gì hết.

Ngược lại, Tertullianô đã đem ra nhiều chứng lý để đề cao giá trị của thân xác.

Trước hết, thân xác đã được Thiên Chúa tác tạo, không những tác tạo bằng lời nói, mà còn tác tạo bằng việc làm, nhào nặn ra từ đất bùn, rồi thổi sinh khí vào, làm cho con người thành một sinh vật. Làm như thế tức là Chúa đã dự tính trước là sẽ xuống thế làm người. Vậy nếu từ vật chất Chúa đã tác tạo ra con người, thì Ngài cũng có thể từ vật chất tái tạo con người. Nói thế khác, nếu ta tin Chúa có quyền lực tác tạo ra thế giới, ra con người, thì ta cũng tin Chúa có quyền lực để làm cho sống lại. Tertullianô cho rằng có thể như thế được lắm, vì trong thiên nhiên ta thấy, qua bốn mùa xuân hạ thu đông, thảo mộc cứ theo định kỳ mà mỗi năm lại sống lại. Ngoài ra người đương thời ai nấy đều đinh ninh rằng con chim phượng có thể chết đi rồi sống lại được (Xem các chương 5-13).

Trong những chương 14-17, ông đưa ra một vài chứng lý để minh chứng rằng sự « sống lại » không những là hợp tình mà còn cần thiết phải có. Thực vậy, Thiên Chúa có từ tâm, lại công bằng, cho nên Ngài phán xét tất cả con người, hồn cũng như xác. Nếu thân xác có liên đới với linh hồn trong tất cả các hành vi, thì thân xác cũng phải có thưởng phạt như linh hồn vậy. Vì thế thân xác phải được sống lại, để chịu phán xét. Phán xét xong mới biết là có được cứu độ hay không.

Từ chương 18 đến 51, Tertullianô căn cứ vào Thánh-Kinh để minh chứng rằng không những có thể có sống lại, mà còn cần phải có sống lại nữa. Vì suốt trong Thánh Kinh, từ các ngôn sứ cho đến lời giảng dạy của Chúa Giê-su và các tông đồ, Chúa đã hứa cho sống lại. Ông biết là có một số người đi lạc đường, chủ trương phải hiểu hai chữ « sống lại » theo nghĩa bóng, cho nên ông quả quyết là phải hiểu theo nghĩa đen : thân xác sẽ được sống lại thật. Có điều đáng ngạc nhiên, là ông không đưa sự « sống lại » của Đức Giê-su ra làm chứng lý, nhưng thực ra nếu không tin Ngài đã « sống lại » thì không thể nào nói về lời hứa của Chúa trong Cựu Ước một cách chính xác được như thế.

Trong phần thứ ba, từ chương 52 đến 63, Tertullianô đưa ra một vài chi tiết về cái thân xác được « sống lại ». Nguyên lý chung là : những thân xác được « sống lại » thì bao giờ cũng được biến hình, nhưng vẫn là một như thân xác đã sống ở đời này. Hai cái vừa là một, lại vừa khác nhau. Hai cái có liên tục với nhau như hạt giống và cây từ nó mà ra. Từ nguyên lý đó, ông đưa ra hai kết luận. Một là : thân xác được sống lại thì cũng được tái thiết lại đầy đủ, những khuyết tật đều được sửa chữa lại, nếu không thì sao gọi được là « sống lại » ? Hai là : tất cả các cơ quan trong thân thể đều được duy trì đầy đủ, vì « tòa án của Thiên Chúa đòi người ta phải trình diện đầy đủ ; mà nếu thiếu chân tay thì không đầy đủ » [25]. Chính vì khi còn sống thân xác đã cộng tác với tinh thần, cho nên khi « sống lại » đầy đủ, thân xác sẽ gần với bản tính của tinh thần hơn, vì lúc đó các cơ quan không còn dùng để đáp lại các nhu cầu ở thể gian này nữa.

Đến đây ta nên chú ý là Tertullianô không phân biệt rõ ràng sự sống lại để chịu phán xét với sự « sống lại » hiểu theo nghĩa là « được cứu độ », được ân nghĩa với Chúa. Ông cũng không đã động gì đến số phận người có tội.

### 222 – Ô-ri-ghe-nê : Những biểu tượng về sự « sống lại »

Hai kết luận mà Tertullianô đã đưa ra trên đây, là có ý trả lời cho những người cho rằng phải bỏ thân xác đi thì mới được cứu độ. Nhưng chủ trương như thế thì lại rất hàm hồ, và hàm hồ một cách nguy hiểm. Thực vậy, cho rằng khi « sống lại » thì cái thân thể vật chất phải được đầy đủ, tức là đưa ra một quan niệm có tính cách duy vật, không thể bào chữa được, vì nó mới chỉ là cái « thân thể có sinh khí », chứ không phải là cái « thân thể có thần khí » như thánh

Phao-lô đã quan niệm. Chính vì những người ngoại giáo thời đó, như Celsus, đã tưởng rằng người theo đạo Chúa Giê-su đã hiểu sự sống lại một cách duy vật như thế, cho nên họ cho là không thể tin được.

Ô-ri-ghe-nê đã hiểu ra tầm quan trọng của vấn nạn do Celsus đưa ra. Ông nhận ra rằng nếu chỉ nói rằng cái thân xác đã sống ở đời này và cái thân xác sẽ sống lại cũng là một, thì chưa đủ. Còn phải biết hình dung trạng thái đó thế nào cho lý trí có thể chấp nhận được.

Ngay về cái thân thể ở thế gian này, thì Ô-ri-ghe-nê biết rằng khó mà nói nó vẫn là một. Vì cái thân thể có sống động, cho nên luôn luôn có trao đổi vật chất với ngoại giới. Vì vật chất luôn luôn được « nhập cảng » trong thân thể và được « xuất cảng » ra ngoài, nghĩa là thay đổi luôn, cho nên không thể căn cứ vào những thành phần vật chất mà bảo con người vẫn là một như thế mãi. Đã thế thì làm sao có thể nói rằng cái thân thể đã sống ở thế gian này cũng là một với cái thân thể sẽ sống lại ?

Ông chủ trương rằng cái làm cho con người vẫn là một, thì không phải là những thành phần vật chất, nhưng là một cái « eidos », một cái hình-thể của thân xác – hình, chứ không phải là chất –, nó là nguyên lý làm cho con người vừa có phát triển lại vừa vẫn là một. Cái hình-thể đó làm cho mỗi người, tuy có thay đổi rất nhiều về vật chất qua nhiều năm, nhưng vẫn giữ được bộ mặt, bóng dáng, tính tình, làm cho người khác nhận ra được. Cái hình-thể đó không phải là phần vật chất của thân thể, nhưng nó đi đôi với thân thể, nó có thực chứ không phải chỉ là cái vẽ bề ngoài.

Một khi đã có cái « eidos » làm cho thân thể vẫn là một, thì những thành phần vật chất có thể thay đổi, thay đổi tùy môi trường, tùy thế giới sinh hoạt. Ở dưới đất này thì thân thể có những thành phần vật chất của đất này; ở trong thế giới có chất ê-the (éther) nhẹ và ở độ cao, thì thân thể có những thành phần ê-the, mà cũng vẫn là một; đến khi sống lại thì sẽ ở một thế giới cao sang hơn, cho nên cái thân thể trước đây có những thành phần vật chất ở dưới đất này, thì bây giờ sẽ được thay đổi sang một thể chất cao quý hơn[26].

Lý thuyết của Ô-ri-ghe-nê về cái làm cho thân thể con người ta vẫn là một thì có cái ưu điểm là làm cho ta tránh được hai cái sai lầm trái ngược nhau. Một là quan niệm duy vật quá thô sơ, cho rằng khi sống lại thì thân xác phải được toàn vẹn, có đủ các cơ quan các bộ phận để đáp lại các nhu cầu ở đời này. Hai là quan niệm duy linh cho rằng khi được cứu độ hay cứu rỗi, thì không còn cần gì đến thân xác nữa, linh hồn là dư đủ rồi[27]. Grê-gô-riô người thành Nysse cũng có lập trường tương tự, nhưng ông không có chủ trương, như Ô-ri-ghe-nê, là các linh hồn đã có sẵn trước khi đi vào thân xác.

Tuy vậy cũng nên nhận xét rằng lý thuyết này quả là tế nhị, vì Ô-ri-ghe-nê không muốn lấy những yếu tố vật chất, cũng không muốn lấy cái sinh khí (psykhê, mà ta quen gọi là cái hồn) như là nguyên lý làm cho thân thể người ta vẫn là một. Vì thế rất khó biết cái « eidos » này là cái gì: nó có công tác như cái hồn, nhưng lại không phải là cái hồn! Vì thế có nhiều vị giáo phụ cho là tư tưởng của Ô-ri-ghe-nê thật là khó hiểu.

Riêng Mêthôđô, thì cho rằng thân xác ở thế gian này và thân xác được sống lại cũng chỉ là một, và ông coi cái « eidos » chẳng qua chỉ là một cái dáng dấp bề ngoài thôi. Và vào khoảng năm 300 ông là một trong những người phản đối Ô-ri-ghe-nê. Nếu ông này không đi vào lý thuyết quá tế nhị, mà chỉ nói một cách đơn giản như giáo phụ Ki-rin người thành Giê-ru-sa-lem (Cyrille de Jérusalem) rằng đó vẫn là một thân thể, nhưng ở trong hai trạng thái khác nhau, thì chắc là những người phản đối ông đã không bị lôi cuốn đi quá trốn sang quan niệm duy vật một cách quá ngây thơ.

Dù sao, giải pháp của Ô-ri-ghe-nê cũng là giải pháp được nhiều người thời đó theo. Chính vì cái « eidos » thật là khó hiểu, cho nên các giáo phụ la-tinh, như Hi-la-ri-ô thành Poitiers,

không muốn đi vào lý thuyết như thế, mà chỉ nói trông tưởng rằng ở trong thân xác được sống lại cũng còn có vật chất, nhưng không nói rõ là vật chất loại nào. Có lẽ như thế là hay hơn cả : thiết tưởng chỉ cần nói rằng thân xác được « sống lại » sẽ được biến thể và sẽ được chuyển sang gần với tinh thần, thì cũng kể là tạm đủ, không cần phải lồi thối tìm cách hình dung ra trạng thái đó, hay là tìm giải thích sao cho hợp lý.

Truyền thống thần học đến đây là đúng lúc thánh Ambrôsiô thành Mi-la-nô có ý định bàn luận về sự « sống lại ». Ta sẽ nói về vị thánh này trong bài tiếp theo.

### **Mấy nhận xét tổng quát**

Các vị giáo phụ đã tranh luận nhiều, nhưng các giải pháp đưa ra hình như đã đi đến chỗ bế tắc, vì lẽ các vị ấy đã đặt trọng tâm vấn đề vào sự « thân xác vẫn là một » (*identité du corps*), mà ai cũng biết là vật chất trong thân xác thì luôn luôn thay đổi. Ta có thể nghĩ rằng : nếu các vị ấy đặt trọng tâm vào vấn đề « nhân vị vẫn là một » (*identité de la personne*), nghĩa là : vẫn một con người đó trước sau chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước mặt Chúa và trước mặt người khác, thì có lẽ đã đưa ra được những viễn tượng khác hẳn. Nhưng thực ra chưa làm được, vì cái ý niệm « nhân vị » như ta vừa giải thích, thì thời đó vẫn chưa thành hình. Ngay sau đó mấy thế kỷ, triết gia Boethius (480-524) cũng chỉ định nghĩa « nhân vị » (*persona*) là một « bản thể cá biệt có lý trí » (*rationalis naturae individua substantia*), chứ chưa nói đến những yếu tố căn bản như « chủ thể » (*sujet*), « liên chủ thể » (*intersubjectivité*), « tự do » và « trách nhiệm ».

Đặt vấn đề theo lối khác thì tất nhiên là có viễn tượng mới. Nhưng chưa chắc là giải pháp đưa ra sẽ minh bạch hơn. Vì cái nhân vị, cái con người, chủ thể tự do và có trách nhiệm đó lại chính là một nhân vị nhập thể (*personne incarnée*), nghĩa là nó chỉ xuất hiện dưới hình thức một thân thể, một thân xác sống động luôn luôn thay đổi và trao đổi vật chất với ngoại giới. Và như thế ta lại phải trở về vấn đề thân xác như cũ.

Đàng khác, ta cũng vẫn chưa chắc được rằng cách đặt vấn đề của các giáo phụ không còn hợp thời nữa, vì một đàng thì các vị ấy vẫn nhớ rằng con người ta phải chịu trách nhiệm trước mặt Thiên Chúa về các hành vi của mình, đàng khác thì quan niệm bình dân thường vẫn còn phân biệt hồn với xác.

Nói tóm lại : dùng từ ngữ của con người mà nói về sự « sống lại » thì thật không phải là dễ. Một phần là vì thực tại con người được « sống lại » không có tính cách vật chất có thể quan sát ngay bây giờ được. Ta hi vọng sẽ được vì ta tin rằng Chúa có quyền lực và có từ tâm đối với ta. Một phần khác thì là vì sự « sống lại » cũng là liên quan thân tình với Chúa : trong liên quan đó thì ta có thể biết ta, nhưng ta chỉ có thể biết Chúa ít nhiều, qua những chứng nhân và qua sách thánh. Ta đọc trong tin mừng thánh Gio-an : « Không ai đã thấy Thiên Chúa bao giờ : nhưng Con Một là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết » (Ga 1, 18).

Rất có thể là những lối đặt vấn đề và giải thích trên đây – cũng như của tín hữu khác về sau này – tuy là có suy luận theo lý trí, nhưng vẫn còn là bất cập. Cho dù như thế, khoa thần học không thể không dùng đến lý trí, vì nếu không, ta sẽ không có cách nào để hiểu cho rõ, để phê bình những biểu tượng ta dùng để hình dung ra sự « sống lại », và để đánh giá chính những suy luận của người khác và của ta nữa ; nếu không, ta rất dễ sinh ra mê tín, bất cứ ai nói gì cũng tin.

Lambert ngày 19/06/2005

[1] Tiếng Pháp là : *résurrection, exaltation, élévation, glorification, transfiguration, vie, lumière.*

[2] Xem : Michel Spanneut (cựu giáo sư đại học công giáo Lille), *Le stoicisme des Pères de l'Eglise, de Clément de Rome à Clément d'Alexandrie*, Paris, 1957.

[3] *Studium zum Todesgedanken in der alten Kirche ; Die Beurteilung des natuerlichen Todes in der kirchlichen Literatur der ersten drei Jahrhunderte*, Muenchen, 1954, tập I, tr 38-39.

[4] Xem : Richard Heinzmann, *Die Unsterblichkeit der Seele und die Auferstehung des Leibes. Eine problemgeschichtliche Untersuchung der fruehscholastischen Sentenzen- und Summenliteratur von Anselm von Laon bis Wilhelm von Auxerre*, Muenster, 1965, tr 246 : « Triết học kinh viện buổi đầu không có bao giờ chủ trương người ta chết đi là hết tất cả ».

[5] Xem Roger Mehl, *Le vieillissement et la mort*, Paris, 1962, tr 74-75. Quan niệm này của Roger Mehl cũng là quan niệm của đa số các nhà thần học của giáo phái Tin lành gần đây. Richard Heinzmann, trong *Sách đã dẫn*, tr 1, có viết : « Xét về mặt triết học và thần học thì thần học Tin lành gần đây chủ trương rằng con người chết đi là hết tất cả ». Cho nên Roger Mehl nói về sự con người ta được sống lại như sau : « Khi Thiên Chúa cho người chết được sống lại, thì thấy họ không còn có gì để làm khởi điểm cho cuộc sống mới. Chính vì họ đã hoàn toàn chết, cho nên Thiên Chúa tái tạo ra họ một lần nữa » (tr 75).

[6] R. Heinzmann, *Sđđ*, tr 246.

[7] Xem J.A. Fischer, *Sđđ*, tr 219-220

[8] Từ ngữ « personne » (persona) rất là khó phiên dịch. Người Trung hoa dịch là « vị », như trong câu « Thiên Chủ nhất thể tam vị ». Chúng ta dịch là « ngôi », là « nhân vị », là « cá vị » thì vẫn thấy là không chính. Chữ « ngôi » thì nay bên ngoài giới công giáo ra ta quen dùng trong văn phạm. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu vì sao người công giáo thế kỷ XVII lại dịch là « ngôi » và khi viết ra chữ Nôm thì viết chữ « sơn » trên chữ « quĩ ». Còn chữ « nhân vị » thì chỉ có thể dùng để nói về người ta mà thôi. Chữ « cá vị » thì có nghĩa trông trống, gần như « đơn vị ».

[9] Như đã viết trước đây trong bài « Cho được rồi, được sống, cùng được sống lại ». Sự « cứu rồi » thì người Pháp gọi là « salut », gốc từ tiếng la-tinh, có ý nghĩa là *được bảo tồn, được sức khỏe, lành mạnh, lành lặn* ; còn người Đức thì gọi là « Heil », do gốc « heilen » là *cứu chữa cho được lành mạnh, lành lặn*. Vì thế cũng là tiếng dùng để chào hỏi nhau.

[10] Thánh Gio-an cho rằng ai tin Đức Chúa Ki-tô, thì ngay bây giờ đã có « sống muôn đời » (vie éternelle) rồi.

[11] Xem : Ysabelle Andia, « La résurrection de la chair selon les Valentiniens et Irénée de Lyon », *Les quatre fleuves*, số 15-16, 1982, tr 59-70.

[12] Xem : J.A. Fischer, *Sđđ*, tr 219-220.

[13] *Sđđ*, tr 221.

[14] *Sđđ*, tr 222.

[15] Xem : Henri Crouzel, « Mort et immortalité selon Origène », *Bulletin de littérature ecclésiastique*, 1978, tr 81-96.

[16] Xem : Henri Crouzel, « Le thème platonicien du ‘véhicule de l’âme’ chez Origène », *Didascalica*, tập VII/2 (1977) tr 225-237 ; và : Jean Daniélou, « La résurrection des corps chez Grégoire de Nysse », *Vigiliae christianae*, tập VII/3 (1963), tr 154-170.

[17] Ví dụ Tertullianô , *De carnis resurrectione*, số 17.

[18] Xem : Justin Mossay, *La mort et l’au-delà dans saint Grégoire de Nazianze*, Louvain, 1966, tr 165-166.

[19] Tiếng Hi-lạp là « ek nekron » (la-tinh : « a mortuis »), dịch sát ý là « từ cõi chết », dịch sát chữ là « bởi trong kẻ chết (mà sống lại) », như ta đọc trong kinh Tin kính.

[20] Tiếng Hi-lạp « soma psychikon » (la-tinh : « corpus animale ») đổi lại với « soma pneumatikon » (latinh : « corpus spiritale », dịch là « thân thể có sinh khí » đổi lại với « thân thể có thần khí », thì thật là hay.

[21] Ví dụ kiểu nói « (Đức Bà) linh hồn và xác lên trời » dùng để dịch chữ « assumptio », là kiểu giải thích có liên quan đến những biểu tượng về không gian, lại đi hơi xa vào chi tiết, cho nên có thể làm cho người ta dễ hiểu lầm.

[22] Xem : Ton H.C. Van Eijk, *La résurrection des morts chez les Pères apostoliques*, Paris, Beauchesne, 1974.

[23] Cũng như trong tiếng Việt, chữ « mình » vừa có nghĩa là « chính mình », lại vừa có nghĩa là « mình mẩy » ; chữ « thân » (Hán Việt) có nghĩa là « mình », lại cũng có nghĩa là « thân thể ».

[24] Có thể xem bản dịch Pháp văn của Madeleine Moreau, *La résurrection des morts*, Paris, Desclée de Brouwer, 1980, 163 tr. Còn bản La-tinh thì ở trong bộ sách CSEL (Corpus scriptorum ecclesiasticorum latinorum, Wien/ nước Áo), tập XLVII, tr 25-125.

[25] « Saluum enim hominem tribunal dei exigit ; saluum uero sone membris non licet esse » ( CSEL XLVII, tr 121. – *La résurrection des morts*, tr 60.

[26] Xem : Henri Crouzel, « Les critiques adressées par Méthode et ses contemporains à la doctrine origénienne du corps ressuscité », *Gregorianum*, tập 53/4 (1972), tr 679-716 ; và : « La doctrine origénienne du corps ressuscité », *Bulletin de littérature ecclésiastique*, 1980, tr 175-200 và tr 241-266. Cũng xem : A. Michel, bài « Résurrection des morts », trong *Dictionnaire de Théologie Catholique*, tập XIII/2, cột 2529-2531.

[27] A. Michel, *Bài đã dẫn*, cột 2531.

## VỀ MỤC LỤC

**ĐỐI THOẠI NĂM ĐỨC TIN: TÔN GIÁO VÀ CÁC VẤN ĐỀ: KINH TẾ, XÃ HỘI, THIÊN ĐÀNG. (VẤN ĐỀ 18A, 18B VÀ 18C)**

**VẤN ĐỀ 18 A: Về kinh tế, tôn giáo chỉ sản xuất ra những chuyện tưởng tượng, thay vì sản xuất ra vật chất có thực để phục vụ con người (Mega I,5 trang 29).**

## TRẢ LỜI:



## 1. Phân biệt tôn giáo và chính quyền:

1) Chính quyền là một cơ chế gồm một số người có quyền, điều hành quốc gia theo hiến pháp và luật pháp qui định. Chính quyền có nhiệm vụ làm cho dân giàu nước mạnh, phải bao quát mọi vấn đề trong nước như: chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội, thông tin, giáo dục, kinh tế... và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, đặc biệt trước quốc hội, là đại diện của nhân dân về những vấn đề ấy.

2) Còn tôn giáo là một tổ chức tinh thần của các tín hữu. Khác với chính quyền, các nhà lãnh đạo tôn giáo có nhiệm vụ hướng dẫn các tín hữu chu toàn bổn phận đối với Thiên Chúa và tha nhân, làm cho gia đình và xã hội ngày một an bình hạnh phúc hơn...

Do đó, đòi hỏi tôn giáo phải sản xuất ra cơm bánh vật chất ... là không phù hợp với mục đích của tôn giáo và lẫn lộn với công tác của chính quyền.

## 2. Những đóng góp của tôn giáo về kinh tế:

Tuy không có nhiệm vụ trực tiếp sản xuất kinh tế để làm ra cơm bánh tiền bạc vật chất cho dân chúng như chính quyền, nhưng tôn giáo cũng có phần nào trách nhiệm trong việc kiến tạo một cuộc sống tươi đẹp hơn cho các tín hữu của mình, nên cũng đã góp phần trong lãnh vực này cách gián tiếp như sau:

### 1) Tôn giáo khuyến khích việc lao động chân tay bằng giảng dạy và gương sáng:

-Đức Giê-su, mẫu gương tuyệt hảo của người Ki-tô hữu cũng đã **chia sẻ thân phận của một người lao động** trong suốt thời gian 30 năm ẩn dật tại Na-da-rét: Sinh ra trong cảnh nghèo khó (x. Lc 2,7), sống như một người nghèo (x. Lc 9,58), và chịu chết trên cây thập tự không một manh áo che thân như một người nghèo nhất (x. Mt 27,35).

-Trong thời gian giảng đạo gần ba năm, Đức Giê-su không ngừng **khuyên dạy mọi người**: Phải **tránh thói ích kỷ** chỉ tìm cách hưởng thụ một mình. Trái lại, phải biết **nghĩ đến người khác**, chấp nhận đi **con đường gian khổ leo dốc là khiêm nhường phục vụ** tha nhân. Người dạy: “Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo” (Mt 16,24). “Anh em muốn người ta làm gì cho mình, thì cũng hãy làm cho người ta như vậy” (Lc 6,31). “Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ anh em. Và ai muốn làm đầu anh em, thì phải làm đầy tớ anh em” (Mt 20,26-27).

-Đức Giê-su cũng **mời gọi những người lao động** chài lưới theo làm môn đệ của Người như Người đã kêu gọi các môn đệ đầu tiên: “Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người như lưới cá” (Mt 4,18-19).

-Tông đồ Phao-lô cũng khẳng định lập trường của Ki-tô giáo về việc lao động như sau: “**Ai không chịu làm thì cũng đừng ăn**” (2 Tx 3,10). Chính ngài cũng nêu gương lao động: dù bận rộn với bao công việc truyền giáo, nhưng ngài vẫn **dành ra thời giờ làm việc dệt vải** để mưu sinh, không dám cậy nhờ hoàn toàn vào sự trợ giúp vật chất của các tín hữu, dù ngài có quyền làm như thế (x. 1 Cr 9,4-14).

-Ngoài ra, trong Giáo hội cũng có **nhiều dòng tu coi trọng công việc lao động** theo châm ngôn như sau: “Ora et labora” (Cầu nguyện và làm việc).

**2) Tôn giáo đã cộng tác trong việc xây dựng một xã hội trật tự, an ninh...** là điều kiện cần để mọi người an tâm sản xuất: Hoàng đế Na-po-lê-ông người Pháp (1769-1821) đã quả quyết về giá trị của tôn giáo trong việc duy trì an ninh trật tự xã hội như sau: “Một dân tộc không tôn giáo phải được cai trị bằng súng đạn, nhà tù và bạo lực”. Chính trị gia Xa-tô-bi-ăng (François-René de Chateaubriand: 1768-1848) cũng đồng quan điểm khi tuyên bố: “Tiêu hủy việc thờ tự theo Tin Mừng, thì mỗi làng phải xây nhiều nhà ngục và phải có nhiều đao phủ thủ”.

**TÓM LẠI:** Về lãnh vực kinh tế, tuy tôn giáo **không trực tiếp sản xuất làm ra của cải vật chất** như cơm bánh, quần áo, đồ dùng... vì không phải nhiệm vụ chính, nhưng tôn giáo cũng đã **gián tiếp đóng góp công sức trong việc tạo lập một xã hội ấm no hạnh phúc**. Chính nhờ lời giảng dạy và gương lành của các vị mục tử và tu sĩ nam nữ, mà xã hội đã nên tốt hơn, con người bớt làm điều xấu hơn. Cũng nhờ giáo lý về sự công bình bác ái của Đức Giê-su, mà hòa bình giữa các quốc gia trên thế giới đã được duy trì. Tất cả những điều ấy là điều kiện cần để xã hội có thể phát triển kinh tế.

**VẤN ĐỀ 18 B:** Về xã hội, tôn giáo tán dương chế độ nô lệ, nông nô, cố duy trì sự bất công giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị đàn áp để để bẻ lợi dụng.

### **TRẢ LỜI:**

Trong quá khứ, tại một vài nơi trên thế giới, nếu thực sự đã có những nhà lãnh đạo tôn giáo cấu kết với vua chúa quan quyền và để mặc cho bọn người này đàn áp bóc lột dân đen nghèo khổ, thì đó cũng chỉ là một thiểu số nhỏ bé, giới hạn trong một thời gian, và ở một vài địa phương mà thôi, chứ không phải là chủ trương của Hội thánh.

Thực vậy, Hội thánh Công giáo cả về giáo thuyết cũng như hành động không bao giờ tán dương chế độ nô lệ, nông nô bất công như có người đã chỉ trích phê phán. Trái lại, Hội thánh luôn nỗ lực góp phần với mọi người thiện chí xóa bỏ giai cấp, tạo lập công bình bác ái xã hội.

## **I. GIÁO LÝ CÔNG GIÁO VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI:**

Đọc Thánh kinh cũng như giáo huấn Công đồng và thông điệp của các Đức Giáo Hoàng xưa nay, chúng ta thấy: Giáo hội Công giáo luôn có một lập trường nhất quán là bênh vực lớp người nghèo khổ, và san bằng mọi giai cấp trong xã hội:

### **1. Lời Chúa trong Thánh Kinh:**

#### **a) Mọi người đều là anh em con cùng một cha chung trên trời là Thiên Chúa:**

-Đức Giê-su phán: “Phần anh em, thì đừng để ai gọi mình là "rápbi", vì anh em chỉ có một Thầy; còn tất cả anh em đều là anh em với nhau. Anh em cũng đừng gọi ai dưới đất này là cha của anh em, vì anh em chỉ có một Cha là Cha trên trời (Mt 23,8-9).

-Người cũng dạy môn đệ cầu nguyện với Thiên Chúa như với người cha thân yêu của mình: “Lạy Cha chúng con ở trên trời...” (Mt 6,9-13).

#### **b) Người lãnh đạo không được lợi dụng quyền thế để hà hiếp bóc lột người dưới:**

-Đức Giê-su nói: “Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người” (Mc 10,45).

-Tin Mừng Gio-an thuật lại hành động phục vụ của Đức Giê-su như sau: Khi rửa chân cho các môn đệ xong, Đức Giê-su mặc áo vào, về chỗ và nói: “Anh em có hiểu việc Thầy mới làm cho anh em không ? Anh em gọi Thầy là “Thầy” là “Chúa”, điều đó phải lắm, vì quả thật: Thầy là “Thầy” là “Chúa”. Vậy nếu Thầy là “Chúa” là “Thầy”, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau. Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em” (Ga 13,12-15).

#### **c) Thái độ của Đức Giê-su và Đức Ma-ri-a đối với người nghèo kẻ giàu:**

-Đức Ma-ri-a trong kinh Ngợi khen đã tán dương Thiên Chúa: “Chúa hạ bệ những ai quyền thế, Người nâng cao mọi kẻ khiêm nhường. Kẻ đói nghèo Chúa ban của đầy dư, người giàu có lại đói về tay trắng” (Lc 1,52-53).

-Đức Giê-su hứa ban Nước Trời cho những người nghèo khó đang chịu thiệt thòi, và phàn nàn về những người giàu có mà ích kỷ bất nhân: “**Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em**” (Lc 6,20).- “**Nhưng khốn cho các người là những kẻ giàu có, vì các người đã được phần an ủi của mình rồi**” (Lc 6,24). Người cũng cảnh báo những kẻ giàu có: “Thầy còn nói cho anh em biết: Con lạc đà chui qua lỗ kim còn **đễ hơn người giàu vào Nước Thiên Chúa**” (Mt 19,24).

## 2. Giáo huấn của Hội Thánh Công giáo:

a) **Đức Thánh Cha Biển Đức XVI** ngày 29/06/2009 đã ra thông điệp "**Caritas in veritate – Bác ái trong chân lý**" trình bày giáo huấn của Hội Thánh về **công bằng xã hội**. Thông điệp này tiếp nối thông điệp "**Populorum progressio- Phát triển các dân tộc**" của Đức Phaolô VI năm 1968 ngay sau công đồng Vaticanô II với nội dung: Giáo Hội khi rao giảng và cử hành bí tích Thánh Thể, cũng như trong mọi hoạt động trần thế của mình **phải nhắm vào việc phát triển toàn vẹn con người**". Mới đây vào ngày 05/07/2013, **Đức Thánh Cha Phanxicô** sau lễ nhậm chức Giáo Hoàng, đã công bố thông điệp đầu tiên của ngài "**Lumen fidei - Ánh Sáng Đức Tin**". Trong đó, ngài cho biết chương trình hành động là sẽ tập trung **xây dựng một “Giáo hội nghèo, cho người nghèo”**. Rồi sau đó ngài luôn quan tâm đến “những người nghèo nhất, yếu đuối nhất, ít quan trọng nhất” bằng việc nhắc đi nhắc lại hằng tuần, đồng thời kêu gọi các tu sĩ và mọi tín hữu hãy đến với những người nghèo khổ đang sống bên lề xã hội (Theo Vietcatholic news).

b) **Công đồng Vaticanô II** trong Hiến chế “**Giáo hội trong thế giới ngày nay**” (Gaudium et Spes số 8-9) cũng **cố võ cho sự bình đẳng giai cấp giàu nghèo, bình đẳng giữa các dân tộc và các quốc gia** như sau: “Dưới tất cả những đòi hỏi đó, tàng ẩn một ước vọng sâu xa và đại đồng hơn: mọi cá nhân và tập thể đều **khao khát một cuộc sống đầy đủ và tự do xứng đáng với phẩm giá con người**”.

**-TÓM LẠI**, từ vài thập niên qua, những câu: "**Giáo Hội của người nghèo**", "**Ưu tiên phục vụ người nghèo**"... là những khẩu hiệu đặc trưng của Giáo Hội Công giáo. Hội nghị các Giám mục Á châu cũng đã khẳng định quyết tâm phục vụ người nghèo của mình như sau: "**Giáo hội trước tiên phải là Giáo hội của người nghèo**".

## 3. Giáo Hội tiến hành việc san bằng giai cấp:

Giáo hội Công giáo không phải chỉ rao giảng lý thuyết suông, nhưng còn kèm theo những hành động tích cực để **xóa bỏ sự cách biệt giữa các giai cấp, và kiến tạo một xã hội công bằng và đầy tình yêu thương** như Đức Giê-su đòi hỏi:

a) **Trong các lễ nghi phụng vụ**: Khi hội họp cầu nguyện, trong các lễ nghi phụng vụ công cộng, mọi người không phân biệt giai cấp, địa vị xã hội, giàu nghèo...đều có quyền bình đẳng ăn cùng một tấm bánh và uống chung một chén rượu. Cần tránh phân biệt giai cấp giàu nghèo sang hèn như thánh Phao-lô đã phê bình Hội thánh ở Cô-rinh-tô (x. 1 Cr 11,18-22).

b) **Hoạt động của các dòng tu**: Trong Giáo hội có nhiều dòng tu nam nữ đã chọn lối sống nghèo khó, lao động chân tay vất vả như mọi người, hoặc chuyên tâm săn sóc, phục vụ người nghèo sống tốt hơn... như dòng Anh Em Hèn Mọn Thánh Phanxicô khó khăn, dòng tiểu đệ Chúa Giê-su, dòng Thừa sai Bác ái của Mẹ Tê-rê-sa Can-quýt-ta...

c) **Cũng có những phong trào, đoàn thể quan tâm** phục vụ người lao động, tranh đấu cho quyền lợi người lao động, thăng tiến đời sống cho người nghèo cả về tinh thần lẫn vật chất như: Thanh Lao Công, Bác Ái Vinh Sơn, Caritas ... Các Hội đoàn Công Giáo Tiến Hành khác như Hiệp Hội Thánh Mẫu, Gia Đình Phạt Tạ Thánh Tâm, Các Bà Mẹ Công Giáo... cũng khuyến khích hội viên sống đức Tin bằng việc thực thi đức cậy và đức ái qua các **công tác bác ái** hằng

tuần hằng tháng như: **thăm viếng người nghèo, bệnh tật và bị bỏ rơi... để chia sẻ cơm bánh, an ủi phục vụ họ** hầu giới thiệu “Thiên Chúa là Tình Yêu” cho họ.

**Ngoài ra**, còn có rất nhiều những người con ưu tú của Hội thánh, trong đó có các giám mục, linh mục, tu sĩ, giáo dân... đã tận hiến cuộc đời phục vụ người lao động nghèo khổ. Các Ngài tình nguyện làm việc vất vả như một người thợ... với tinh thần hiến thân phục vụ cao độ.

**TÓM LẠI:** Giáo hội Công Giáo trong giáo lý cũng như hành động, **không chủ trương duy trì những bất công xã hội để dễ bề lợi dụng** như có người đã chỉ trích. Trái lại, Hội Thánh **không ngừng giảng dạy, cổ vũ, thực hành sự bình đẳng giữa mọi người trong xã hội**. Nếu trong quá khứ, có một ít phần tử nào đó đã đi sai đường lối chung, thì cũng không thể nại vào đó để quy chụp đổ thừa trách nhiệm cho Hội Thánh được.

**VẤN ĐỀ 18 C:** *Tôn giáo hứa hẹn một thiên đàng xa xôi không tưởng. Đáng lẽ phải xây dựng một thiên đàng ấm no hạnh phúc cho con người ngay trên trần gian này mới đúng.*

### **TRẢ LỜI :**

1. Trước hết, cần phải xác định: công việc xây dựng cho dân chúng một đời sống vật chất ấm no hạnh phúc **không phải là nhiệm vụ trực tiếp** của tôn giáo, mà là **trách nhiệm hàng đầu của chính quyền**. Tuy nhiên tôn giáo là một con đường giúp con người hướng thượng, vươn tâm hồn lên cao để đạt tới “chân thiên mỹ” là Thiên Chúa. Một khi đạt tới Thiên Chúa thì đương nhiên **con người cũng sẽ đạt được hạnh phúc vĩnh cửu**. Thiên đàng không chỉ là một thứ hạnh phúc tưởng tượng, nhưng **thực sự hiện hữu và là phần thưởng** cho những người biết tuân giữ các giáo huấn của tôn giáo ở đời này (xem phần PHỤ CHÚ)

2. Người ta không thể đòi hỏi tôn giáo phải dấn thân lên chính quyền, dành lấy cho mình công việc của chính quyền, vì những **bất lợi đã từng xảy ra trong quá khứ** như sau:

**a) Trong thời giáo hội sơ khai:** Các Tông đồ đã ý thức được sự bất tiện khi ôm đồm công việc: vừa lo **rao giảng Tin mừng** lại vừa lo **phục vụ mâm bần** cho các tín hữu. Cuối cùng các Tông đồ đã **lập chức vụ Phó tế** để chuyên lo phục vụ cộng đoàn và quản lý tài sản vật chất của Hội Thánh, để các ngài chuyên lo nhiệm vụ chính yếu là rao giảng Lời Chúa. Sách Công vụ thuật lại như sau: “Thời đó, khi số môn đệ thêm đông, thì các tín hữu Do thái theo văn hóa Hy Lạp, kêu trách những tín hữu Do thái bản xứ, vì trong việc phân phát lương thực hằng ngày, các bà góa trong nhóm họ bị bỏ quên. Bởi thế, Nhóm Mười Hai tập toàn thể các môn đệ và nói: **“Chúng tôi mà bỏ việc rao giảng Lời Thiên Chúa để lo việc ăn uống, là điều không phải**. Vậy, thưa anh em, anh em hãy tìm trong cộng đoàn bảy người được tiếng tốt, đầy Thần Khí và khôn ngoan, rồi chúng tôi sẽ cất đặt họ làm công việc đó. **Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ chuyên lo cầu nguyện và phục vụ Lời Thiên Chúa”** (Cv 6,1-4).

**b) Đến thời Trung cổ:** Khi hầu hết các nước ở châu Âu đã theo đạo, thì Giáo hội trở nên có quyền thế rất lớn. Một số các nhà lãnh đạo tôn giáo vì không lường trước được hậu quả tai hại, nên đã lẫn lộn hai quyền bính đạo đời. Vì thế, Giáo hội đã bị mang tiếng và bị vạ lây khi các vua chúa làm điều sai quấy. Sau này Giáo Hội đã quyết định tách lìa tôn giáo khỏi chính trị, để các mục tử của Giáo Hội chỉ chuyên lo công việc rao giảng Tin Mừng Nước Thiên Chúa và giới hạn công việc phục vụ về phạm vi đức tin mà thôi.

3. Tuy không trực tiếp lo cơm áo cho dân chúng nhưng tôn giáo cũng đã **gián tiếp góp phần cho việc xây dựng cuộc sống vật chất cho nhân loại:**

**a) Các vị chủ chăn không ngừng khuyến dạy giáo dân thực thi công bằng bác ái** như Tin Mừng đòi hỏi. Nhiều mục tử đã can **đảm bênh vực giai cấp thợ thuyền nghèo khổ**, đòi

hỏi lương bổng công bằng cho người lao động, chấm dứt cảnh “người bóc lột người”. Các ngài còn **công khai bênh vực quyền lợi người nghèo** tại các diễn đàn quốc tế nữa...

b) **Rất nhiều tổ chức Công giáo đã có những hành động cụ thể, tích cực** trong việc kiến tạo một xã hội tốt đẹp hơn: bằng cách nâng cao đời sống vật chất của giai cấp nghèo khổ, phát triển các dân tộc kém mở mang. Rất nhiều **trung tâm huấn nghệ, tìm việc làm** cho người thất nghiệp, nhiều **trường trung tiểu học miễn phí**, nhiều **bệnh viện, cô nhi viện, dưỡng lão viện, trại câm điếc, trại phong cùi... đã được các tín hữu thiết lập** nhằm phục vụ người bị xã hội bỏ rơi. Ngoài ra, còn **nhiều đoàn thể công giáo đứng về phía người nghèo để đấu tranh** như thánh lao công của Đức Hồng Y Giuse Cardin, nhiều tổ chức **cứu trợ cấp thời** những rủi ro, thiên tai cho những người bị nạn như tổ chức Caritas quốc tế... đã chứng tỏ một cách hùng hồn **sự đóng góp hữu hiệu của Giáo hội trong việc kiến tạo cho xã hội một đời sống ấm no hạnh phúc hơn** ngay tại trần gian này.

**TÓM LẠI:** Dù nhiệm vụ chính của tôn giáo là **hướng dẫn tinh thần** của con người, giúp họ sống **xứng đáng với phẩm giá** của con người, tỏ lòng **hiếu thảo với Thiên Chúa** để sau này được hưởng hạnh phúc đời đời trên thiên đàng. Nhưng tôn giáo, đặc biệt là Kitô giáo cũng không quên **xây dựng cho con người một cuộc sống ấm no hạnh phúc hơn ngay tại trần gian** này cách gián tiếp bằng lời giảng dạy cũng như bằng các **hành động cụ thể** tùy theo nhu cầu và phù hợp với khả năng của mình.

### **PHÚT HỒI TÂM:**

**LỜI CHÚA:** Đức Giê-su nói: “Phúc cho anh em là những kẻ nghèo khó, vì Nước Thiên Chúa là của anh em” (Lc 6,20).

### **LỜI CẦU:**

Lạy Chúa. xin cho con nhìn thấy những người nghèo đang sống bên con, ngay trong gia đình ruột thịt của con và đang cần đến được con quan tâm giúp đỡ : một nụ cười, một ánh mắt, một lời động viên an ủi, một cái bắt tay thân ái, một sự sẻ chia tình người. Xin cho con nhận ra chính con cũng là người nghèo, và cũng cần được người khác giúp đỡ.

Tạ ơn Chúa vì Chúa đã dựng nên loài người chúng con ai cũng những thiếu sót, ai cũng nghèo về một phương diện nào đó và cần được người khác trợ giúp. Và như thế mọi người đều được mời gọi quan tâm đến nhau và trợ giúp cho nhau.

Tạ ơn Chúa vì chính Chúa cũng tự hạ nên nghèo khó giống như chúng con và cần sự cộng tác của chúng con để có thể hoàn tất chương trình cứu độ loài người.

Xin giúp chúng con nhận ra sự nghèo khó của mình, để khiêm tốn đón nhận ơn Chúa ban và sự trợ giúp của người khác. Xin cho chúng con nhận ra những anh chị em chung quanh đang nghèo khó cần sự trợ giúp để quảng đại chia sẻ cơm bánh và tình thương cho họ. Amen.

### **PHỤ CHÚ :**

### **CÓ THIÊN ĐÀNG KHÔNG VÀ HẠNH PHÚC THIÊN ĐÀNG RA SAO ?**

#### **I. THIÊN ĐÀNG HIỆN HỮU THỰC SỰ :**

1) Đây là một điều **phù hợp với sự khôn ngoan và đức công bình vô cùng** của Thiên Chúa, và đó cũng chính là **cùng đích mầu nhiệm cứu chuộc của Đức Giê-su**: Người đến để trả lại cho loài người chúng ta sự sống mà nguyên tổ A-đam E-và xưa đã đánh mất khi phạm tội

vì bất phục tùng, để phục hồi địa vị làm con Thiên Chúa cho chúng ta bắt đầu từ trần gian, và kéo dài mãi trên thiên đàng đời sau (x. Rm 5,12-21).

2) Đây còn là một **chân lý đức tin**:

a) **Đức Giê-su nhiều lần đề cập đến thiên đàng** trong các bài giảng của Người:

- “Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì **Nước Trời** là của họ” (Mt 5,2).

- “Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được **nhìn thấy Thiên Chúa**” (Mt 5,8).

- “Anh em hãy vui mừng hơn hở, vì **phần thưởng dành cho anh em ở trên trời** thật lớn lao” (Mt 5,12).

-“Anh em đừng tích trữ cho mình những kho tàng dưới đất, nơi mỗi mọt làm hư nát, và kẻ trộm khoét vách lấy đi. Nhưng hãy tích trữ cho mình những **kho tàng trên trời, nơi mỗi mọt không làm hư nát, và kẻ trộm không đào ngạch và lấy đi được** (Mt 6, 19-20).

-Trong dụ ngôn “Những nén bạc”, ông chủ nói với người đầy tớ biết làm lợi thêm những nén bạc ông đã trao: “Khá lắm, hỡi người đầy tớ tài giỏi và trung thành ! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy **vào mà hưởng niềm vui của chủ anh !**” (Mt 25,21).

b) Đức Giê-su cũng nói với các Tông đồ về thiên đàng như sau: “Trong nhà Cha của Thầy có nhiều chỗ ở, nếu không, Thầy đã nói với anh em rồi. Vì Thầy đi dọn chỗ cho anh em. Nếu Thầy đi dọn chỗ cho anh em, thì **Thầy sẽ trở lại và đem anh em về với Thầy, để Thầy ở đâu anh em cũng ở đó**” (Ga 14,2-3).

c) Đến ngày tận thế, Đức Giê-su Vua Thẩm Phán sẽ tái lâm để phán xét chung. Tin mừng Mát-thêu tường thuật như sau: “Bấy giờ Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên phải rằng: Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, **hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các người** ngay từ thuở tạo thiên lập địa” (Mt 25,34).

d) Tin Mừng Lu-ca đã ghi nhận về sự kiện Đức Giê-su lên trời như sau: “Chúa Giêsu **được đem lên Trời**” (Lc 24,51). Trời đây không phải trời xanh, mà là Thiên đàng, nơi Ba Ngôi Thiên Chúa là Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần ngự trị muôn đời.

e) Thánh Phao-lô cũng **quả quyết có thiên đàng vĩnh cửu** sau cuộc đời trần gian hôm nay: “Quả thật, chúng ta biết rằng: Nếu ngôi nhà của chúng ta ở dưới đất là chiếc lều này bị phá hủy đi, thì chúng ta có **một nơi ở do Thiên Chúa dựng lên, một ngôi nhà vĩnh cửu ở trên trời, không do tay người thế làm ra**” (2 Cr 5,1).

## II. HẠNH PHÚC THIÊN ĐÀNG RA SAO?

1) **Những quan niệm sai lạc về hạnh phúc thiên đàng**: Một số người có những ý nghĩ không đúng về thiên đàng. Chẳng hạn:

a) Thiên Đàng là **phần thưởng** của Thiên Chúa ban nhằm thúc đẩy con người ăn ngay ở lành, giống như cha mẹ hứa cho con cái mình bánh kẹo để khuyến khích chúng chăm chỉ học tập. Như thế chẳng lẽ người ta chỉ làm các việc lành vì ích kỷ, nhằm tới lợi riêng cho mình sao ?

Thực ra, thiên đàng tuy là một phần thưởng (x. Mt 5,12), nhưng trước hết, thiên đàng là **cùng đích cuộc đời** chúng ta. Nếu con người sống mà không hướng về Thiên Chúa thì cuộc đời của họ sẽ vô nghĩa. Chúng ta làm lành để **biểu lộ lòng yêu mến Thiên Chúa** ở đời này **giống như người gieo hạt giống tốt, và đương nhiên sẽ gặt được hoa trái là hạnh phúc thiên đàng** đời sau.

b) Một số người lại tưởng tượng ra hạnh phúc thiên đàng **theo sở thích** của mình: Là nơi **không còn phải ưu phiền thử thách, khỏi bị đau khổ**, nhưng được **sung sướng khoái lạc**,

được **nhìn thấy** những phong cảnh đẹp chưa từng được thấy, **được nghe** những điệu nhạc du dương chưa từng được nghe ở trần gian...

Thực ra, hạnh phúc Thiên Đàng trước hết là **hạnh phúc siêu nhiên tinh thần**, thỏa mãn được những nhu cầu của linh hồn chúng ta, được **hưởng kiến tôn nhan Thiên Chúa “điện đối diện”** như lời thánh Phao-lô dạy: “Bây giờ chúng ta thấy mờ mờ như trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt” (1 Cr 13,12).

c) Có người lại quan niệm thiên đàng theo kiểu **tình cảm trần gian**. Theo họ: khi lên thiên đàng chúng ta sẽ **được gặp lại những người thân** của mình trước đây, được **nói lại tình xưa nghĩa cũ**, vợ chồng con cái, cha mẹ anh em sẽ sống quây quần bên nhau như ở trần gian...

Thực ra, thiên đàng không phải chỉ là nơi để gặp gỡ các người thân của mình. Thiên Đàng tuy là một gia đình, nhưng là một gia đình **thiên thiêng**, là **nhà của Thiên Chúa là Cha chung**, trong đó mọi người đều là **anh chị em với nhau**.

**2) Vậy hạnh phúc thiên đàng thực sự thế nào ?** : Hiện nay chúng ta không thể diễn tả hạnh phúc Thiên Đàng như thế nào, vì chưa có ai được lên đó. Muốn hiểu hạnh phúc ấy, ta nên dựa vào Lời Chúa như sau:

**a) Theo sách Khải huyền**: “Rồi tôi nghe từ phía ngai có tiếng hô to: ‘Đây là nhà tạm Thiên Chúa ở cùng nhân loại, **Người sẽ cư ngụ cùng với họ**. Họ sẽ là dân của Người, còn chính Người sẽ là Thiên Chúa ở cùng họ. **Thiên Chúa sẽ lau sạch nước mắt họ**. Sẽ **không còn sự chết**; cũng **chẳng còn tang tóc, kêu than và đau khổ** nữa, vì những điều cũ biến mất” (Kh 21.3-4).

**b) Thánh Phê-rô** cũng khuyên các tín hữu: “Được chia sẻ những đau khổ của Đức Ki-tô bao nhiêu, anh em hãy vui mừng bấy nhiêu, để khi vinh quang Người tỏ hiện, anh em sẽ **được vui mừng hoan hỷ**” (1 Pr 4,13).

**c) Thánh Phao-lô** đã viết về hạnh phúc Thiên đàng như sau: “Điều **mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe, lòng người không hề nghĩ tới**. Đó lại là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai mến yêu Người” (1 Cr 2,9).

**3) Sự tiếp nhận hạnh phúc thiên đàng nhiều ít là do phần thưởng của mỗi người:**

**a)Ơn cứu độ được ban cho hết mọi người**: Trong dụ ngôn “Những người thợ đi làm vườn nho”, nhiều người đi làm vườn nho vào những thời điểm khác nhau trong ngày, nhưng đến cuối ngày, mọi người đều **được chủ trả lương một đồng** bằng nhau (x. Mt 20,1-15). Qua đó cho thấy: Người ta được ơn cứu độ là do tình thương bao dung của Thiên Chúa, hơn là do công sức riêng của bản thân mình.

**b) Tuy nhiên, mọi người không được hạnh phúc bằng nhau**: Mỗi người được hưởng kiến tôn nhan Thiên Chúa nhiều ít tùy theo công việc tốt đã làm khi còn sống ở trần gian. Ai yêu mến và làm các việc lành theo thánh ý Thiên Chúa nhiều thì ở đời sau sẽ được hưởng hạnh phúc nhiều hơn. Còn người yêu mến ít và làm ít việc lành khi còn sống, nên đương nhiên sẽ được hưởng hạnh phúc ít hơn trên thiên đàng.

**c) Đây cũng là điều hợp lý và phù hợp với đức công bằng vô cùng** của Thiên Chúa. Thánh Kinh đã đề cập về vấn đề này như sau:

-Đức Giê-su đã nói với các môn đệ: “Lòng anh em đừng xao xuyến. Hãy tin vào Thiên Chúa và tin vào Thầy. **Trong nhà Cha của Thầy có nhiều chỗ ở**. Nếu không, Thầy đã nói với anh em rồi. Vì Thầy đi dọn chỗ cho anh em. Nếu Thầy đi dọn chỗ cho anh em, thì **Thầy sẽ trở lại và đem anh em về với Thầy, để Thầy ở đâu anh em cũng ở đó**” (Ga 14,1-3).

-“Vậy ai **bãi bỏ** dù chỉ là một trong những điều răn nhỏ nhất ấy, và **dạy** người ta làm như thế, thì sẽ bị gọi là **kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời**. Còn ai **tuân hành và dạy** làm như thế, thì sẽ được gọi là **lớn trong Nước Trời**” (Mt 5,19).

-Thánh Phao-lô trình bày về hạnh phúc thiên đàng khác nhau như sau: “**Ánh mặt trời thì khác, ánh mặt trăng thì khác, ánh tinh tú thì khác, bởi vì ánh sáng tinh tú này khác với ánh sáng tinh tú kia**. Việc kẻ chết sống lại cũng vậy: gieo xuống thì hư nát, mà trỗi dậy thì bất diệt; gieo xuống thì hèn hạ, mà trỗi dậy thì vinh quang; gieo xuống thì yếu đuối, mà trỗi dậy thì mạnh mẽ, gieo xuống là thân thể có sinh khí, mà trỗi dậy là thân thể có thần khí” (1Cr 15,39-44).

-Về sau, Công đồng Florence (1414 -1418) cũng đã khẳng định: “các Đấng Thánh tùy theo công trạng khác nhau sẽ được thấy Chúa khác nhau, người này hoàn hảo hơn người kia”.

-Tuy không bằng nhau, nhưng sẽ **không có phân bì ganh ghét**, vì mỗi người **đều được tràn đầy hạnh phúc, đều ý thức rõ ràng tình yêu và sự công bằng vô cùng của Thiên Chúa**. Ta có thể ví hạnh phúc Thiên Đàng giống như nước được đổ vào các đồ chứa mỗi người mang theo lên thiên đàng. Ai ở trần gian làm được nhiều việc lành giống như người sấm cho mình một chiếc chậu to, đang khi người khác làm ít việc lành lại chỉ có được một chiếc tô hay chén nhỏ... Vì ai nấy đều được Chúa đổ đầy ân sủng, nên tuy được hưởng hạnh phúc nhiều ít khác nhau, nhưng không có sự phân bì ganh ghét lẫn nhau.

#### **4) Thiên đàng là nước tình yêu của Thiên Chúa:**

**a) Người tín hữu sống trên trần gian hướng về Thiên Chúa bằng ba nhân đức đối thần là Tin, Cậy, Mến:**

Đức Tin làm cho ta thấy Chúa hiện diện trong mọi tạo vật để ngợi khen cảm tạ Chúa.

Đức Cậy làm cho ta vững lòng cậy trông để cầu xin Chúa ban ơn cứu độ.

Đức mến làm cho ta yêu mến Chúa trên hết mọi sự và tìm cách đáp lại tình yêu ấy.

**b) Nhưng ở trên Thiên Đàng thì khác:**

Đức tin không còn cần thiết vì ta đã được nhìn thấy Thiên Chúa “diện đối diện”.

Đức cậy cũng không còn, vì ta luôn có Chúa và không sợ phải lìa xa Chúa bao giờ.

Chỉ có đức mến sẽ tồn tại mãi mãi.

Các thánh trên thiên đàng sẽ luôn yêu mến Thiên Chúa và yêu mến nhau, nên các ngài luôn được hưởng hạnh phúc viên mãn.

**c) Thiên Đàng là Nước Tình Yêu:** Các Thánh sẽ không ngừng yêu mến Thiên Chúa, và nhờ tình yêu sẽ có tất cả như thánh Phao-lô đã viết: “Hiện nay, đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại. Nhưng cao trọng hơn cả là đức mến” (1 Cr 13,13). Các tín hữu đang sống ở trần gian vẫn có thể được hưởng hạnh phúc thiên đàng khi biết loại khỏi lòng trí các tội lỗi và các thói hư, để luôn sống tình mến Chúa yêu người. Khi sống trong tình yêu thương là chúng ta sẽ được sống trong Thiên Chúa, hưởng được niềm vui và sự bình an trong tâm hồn, được hưởng hạnh phúc ngay từ đời này và sẽ kéo dài hạnh phúc ấy mãi mãi trên thiên đàng đời sau.



### Khán giả thất bại

Lm. Minh Anh chuyển ngữ

**Nguyên tác: Taking Flight - Bay Lên Đi**

**Tác giả: Anthony de Mello, S.J.**

#### **Chỉ dẫn:**

Tốt nhất, các câu chuyện sẽ được đọc theo thứ tự như đã sắp xếp. Mỗi lần đọc không quá một hoặc hai mẫu chuyện nếu bạn ước ao có được một cái gì đó hơn là chỉ giải trí.

#### **Lưu ý:**

Các chuyện kể trong tập sách này đến từ nhiều đất nước, nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; chúng thuộc về những di sản thiêng liêng, những câu chuyện hài hước được ưa chuộng của dòng đời nhân loại.

Những gì tác giả làm là xâu kết chúng lại với nhau theo một ý hướng đặc thù. Công việc của tác giả là công việc của người thợ dệt và thợ nhuộm, tác giả chẳng có công trạng gì về những tấm vải và những sợi chỉ.

**LTS.** Chỉ dẫn và lưu ý trên đây là của tác giả. Tuy nhiên, vì Đặc San GSVN chỉ phát hành 2 tuần một lần nên mỗi số báo BBT xin giới thiệu trung bình từ 5 đến 7 mẫu chuyện. Bạn đọc có thể lưu lại để nghiền ngẫm suy tư.

### **Chủ đề : CHÂN LÝ**

#### **248. Khán giả thất bại**

Khi nhà viết kịch người Anh Oscar Wilde đến câu lạc bộ của mình vào đêm khuya sau khi chứng kiến buổi trình diễn đầu tiên của một vở kịch hoàn toàn thất bại, có người hỏi ông, “Thưa ông, vở kịch của ông đêm nay thế nào?”.

“Ồ”, Wilde trả lời, “vở kịch thành công vang dội. Khán giả thất bại”.

↳

#### **249. Tiếng chim**

*... nó cụ thể...*

Lần kia, một tu sĩ nói với Fuketsu, “Có lần ngài nói với tôi điều gì đó nhưng tôi không hiểu, rằng chân lý có thể được truyền đạt mà không cần nói hoặc không cần giữ yên lặng. Xin ngài vui lòng giải thích điều này?”.

Fuketsu đáp, “Khi tôi còn là một cậu bé ở miền Nam Trung Quốc, ôi, tuyệt vời làm sao tiếng chim ríu rít giữa những khóm hoa vào mùa xuân!”.

*Vì thế, tôi nghĩ mình không ý thức.*

*Lúc suy tư, tôi lại sống trong thế giới Vô Thực của trừu tượng, của quá khứ hay của tương lai.*

↳

## **250. Không thể so sánh được**

*...vậy mà không thể đo lường được.*

Một con ếch sống trọn đời trong một cái giếng. Ngày kia nó ngạc nhiên thấy một con ếch khác ở đó.

“Anh từ đâu đến?”, nó hỏi.

“Từ biển. Đó là nơi tôi sống”, con kia đáp.

“Biển thế nào? Nó có lớn như cái giếng của tôi không?”.

Ếch biển cười. “Không thể so sánh được”, nó bảo.

Ếch giếng giả vờ quan tâm đến những gì vị khách nói về biển. Nhưng nó nghĩ, “Trong số những kẻ nói dối tôi biết suốt cả cuộc đời, tên này chắc chắn là tên xảo quyệt và trơ trẽn nhất!”.

*Làm sao nói về đại dương cho một con ếch ngồi đáy giếng; hay về Thực tại cho một ý thức hệ.*

↳

## **251. Làm sao tôi biết được?**

*Chân lý thực sự là điều gì đó bạn làm.*

Các môn đệ của Thầy Sãi Shem có lần nói, “Thưa Thầy, xin dạy chúng con cách thức thờ phượng Thiên Chúa”.

Ông đáp, “Làm sao ta biết được?”, ...rồi sau đó kể cho họ câu chuyện sau:

Ông vua kia có hai người bạn bị tố cáo phạm tội dẫn đến án tử hình. Dẫu yêu bạn mình, vua cũng không dám phóng thích họ cách dứt khoát vì sợ gây gương xấu cho thần dân. Vì thế, vua tuyên án: một sợi thừng được giăng qua một vực thẳm và mỗi trong hai bị cáo phải đi trên dây đó – ai qua bên kia an toàn thì được tự do; ai ngã thì chết.

Người thứ nhất đi qua an toàn. Người thứ hai la lên, “Này bạn, bày cho tôi cách thức”. Người thứ nhất la lớn đáp lại, “Làm sao tôi biết được? Tất cả những gì tôi làm là thế. Khi thấy mình chiu về bên này, thì tôi nghiêng về bên kia”.

*Bạn không học cách đạp xe trong lớp.*

↳

## **252. Điện là gì?**

Một cậu bé hỏi anh thợ điện, “Chính xác điện là gì?”.

“Ta thực sự không biết. Nhưng ta có thể khiến nó mang lại ánh sáng cho con”.

ﷲ

### 253. Chân lý hay công việc

Người kia xin Bayazid nhận mình làm đồ đệ.

“Nếu điều anh cần tìm là Chân lý”, Bayazid bảo, “thì cần đáp ứng những yêu cầu và gánh vác những trách nhiệm”.

“Thưa đó là gì?”

“Anh sẽ phải lấy nước, chẻ củi và quét dọn và nấu nướng”.

“Tôi đi tìm chân lý chứ không tìm công việc”, người đàn ông vừa nói vừa bỏ đi.

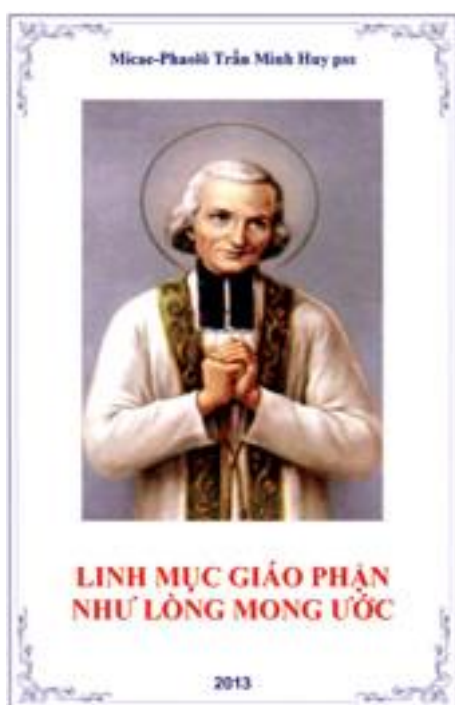
ﷲ

### VỀ MỤC LỤC

## TIẾN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ BA: CAM KẾT THEO CHÍNH CHÚA KITÔ TOÀN THỂ

### Giới thiệu tác phẩm: LINH MỤC GIÁO PHẬN NHƯ LÒNG MONG ƯỚC

Trọng kính Đức Hồng Y, Quý Đức Cha, Quý Cha, Quý Độc Giả CGVN.



Trong niềm tri ân cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho Giáo Hội Công Giáo một Vị Mục Tử Như Lòng Mong Ước Là Đức Thánh Cha Phanxico - Đứng dịp Đại Lễ Phục Sinh Năm Thánh Đức Tin 2013 - Nhà Sách Đức Mẹ ( email: [nsachdcct@gmail.com](mailto:nsachdcct@gmail.com) ) thuộc Tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam đã phát hành tác phẩm Linh Mục Giáo Phận Như Lòng Mong Ước do Linh mục Micae-Phaolo Trần Minh Huy, pss. biên soạn.

Tập sách rất vinh hạnh vì đã được ưu ái cấp IMPRIMATUR: bởi Đức Cha Pet. NGUYỄN VĂN ĐỆ, SDB. Giám mục Giáo phận Thái Bình. Quý Đức Tổng Phero Nguyễn Văn Nhơn, Đức Tổng Giuse Ngô Quang Kiệt, Đức Cha Anton Vũ Huy Chương vui mừng viết Lời Giới thiệu.

Sách được phục vụ tại các nhà sách Công Giáo.

**Nguyện xin THIÊN CHÚA chúc phúc và trả công bội hậu cho hết thảy những ai đang nỗ lực "chắp cánh" cho Quê hương và Giáo Hội Việt Nam bay lên!**

Chúng con xin chân thành cảm ơn.

## **TIỀN TRÌNH ƠN GỌI NĂM BƯỚC - BƯỚC THỨ BA: CAM KẾT THEO CHÍNH CHÚA KITÔ TOÀN THỂ**

**Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss**

Chính Chúa Giêsu đã nói: *“Không phải các con đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn các con và sai các con ra đi, để các con sinh hoa trái và hoa trái các con tồn tại, hầu tất cả những gì các con xin Cha nhân danh Thầy thì Người ban cho các con”*[1]. Như thế, mỗi người phải khẳng định rằng mình theo chính Chúa Kitô chứ không phải ai khác, và đặt Chúa Kitô ở trung tâm của tất cả mọi sự. Được hiểu hay không được hiểu, được ủng hộ hay bị chống đối, vui hay buồn, sướng hay khổ, thành công hay thất bại, mặc! Cứ bám chặt vào Chúa, chúng ta sẽ nhận được một sức mạnh kỳ diệu nâng đỡ mà Thánh Phaolô xác quyết là *“chính Chúa Kitô sống trong tôi”*[2].

Quả vậy, chúng ta cam kết đi theo chính Chúa Kitô, và là Chúa Kitô toàn thể, nghĩa là Chúa Kitô vinh hiển của núi Taborê cũng như Chúa Kitô khổ nạn của đồi Golgotha, dù gặp hoàn cảnh thế nào đi chăng nữa. Nếu gặp được Bè Trên, các cha giáo và anh em cảm thông nâng đỡ thì con đường thập giá đi theo Chúa được nhẹ nhàng hơn, còn nếu gặp phải người thiếu thông cảm hay quá khó thì con đường thập giá theo Chúa có nặng nề hơn, nhưng vẫn quyết tâm đi tới, không hề bỏ cuộc, *“biết rằng đời hiểu hay không, uống cho bằng cạn chén hồng Chúa giao, thương ai Chúa mới gọi vào, kèm trong thử thách dạt dào đỡ nâng”*, bởi vì nếu cố tìm Chúa Giêsu mà không có thánh giá thì sẽ có nguy cơ gặp phải thánh giá mà không có Chúa Giêsu.

Để hiểu được tính cách và tầm quan trọng của cam kết này, chúng ta phải xét đến các động lực ƠN GỌI. Đúng vậy, đằng sau mọi quyết định và hành động đều có một hay nhiều động lực ẩn khuất tác động. Chúng ta cần một không gian và thời gian để xem xét, làm sáng tỏ và thanh luyện các động lực của mình. Có thể thì việc đáp trả lời mời gọi và cam kết theo Chúa mới bền vững trong tin yêu và quảng đại. Công cuộc đào tạo ở Chủng viện, đặc biệt việc đồng hành thiêng liêng và linh hướng sẽ đóng góp vào việc nhận diện và thanh lọc các động lực ấy.

Có những động lực ý thức, như lòng khao khát phục vụ Chúa và các linh hồn, làm việc tông đồ, có nhiều thời gian hơn để cầu nguyện, v.v... Có những động lực vô thức tìm kiếm thỏa mãn các nhu cầu đã không được thỏa mãn trong thời niên thiếu, hoặc do ảnh hưởng của người khác can thiệp vào, khao khát cuộc sống được bảo đảm, khao khát được nhận biết, được chú ý, được chấp nhận; khao khát được kiên toàn, để chu toàn một lời hứa khi nhỏ, để thoát khỏi nghèo khổ, thoát ly khỏi đời sống gia đình bất hạnh, tìm kiếm đặc ân, thỏa mãn tham vọng của cha mẹ, v.v... Các động lực ấy chẳng phải là tội, nhưng chúng bộc lộ những thiếu sót trong con đường ƠN GỌI.

Để tăng cường sự phát triển trưởng thành nhân bản và thiêng liêng, ta cần trung thực loại bỏ hay biến đổi uốn nắn các động lực không thích hợp. Đừng coi thường sự quý mến bản thân với các nhu cầu của nó. Sự quý mến bản thân giúp ta ý thức về sự dâng hiến bản thân. Nếu không có quý mến bản thân thì dâng hiến cái gì? Do đó phải đối mặt gọi tên và giải quyết tốt các nhu cầu ấy để sự dâng hiến bản thân được ý nghĩa trọn vẹn và bền bỉ. Chỉ trong ánh sáng tình yêu vô điều kiện và bất biến của Chúa, ước muốn dâng hiến bản thân mới ngày một hiện rõ và tự do trao dâng cho Chúa và tha nhân, theo sự thúc đẩy của ƠN CHÚA THÁNH THẦN. Xem xét các loại động lực thúc đẩy ý hướng này giúp chúng ta nắm rõ nội dung và sức năng động trong ý hướng muốn tiến vào đời sống dâng hiến:

*Ý hướng cam kết* cung ứng khả năng đáp lại tiếng Chúa gọi, nhờ hoa quả của Chúa Thánh Thần trong cuộc đời mình. Đây là ý hướng lý tưởng của người trưởng thành và hướng tới tự hiến, tự do đáp lại lời mời gọi của Chúa.

*Ý hướng phận vụ* thường bị giằng co giữa việc tìm kiếm toàn chính mình và sự sẵn sàng dâng hiến bản thân mình. Tính lưỡng diện này tỏ lộ lãnh vực không có tự do trong cái tôi còn thiếu trưởng thành, nên cần một sự phân định cẩn thận.

*Ý hướng địa vị* tìm thăng tiến bản thân để che lấp sự bất ổn căn bản trong đời sống của mình, hay vì ước muốn và tham vọng của người khác coi đời tu là một thăng tiến xã hội, như hoài bão của cha mẹ họ hàng chẳng hạn: linh mục là người luôn được kính trọng và có vị thế trong xã hội.

*Ý hướng trốn thoát* nhằm tìm kiếm sự che chở từ cuộc sống tu trì, muốn tránh những phiền toái rắc rối của đời sống hôn nhân gia đình, dù rằng vẫn chịu sự lôi cuốn. Tính nhập nhằng này có thể được quan sát thấy cách dễ dàng trong thái độ lẫn cách ứng xử.

Ứng sinh có ý hướng địa vị và trốn thoát thường không có ơn gọi đích thực, bởi vì họ thiếu trưởng thành nhân cách và sẽ dễ dàng từ bỏ hoặc phản bội sứ vụ căn bản của mình. Một nhà phân định bén nhạy có thể trực giác ngay được ý muốn phục vụ tha nhân của ứng sinh như thế nào.

Ứng sinh cần phải ý thức về nhiều nhân tố trong động lực ơn gọi của mình và phân tích những đường lối dẫn thân phục vụ tha nhân, bao gồm cả việc trung thành với lời cam kết của mình. Nhiệm vụ của vị hướng dẫn ơn gọi thật là quan trọng. Người hướng dẫn cần giúp ứng sinh ý thức rõ nhiều động lực đang có mặt nơi anh, đồng thời giúp anh thấy được sự xung khắc giữa các động lực ấy và giải quyết chúng. Động lực nào phù hợp với đời tu sẽ được sử dụng để thăng tiến. Động lực nào không phù hợp với đời tu thì phải loại bỏ hay biến đổi. Nếu không thể nào thay đổi được, nên khéo léo khuyên anh tìm một cuộc sống ở nơi nào khác thì tốt hơn là theo đuổi đời sống hướng tới chức linh mục.

Để sống cao độ sự cam kết này, ứng sinh cần phải tự biết mình. Ở cửa đền Alphê, Socrate cho khắc chữ "*Hãy tự biết mình.*" Còn Thánh Augustinô thì cầu nguyện mỗi ngày "*xin cho con biết Chúa, xin cho con biết con.*" Tự biết mình là yếu tố rất quan trọng để ứng sinh đạt được mức độ trưởng thành. Phải cố gắng hiểu được mình là ai, với tất cả những điểm mạnh và những điểm yếu. Nếu không có nhận thức rõ ràng về mình, ứng sinh dễ có khuynh hướng tự tôn bằng sự phòng vệ coi mình là trung tâm điểm hoặc tự ti và quá lệ thuộc vào người khác. Sự kiện rất nhiều ứng sinh ngày nay không thể trực diện với chính mình để biết mình là ai giải thích tại sao có nhiều sự thiếu trưởng thành hay tự đánh giá thấp nơi nhiều chủng sinh, ngay cả nơi một số linh mục trẻ mới ra trường nữa. Ứng sinh phải tự biết mình là ai, và đang ở đâu trong tiến trình tu luyện. Nhà đào tạo cũng phải biết ứng sinh đang ở giai đoạn nào trong tiến trình ấy, để nhẫn nại dẫn dắt, không đốt giai đoạn, kéo dài giai đoạn là đốt cháy cả một đời người.

Để được kiên vững trong cam kết theo chính Chúa Kitô toàn thể này, không chỉ trong giai đoạn chủng viện mà cả về sau này nữa, chúng ta phải luôn luôn đặt Chúa làm trung tâm chứ không phải mình, và tìm Chúa hơn là công việc của Chúa. Quả vậy, sứ vụ tông đồ là cái chung nhất của những ai muốn dẫn thân phục vụ tha nhân, muốn đi truyền giáo, muốn xả thân cho người nghèo, nghĩa là nhắm đến phục vụ, tức CÔNG VIỆC CỦA CHÚA. Các cơ cấu Giáo Hội được nhắm tới và được đón nhận như điểm tựa mục vụ, vì chúng giúp ta dẫn thân cho sứ vụ tông đồ. Việc hoàn thiện các đức tính nhân bản, thăng tiến các tài năng, nghiệp vụ là những yếu tố giúp việc tông đồ hiệu năng hơn. Độc thân khiết tịnh cũng được nhìn theo viễn ảnh phục vụ: sẵn sàng khi chuyển chuyển (người bị dính bén tình cảm phá tính gây nhiều khó khăn khi cần chuyển chuyển!).

Việc đánh giá cao thành tích tông đồ và coi thường người thiếu khả năng khiến một số người bỏ bê đời sống thiêng liêng để chạy theo tính hiệu quả của công việc, học hành. Nếu coi hoạt động tông đồ là động lực tối hậu thì khi không còn hoạt động tông đồ được nữa (do hoàn cảnh, bệnh tật, tuổi tác), các vấn đề tiêu cực sẽ nổi lên, vì sự quá lý tưởng vào việc tông đồ sẽ gặp chán nản và không còn hứng khởi kiên trì theo đuổi ơn gọi. Lúc đó việc rời bỏ đời tu là kết quả đương nhiên của cơn khủng hoảng.

Sự xung đột thường xảy ra giữa các cơ cấu tông đồ nặng tính truyền thống của thế hệ lớn tuổi và lối sống tông đồ sáng tạo của thế hệ mới. Nếu không điều chỉnh hài hoà được thì gánh nặng cơ cấu truyền thống sẽ bị kết thúc bởi khủng hoảng và những cuộc ra đi. Có những người ở lại chỉ vì đối với họ, việc rời bỏ đời tu là một sự sụp đổ hoàn toàn. Trong hoàn cảnh ấy, đức khiết tịnh cũng chỉ được duy trì bởi sự khổ hạnh, một khổ hạnh gắn liền với kỷ luật hơn là tình yêu tự nguyện và hạnh phúc trọn vẹn cho Thiên Chúa.

Có người chọn giải pháp tiêu cực: đã quá muộn để rời bỏ đời tu, phải cố chịu đựng cuộc sống như định mệnh đã an bài, luôn đau khổ vì tiếc nuối những hoạt động thật ý nghĩa trong quá khứ mà bây giờ không còn nữa. Người khác ở lại vì đời tu mang lại cho họ một cuộc sống đầy đủ, tiện nghi, an toàn, dù rất tầm thường và chấp nhận một số công việc tông đồ ít ỏi mà họ có thể làm. Nếu sứ vụ tông đồ là động lực đời tu mà còn như thế thì người mang động lực có tính cách trần thế khác sẽ thế nào khi gặp khó khăn thử thách? Họ sẽ bỏ cuộc hoặc sẽ sống một đời tu miễn cưỡng, đã không triển nở hạnh phúc, mà còn sẽ có những tiêu cực nguy hại cho bản thân, cho tha nhân, cho Giáo Hội và sứ mệnh của Giáo Hội, vốn là công trình của Thiên Chúa.

Trái lại, việc dẫn thân vì CHÍNH CHÚA giúp ta nhận biết Chúa là tuyệt đối và có qui chiếu tối hậu nơi Ngài, đến đối ngay cả giữa những cơn thử thách lớn lao và ngờ vực của đêm tối đức tin, chúng ta cũng cảm nhận được Chúa Là Tất Cả. Xác tín này cổ vũ dẫn thân sống bền đỗ đời sống và sứ vụ ơn gọi trong mọi hoàn cảnh cuộc đời. Nó đem lại bình an, vui tươi và kích hoạt sức mạnh cần thiết để chúng ta sống vui tươi cuộc đời ơn gọi của mình.

Kinh nghiệm này là một ân ban được tăng trưởng nhờ kiên trì cầu nguyện, chiêm niệm và đời sống nội tâm sâu xa. Nó là đá tảng vững chắc trong những thời khắc khó khăn, chán nản, lảm lạc và cả tội lỗi nữa. Nó mời gọi ta sám hối trở về với lòng nhiệt thành ban đầu. Trong những cơn khủng hoảng tình cảm hay tính dục, kinh nghiệm này là sức vượt lên, vì tin chắc rằng Chúa luôn yêu thương tha thứ cho đến tận cùng, bất chấp tất cả yếu đuối và tội lỗi của chúng ta.

Kinh nghiệm Chúa là Tất Cả là hàn thử biểu cho đời sống và sứ vụ ơn gọi. Nó không được đo lường bởi tính hiệu quả và thành công. Nó soi sáng và kích hoạt mọi hoàn cảnh sống, và là nguồn đặc sủng năng động tông đồ. Cảm nhận kinh nghiệm này giúp chúng ta không bao giờ phải đi tới ngõ cụt là lìa bỏ ơn gọi vì một sự thay đổi công việc hay nhiệm sở, tuổi tác hay bệnh hoạn làm cản trở công việc tông đồ. Chính kinh nghiệm này giải thích thái độ của những người ngày đêm âm thầm phục vụ trong những công việc tầm thường, khuất ẩn, chẳng ai để ý tới, hoặc thái độ của những người đang dẫn thân trong các hoạt động tông đồ đang thành công bất ngờ bị búng đi, và phải lạng lế ra đi như tới một nơi lưu đày.

Kinh nghiệm Chúa là Tất Cả được nuôi dưỡng bởi các lời khuyên Phúc Âm: - Đức khó nghèo giúp lệ thuộc tuyệt đối vào Chúa: Chúa Giêsu sai các môn đệ đi truyền giáo không được mang theo gì để họ tin thác vào Ngài[3]; - Đức vâng lời dạy qui phục ý Chúa qua Bề Trên, là người có kinh nghiệm tìm ý Chúa cho mình cũng như cho bề dưới, và cùng bề dưới tìm Ý Chúa; - Đức khiết tịnh diễn tả một tình yêu trọn vẹn cho Thiên Chúa, không chia sẻ cho ai hay cái gì khác[4]. Kinh nghiệm về sự tuyệt đối của Thiên Chúa giúp từ bỏ ý riêng: nhượng bộ ý muốn và kế hoạch riêng cho Chúa, như Trinh nữ Maria trong ngày truyền tin đã qui phục ý

muốn và kế hoạch đời mình cho ý muốn và kế hoạch cứu độ của Chúa cho mình và cho cả nhân loại.

Kinh nghiệm nền tảng Chúa là Tất Cả phải vừa là điểm khởi đầu vừa là điểm phải đến: Mọi sự đều qua đi, nhưng Thiên Chúa không hề thay đổi. Ai có được Thiên Chúa thì chẳng thiếu gì hết: Một mình Thiên Chúa là đủ. Do đó, phải ưu tiên tìm chính Chúa trong các công việc của Chúa và qui hướng về chính Chúa. Chỉ khi nào vượt lên được chính mình và những thứ kéo ghì mình xuống để vươn lên chính Chúa hơn là công việc của Chúa thì chúng ta mới thực sự có được một đời tu bình an, thành công và hạnh phúc.

Cần có một sự điều hợp giữa chính Chúa và công việc của Chúa trong đời sống ơn gọi. Nếu chính Chúa là động lực ơn gọi, ta có được bảo đảm cho tính trung thực của đời tu. Nếu công việc tông đồ là động lực, thì phải xem nó có kiên vững và tiến triển hướng về chính Chúa không? Nếu chỉ tìm công việc của Chúa mà quên chính Chúa thì sẽ có nguy cơ đi tới tình huống thiếu động lực đích thực. Như vậy kinh nghiệm Chúa là Tất Cả đã có mặt ngay từ đầu, hoặc đã trở lên qua dòng đời dâng hiến với việc thực thi các sứ vụ tông đồ. Việc dần thân trong sứ vụ, sự nhiệt tình tông đồ, lòng tận tụy truyền giáo có thể là những trung gian quý báu dẫn tới kinh nghiệm "*Chỉ một mình Chúa là đủ.*" Trái lại, kinh nghiệm *Chúa là Tất Cả* cho ta ánh sáng, sức mạnh, và nhiệt huyết tông đồ.

Có hai cách thức để đạt tới: hoặc ngay từ đầu đã có kinh nghiệm về chính Chúa, hoặc dần dần tiến lại với chính Chúa qua trung gian sứ vụ tông đồ, tức các công việc của Chúa. Công cuộc đào tạo và tự đào tạo phải đưa mỗi người đến trung tâm của ơn gọi là chính Chúa. Do đó, không được ham công việc của Chúa mà không ở với chính Chúa. Phải luôn tìm Chúa trong mọi công việc của Chúa và qui hướng mọi việc tông đồ về chính Chúa, để khi không thể làm việc của Chúa thì vẫn luôn còn có chính Chúa, và như thế là đủ. Có thể nói đó là đường hướng và nội dung căn bản của đời sống cầu nguyện liên li.

Thường ta không đạt được kinh nghiệm Chúa là tất cả ngay từ bước đầu tiên của ơn gọi, nhưng trong suốt hành trình được đào tạo và tự đào tạo, cũng như trong cuộc sống và sứ vụ tông đồ, nó phải được tôi luyện qua các khủng hoảng hay những thách đố lớn. Ta phải nhanh chóng thanh tẩy các động lực ơn gọi và đặt trọng tâm nơi Chúa Giêsu, "Đấng vẫn là một hôm qua, hôm nay và mãi mãi"<sup>[5]</sup>. ĐTC Phanxicô nói: "*sự bất tuân phục và sự hoài nghi của chúng ta là những gút mắc chằng chéo trong linh hồn của mỗi người. Những gút mắc này lấy đi sự bình an và thanh thần của chúng ta. Chúng thật nguy hiểm, vì nhiều gút mắc có thể hình thành một mớ càng lúc càng đau đớn và khó tháo gỡ hơn. Tin vào Chúa Giêsu có nghĩa là dâng hiến cho Chúa trọn thân xác chúng ta với lòng khiêm nhu và can đảm của Mẹ Maria, để Chúa có thể tiếp tục ngự trong tâm hồn chúng ta*"<sup>[6]</sup>.

Sự qui chiếu về Chúa Giêsu phải là tuyệt đối. Dostoievski xác tín: "*Tôi tin rằng không có gì đẹp hơn, không có gì sâu xa hơn, không có gì thiện cảm hơn, không có gì hữu lý hơn, không có gì mạnh mẽ hơn, và không có gì hoàn hảo hơn Chúa Kitô*". Thánh Patrice nói: "*Chúa Kitô ở với tôi, Chúa Kitô ở trong tôi, Chúa Kitô ở sau lưng tôi, Chúa Kitô ở trước mặt tôi, Chúa Kitô ở bên cạnh tôi, Chúa Kitô đến nắm tay tôi, Chúa Kitô đến an ủi tôi, Chúa Kitô đến bổ sức cho tôi, Chúa Kitô ở dưới chân tôi, Chúa Kitô ở trên đầu tôi, Chúa Kitô ở trong sự bình tâm, Chúa Kitô ở trong hiểm nguy, Chúa Kitô ở trong trái tim của những người yêu mến tôi. Chúa Kitô ở nơi mọi miện của bạn hữu cũng như của người xa lạ.*"

Thánh Vinh sơn đệ Phaolô khuyên: "*Bạn hãy nhớ rằng chúng ta sống trong Chúa Kitô nhờ cái chết của Chúa Kitô, và chúng ta phải chết trong Chúa Kitô để được sự sống của Chúa Kitô, đời sống chúng ta phải được giấu ẩn trong Chúa Kitô và tràn đầy Chúa Kitô, và để rồi nếu muốn được chết như Chúa Kitô thì phải sống như Chúa Kitô.*"

Thánh Gioan Tiền Hô ước muốn “Ngài phải lớn lên, còn tôi phải bé đi”, còn thánh Phaolô xác tín: “Tôi sống, nhưng không còn là tôi mà là Chúa Kitô sống trong tôi.” - “Những gì xưa kia tôi cho là có lợi thì nay vì Đức Kitô tôi cho là thiệt thòi. Hơn nữa, tôi coi tất cả mọi sự là thiệt thòi so với mối lợi tuyệt vời là được biết Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi”[7].

Cầu mong cho mỗi người chúng ta ngày càng cam kết đi theo chính Chúa Kitô toàn thể, và có thể nói được cùng với thánh Phaolô: “Ai có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Đức Ki-tô? Phải chăng là gian truân, khốn khổ, đói rách, hiểm nguy, bắt bớ, gươm giáo?... Nhưng trong mọi thử thách ấy, chúng ta toàn thắng nhờ Đấng đã yêu mến chúng ta. “Đúng thế, tôi tin chắc rằng: cho dầu là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Ki-tô Giê-su, Chúa chúng ta”[8]

Tuy nhiên chúng ta vẫn phải luôn cảnh giác, vì trong thực tế, rất lắm lần chúng ta đã để một ai đó hay một cái gì đó tách biệt Chúa Giêsu ra khỏi tình yêu và cuộc đời của chúng ta, cho dù không hề có cái gì tách biệt chúng ta ra khỏi tình yêu của Chúa Giêsu: chúng ta có thể nào đi nữa thì Ngài vẫn hằng thương yêu chúng ta, và thương yêu chúng ta cho đến cùng. Xin Mẹ Maria cầu bầu cho chúng ta được như vậy. Amen.

---

[1] Ga 15,16-17.

[2] Gal 2,20.

[3] x. G 1,21; 2,10b.

[4] x. 1 Cr 7, 32-35.

[5] Dt 13,8.

[6] Trích lời ĐTC Phanxicô nói trong Đêm canh thức Thánh mẫu tại quảng trường thánh Phêrô ngày 12/10/2013.

[7] x. Pl 3,7-14.

[8] Rm 8, 35 – 39.

## VỀ MỤC LỤC

### **KHÁC BIỆT GIỮA STROKE VÀ HEART ATTACK**

K/g bs Nguyễn-ý-Đức,

Chúng tôi mới đọc bài về bệnh tai biến mạch máu não trên đài VOA và thấy nếu bác sĩ viết cho bài làm sao phân biệt triệu chứng giữa heart attack và stroke sẽ giúp ích nhiều cho bệnh nhân VN ở trong và ngoài nước, ngay cả ở Hoa-kỳ.

Xin cảm ơn bác sĩ Đức trước.

Trân-trọng,

Trọng Nhân- California



Stroke tiếng Việt gọi là Đột Quy hoặc Tai Biến Mạch Máu Não, còn Heart Attack là Cơn Đau Tim. Hai bệnh có một số điểm giống và khác nhau đôi khi cũng khó mà phân biệt.

-Cả hai đều gây ra do sự gián đoạn cung cấp máu cho mỗi bộ phận là não và tim

-Cả hai đều cần được cấp cứu tức thì vì hậu quả của bệnh tùy thuộc vào điều trị sớm hay muộn.

-Triệu chứng của hai bệnh đều khác nhau.

Nhận diện và nhớ được sự khác biệt về dấu hiệu báo động sự xuất hiện giữa hai bệnh đôi khi cũng gây bối rối cho nhiều người. Xin cùng tìm hiểu về hai bệnh này.

Trước hết, xin nhấn mạnh là các tế bào trong cơ thể hoạt động được đều nhờ chất dinh dưỡng và dưỡng khí do dòng máu cung cấp. Gián đoạn sự cung cấp này sẽ đưa tới rối loạn chức năng cho bộ phận đó rồi cho toàn cơ thể.

Não bộ và tim là hai bộ phận chủ chốt của cơ thể và rất nhạy cảm với sự thiếu cung cấp nguồn nhiên liệu để hoạt động, dù sự gián đoạn chỉ trong vài phút đồng hồ.

### **Stroke là gì?**

Stroke là một cơn yếu ớt bất chợt ở một phía của cơ thể gây ra do sự gián đoạn lưu hành máu tới một phần nào đó của não.

Ngưng cung cấp máu có thể là do ở trên não có một cục máu làm tắc nghẽn( 85%) hoặc do một mạch máu bị đứt rách.

Không có máu, tế bào não chết liền nếu không được cấp cứu.

Mỗi phút không điều trị đưa tới hủy hoại cho 1.9 triệu tế bào não, 7.5 miles sợi thần kinh và 14 tỷ điểm giao liên kết hợp thần kinh.

Báo cáo y học của American Heart diễn tả sự tổn thương tế bào não khi không được điều trị với sự hóa già của cơ quan này như sau:

Cứ một giây không điều trị não già đi gần 8 giờ, mỗi phút không điều trị, não già gần 3 tuần lễ, chậm điều trị 1 giờ, não già đi 3.6 năm và nếu không chữa, não già đi 36 năm.Mà não đã hóa già hết hoạt động thì hậu quả tai hại sẽ vô lường, vĩnh viễn.

Coi vậy thì cấp cứu điều trị Stroke quan hệ như thế nào.

Cho tới nay, đột quy được coi là đệ tam sát thủ đối với con người, sau bệnh tim và ung thư và là đệ nhất nguyên nhân gây ra tàn phế cơ thể, đệ nhị hung thủ gây tàn phế thần kinh, sau bệnh Alzheimer.

Bên Hoa Kỳ, hàng năm có tới trên dưới 700,000 người bị stroke với gần 200,000 tử vong.

Sống sót thì cứ một trong sáu người cần chăm sóc tại các cơ sở lâu dài; ba trong bốn người giảm khả năng làm việc.

Kinh hoàng như vậy mà dường như nhiều người vẫn chưa biết rõ về bệnh cũng như chưa chịu áp dụng các phương thức phòng ngừa để bệnh không đến với mình.

## Những dấu hiệu báo trước

Dấu hiệu tùy thuộc nguyên nhân gây tai biến, vùng não và số lượng tế bào bị tổn thương. Điểm đặc biệt của dấu hiệu báo động là một số những “**Đột Nhiên**”.

-Đột nhiên thấy yếu một bên cơ thể như mặt, tay hoặc chân là dấu hiệu sớm nhất và thông thường nhất; rồi:

-Đột nhiên thấy tê dại trên mặt, cánh tay hoặc chân ở một nửa thân người;

-Đột nhiên thấy bối rối, nói lơ lơ khó khăn hoặc không hiểu người khác nói gì;

-Đột nhiên có khó khăn nhìn bằng một hoặc cả hai con mắt;

-Đột nhiên chóng mặt, đi đứng không vững, mất thăng bằng;

-Đột nhiên thấy nhức đầu như búa bổ mà không rõ nguyên nhân.

Không phải tất cả các dấu hiệu này đều xảy ra trong mỗi tai biến. Nhưng nếu thấy một vài trong những dấu hiệu đó là phải kêu cấp cứu, tới nhà thương ngay. Đây là trường hợp khẩn cấp, trễ phút nào nguy hiểm gia tăng với phút đó.

Y giới đưa ra trắc nghiệm gọi tắt là **FAST** để sớm phát hiện stroke:

F = Face: yêu cầu họ cười, coi xem một bên mặt có méo, môi xệ.

A =Arm: yêu cầu dơ 2 tay lên cao, coi xem một tay có yếu suội thõng xuống.

S =Speech: yêu cầu nhắc lại một câu nói, coi xem dạng nói có ngọng lớ, nhắc lại có đúng

T=Time có nghĩa thời gian điều trị là quan trọng, cần hành động kêu 911 cấp cứu ngay.

Nếu áp dụng trắc nghiệm này thì đôi khi người thường cũng dễ dàng thấy stroke đang xuất hiện.

Ngoài ra, tùy theo não trái hoặc phải bị tổn thương mà triệu chứng khác nhau đôi chút.

a- Đột quy ở não trái hay phải đều đưa tới suy yếu hoặc tê liệt của phần cơ thể phía đối diện cộng thêm mất mở rộng hoặc môi xệ xuống;

b- Đột quy não trái gây ra rối loạn về ngôn ngữ ảnh hưởng tới việc phát ra và hiểu lời nói kể cả đọc và viết. Lý do là trung tâm kiểm soát ngôn ngữ thường nằm bên não trái. Nạn nhân cũng có rối loạn về trí nhớ, một chút rối loạn hành vi, chậm chạp và dè dặt hơn.

c- Tổn thương não phải: Ngoài tê liệt nửa thân phía trái, bệnh nhân còn bị mất trí nhớ, hành vi hấp tấp, không suy nghĩ, kém nhận xét về không gian, hay bị xúc động, buồn rầu và chỉ để ý tới sự việc xảy ra mé phải cơ thể. Chẳng hạn bệnh nhân không thấy có người tới ở phía trái hoặc bỏ quên thực phẩm trên phần đĩa bên trái.

## Điều trị

Điều trị stroke tùy theo bị máu cục hoặc đứt động mạch.

Máu cục thì thuốc loãng máu như aspirin là ưu tiên rồi tới heparin...Aspirin cần được dùng trong vòng 3 giờ sau tai biến.

Còn stroke do đứt mạch máu thì cần giải phẫu để sửa chỗ đứt và giảm áp lực của máu tràn ò lên tế bào não. Aspirin không được dùng vì sẽ làm máu loãng, chảy nhiều hơn.

Sau giai đoạn cấp cứu, bệnh nhân được tiếp tục điều trị tại Trung tâm Phục hồi Chức năng, để lấy lại các chức năng đã mất hoặc suy yếu gây ra do sự thiếu nuôi dưỡng tế bào não.

Tóm lại, Tai biến Động mạch não là một tai nạn trầm trọng, cần được cấp cứu tức thì để cứu vãn sự sinh tồn của tế bào thần kinh. Nhiều nhà chuyên môn coi tai biến này nguy hiểm như Cơn Suy Tim heart attack, và gọi là Brain Attack.

Tai biến có thể viếng thăm bất cứ ai, không kể tuổi tác, nam nữ, giàu nghèo.

### **Heart Attack là gì?**

Tim là bộ phận thiết yếu trong việc nuôi dưỡng toàn bộ tế bào trong cơ thể. Hằng ngày, tim liên tục làm việc suốt 24 giờ để bơm một khối lượng hơn 7000 lít máu. Để hoàn thành công việc này, tim cần oxy và chất dinh dưỡng do động mạch vành (Coronary Artery) cung cấp.

Vì nhiều lý do khác nhau, mặt trong của động mạch vành bị các mảng chất béo bám vào, làm cho động mạch trở nên cứng và hẹp, máu lưu thông giảm đi. Một máu cục có thể thành hình và gây tắc nghẽn hoàn toàn sự lưu hành của máu. Tế bào tim không nhận được chất dinh dưỡng và oxy, sẽ bị hủy hoại Đó là sự nhồi máu cơ tim (*myocardial infarction*). Thời gian thiếu máu càng lâu thì sự hủy hoại của tế bào tim càng lan rộng và cơn đau tim càng trầm trọng hơn.

Đôi khi, cơn đau tim cũng xảy ra khi động mạch vành co thắt tạm thời làm cho lưu lượng máu tới tim giảm đi. Các cơn co thắt tạm thời này có thể gây ra do căng thẳng tâm thần, tiếp xúc với thời tiết lạnh, khói thuốc lá hoặc khi sử dụng vài loại thuốc như bạch phiến...

Tại Hoa Kỳ, mỗi năm có khoảng 1,5 triệu người bị Cơn Đau Tim với hậu quả là gần 500,000 trường hợp tử vong. Hơn một nửa số tử vong này xảy ra 1 giờ sau cơn đau và trước khi bệnh nhân tới bệnh viện. Ngoài ra đã bị Heart attack cũng thường đưa tới Stroke.

Cơn đau tim là một trường hợp khẩn cấp, cần được điều trị tức thì. Mỗi giây phút trì hoãn là giây phút dẫn tới “thập tử nhất sinh” cho người bệnh.

May mắn là cơn đau tim có thể điều trị được và các nguy cơ gây ra cơn đau tim có thể đối phó, thay đổi để phòng ngừa căn bệnh hiểm nghèo này.

### **Những dấu hiệu báo trước Cơn ĐauTim**

Có một số dấu hiệu báo trước sự xuất hiện của cơn đau tim:

a- Cảm giác khó chịu, đau ò ò như có vật nặng ép trên ngực, kéo dài tới mấy phút rồi mất đi, nhưng có thể tái xuất hiện.

Cơn đau có thể nhẹ vừa phải tới đau không chịu được.

b- Cảm giác đau từ ngực chạy lên vai, cổ hoặc lan ra cánh tay; đầu ngón tay cảm thấy tê tê..

c- Choáng váng, muốn xỉu, đổ mồ hôi, buồn nôn, khó thở.

d- Lo sợ, nóng nẩy, bồn chồn.

đ- Da xanh nhợt.

e- Nhịp tim nhanh, không đều.

Nếu cảm thấy một trong những dấu hiệu này thì phải kêu cấp cứu ngay.

Nên lưu ý là phụ nữ có thể có các dấu hiệu khác hoặc không rõ ràng như nam giới. Họ có thể cảm thấy đau ở bụng, cho là bị ợ chua với da ẩm ướt hoặc mệt mỏi bất thường. Mà không ngờ là có thể đang bị heart attack.

## Điều trị

Ngay khi cảm thấy có dấu hiệu bị cơn đau tim, bệnh nhân cần phải kêu số điện thoại cấp cứu để được đưa đi khám bệnh và điều trị càng sớm càng tốt. Điều trị sớm có thể ngăn ngừa hoặc giới hạn sự hư hao của tế bào tim và giảm được tử vong cho người bệnh.

Trên đường chuyên trở bệnh nhân tới bệnh viện, nhân viên cấp cứu đã có thể bắt đầu sự chữa trị với phương tiện sẵn có trong xe cấp cứu. Họ thường xuyên liên lạc trực tiếp với bác sĩ tại bệnh viện để thông báo tình trạng người bệnh và tham khảo ý kiến về cách thức đối phó với cơn đau tim. Họ có thể cho bệnh nhân thở oxy, dùng thuốc giảm đau tim nitroglycerin, morphine. Họ cũng sử dụng máy cấp cứu tim khi nhịp tim rối loạn, tạm ngưng..

Tới nhà thương, bệnh nhân được đưa vào phòng cấp cứu tim trang bị đầy đủ dụng cụ, và dược phẩm. Các bác sĩ sẽ hành động ngay để phục hồi sự lưu hành máu tới tim, giảm thiểu tổn thương cho các tế bào và liên tục theo dõi tình trạng bệnh.

Thuốc gây tan cục huyết được dùng trong vòng 1 giờ kể từ khi bắt đầu có dấu hiệu của cơn đau tim.

Thuốc loại nitrate để giúp động mạch bớt co thắt và giảm cơn đau trước ngực.

Thuốc chống đông máu để làm máu loãng, tránh đóng cục trong lòng động mạch.

Thuốc viên aspirin để ngăn ngừa tiểu cầu kết tụ với nhau...

Ngoài ra còn các dược phẩm giúp hạ huyết áp, giảm sức căng của động mạch, nhờ đó tim làm việc nhẹ nhàng hơn; thuốc điều hòa nhịp tim; thuốc an thần giảm đau. Bệnh nhân liên tục được hít thở oxy...

Thời gian điều trị tại bệnh viện tùy thuộc tình trạng nặng hay nhẹ của bệnh, sự đáp ứng với các phương thức chữa trị, thường thường là năm, sáu ngày nếu không có biến chứng.

Trước khi xuất viện, bệnh nhân được hướng dẫn về cách thức chăm sóc và dùng thuốc, về chế độ dinh dưỡng, về nếp sống, về sự vận động cơ thể với chương trình vật lý trị liệu, phục hồi chức năng của tim. Bệnh nhân sẽ hiểu rõ nên vận động như thế nào để tăng cường sức mạnh của cơ thể mà không gây ra rủi ro cho trái tim, hiểu rõ về bệnh tim của mình và biết cách đối phó với các khó khăn trong đời sống hằng ngày để tránh cơn đau tim tái phát.

## Kết luận

Dù là Cơn Đau Tim hoặc Đột Quy, cả hai bệnh đều là “thậm cấp chí nguy”, cần được điều trị tại bệnh viện tức thì.

Nhận biết và nhập tâm các dấu hiệu báo động sự xuất hiện của Đột Quy và Cơn Đau Tim là việc cần thiết để cứu vớt sự sống.

Kính chúc mọi sự bình an.

**Bác sĩ Nguyễn Ý Đức**

[www.bsnguyenyduc.com](http://www.bsnguyenyduc.com)

### **Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe**

**Vài hàng giới thiệu :** Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

### **VỀ MỤC LỤC**

## **50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN. CHIA SẺ 34 - 37**

### **50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN - Chia sẻ 34 THÁNH CA và THẦN HỌC: KHÔNG PHẢI VỰC SÂU NHƯNG LÀ KHÁT VỌNG**

Năm 1997, cuối thánh lễ an táng một linh mục, người ta hát bài "Từ vực sâu u tối". Sau đó một giáo dân tâm sự với tôi:

- Con nghe bài hát mà nản lòng và bất mãn quá! Ông cha này ai cũng biết là rất tốt, rất đạo đức thánh thiện, tại sao vừa chết xong lại bị đày xuống vực sâu, bị tống vào ngục tối ngay lập tức vậy?

Lời chia sẻ khiến tôi giật mình. Chính bản thân tôi cũng đã nhiều lần cảm nghiệm nhận ra sự trái khoáy ấy mà không lấy làm điều, nhưng đối với những người đang kiếm tìm đức tin thì quả tình bài ca có thể khiến họ nghĩ: Cách nhìn về cái chết của người Công giáo thật mâu thuẫn. Có những lần tôi hiện diện trước áo quan anh chị em mình trong tâm tình chúc mừng, mừng vì Chúa Kitô Cứu Thế vừa khẳng định thêm một chiến thắng không thể đảo ngược, trong lúc bên tai tôi người ta đang rên rỉ câu kinh từ vực sâu ai oán. Thật hết sức lạc điệu nếu giữa tâm tình rộn rã của đêm chia tay trước khi cô dâu lên xe hoa về nhà chồng, chợt có người cất tiếng: Từ vực sâu tối tăm!... Vâng, nhiều trường hợp chúng ta cầu nguyện bên người vừa nằm xuống trong bầu khí hợp mừng vượt qua, và như muốn tha thiết nói với Tân Lang rằng: Xin hãy cảm thông, vui lòng chờ cho chúng em được tỏ chút luyến lưu bịn rịn; chỉ vài giờ nữa thôi, chúng em sẽ để cho Chàng tự do đưa bạn ấy lên đường...

Tôi đã hứa sẽ viết bài về vấn đề này. Giới Công giáo đã quá quen tai cho nên không để ý rằng bài hát mang hình ảnh vực sâu tối tăm có thể gây phản cảm nặng nề nơi người ngoài Công giáo. Người ta đồng ý rằng người Công giáo luôn tưởng nhớ đến người đã khuất rất nhiều, nhưng cách nhớ tưởng ấy rất khác với tâm tình người Việt. Người Việt nhớ đến Ông Bà Cha Mẹ đã khuất và xin các ngài phù hộ cho con cháu, còn với người Công giáo, hình như Ông Bà Cha Mẹ chết xong là rơi vào thảm trạng bi thương. Hiện nay, không chỉ có một bài mà đến

bốn, năm bài hát với hình ảnh vực sâu tối tăm, từ chốn luyện hình u tối. Những bài này thịnh hành đến nỗi buổi kinh hoặc thánh lễ tưởng nhớ người chết mà không hát một trong mấy bài ấy thì dường như còn thiếu sót.

Vừa qua, sau 15 năm gặp lại người giáo dân nọ, chúng tôi nói chuyện khác, nhưng tôi chợt nhớ một món nợ chưa trả.

Tôi về mở quyển “Nghi Lễ An Táng và Thánh Lễ Cầu Hồn”, Ủy ban Giám mục về Phụng tự xuất bản, Sài Gòn 1971, dày 230 trang, thấy phản ứng của người ấy rất đúng. Quyển sách gồm có 5 lời hiệu triệu, 152 lời nguyện, 9 bài Cựu ước, 8 đoạn xướng đáp và lời cầu, 26 thánh vịnh, 11 câu xướng alleluia và 20 bài Tân ước chưa kể 19 bài Tin mừng, 5 kinh Tiền tụng, 3 Kinh nguyện Thánh Thể... Suốt bằng ấy nội dung, tiếng "vực sâu" chỉ xuất hiện trong một bản văn duy nhất là thánh vịnh 129/130 được in lại 6 lần ở các trang 19, 23, 28, 56, 84 và 125. Thánh vịnh này được đề nghị dùng làm đáp ca, và ở các trang 28, 56 và 84 có hai câu đáp để chọn là câu 1: “Từ vực sâu, Lạy Chúa, tôi kêu lên cùng Chúa” hoặc câu 5: “Tôi hy vọng rất nhiều vào Chúa, tôi trông cậy ở lời Người”; ở trang 19 và 23 có hai câu đáp để chọn là câu 1: “Lạy Chúa, tôi kêu lên cùng Chúa”, bỏ cụm từ “Từ vực sâu”, hoặc câu 6: “Linh hồn tôi mong đợi Chúa tôi”, ở trang 125 không có câu đáp. Như thế ở đây phụng vụ cũng đọc thánh vịnh này với tất cả sự lạc quan tin tưởng như khi trích đọc nó trong Kinh chiều II của Lễ Giáng sinh.

Các nhạc sĩ Việt Nam đã dừng lại ở hình ảnh vực thẳm và triển khai kịch tính của hình ảnh này khiến cho một chi tiết phụ của bài thánh vịnh lấn lướt mất nội dung chính. Điều này cũng có phần do âm hưởng của cung giọng náo nuột của kinh “Ớ Chúa tôi, tôi ở chốn thẳm sâu kêu lên cùng Chúa” (Đàng Trong) tức cũng là kinh “Lạy Chúa tôi, tôi ở dưới vực sâu kêu lên Chúa tôi” (Đàng Ngoài).

Những bài thánh ca chủ đề vực sâu thật hay, tiếc là không đúng phụng vụ cũng không sát giáo lý Công giáo. Tiếc hơn nữa là chúng đã gây những ngộ nhận rất lớn cả cho người Công giáo lẫn người ngoài Công giáo.

Vấn nạn được nêu lên không phải là thấp nhang hay đặt đồ cúng nhưng là theo Chúa thì mất đi cái nhìn lạc quan đầy hy vọng của Đạo Hiếu khi nghĩ về tiền nhân! Do chưa nhận biết mạc khải, người Việt chưa diễn tả bằng ngôn từ chính xác nhưng cách ứng xử cho thấy dường như đa số linh cảm rằng tiền nhân qua đi là về với Cội Nguồn tối thượng. Cùng lúc, người sống vừa cầu mong cho người chết sớm siêu thoát vừa xin người chết phù hộ. Cái nhìn ấy khá gần với giáo huấn trong sách “Giáo Lý Của Hội Thánh Công Giáo”. Sách này không hề nhắc gì đến một vực thẳm hoặc một nơi chốn. Với tựa đề “Luyện ngục: cuộc thanh luyện cuối cùng”, số 1030 của sách này nói đến sự “thanh luyện sau khi chết, để đạt được sự thánh thiện cần thiết”:

"Những người chết trong ân nghĩa Chúa, nhưng chưa được thanh luyện hoàn toàn, mặc dù chắc chắn được cứu độ đời đời, còn phải chịu thanh luyện sau khi chết, để đạt được sự thánh thiện cần thiết để vào hưởng phúc Thiên Đàng.

Hội Thánh gọi việc thanh luyện cuối cùng của những người được chọn là “purgatory”. Dù ta quen dịch là luyện ngục, thuật ngữ này chỉ đơn giản là một tình trạng thanh luyện, không phải vực, cũng không phải là ngục tối. Điều này khác hẳn với hình phạt đời đời của kẻ bị chúc dữ: Hội Thánh công bố giáo lý về luyện ngục cách riêng trong các công đồng Florence (x. DS 1304) và Trentô (x. DS 1820; 1580). Dựa vào một số đoạn Kinh Thánh (x. 1Cr 3,15; 1Pr 1,7), Hội Thánh nói về lửa thanh luyện.

"Đối với một số tội nhẹ, phải tin là trước phán xét chung có lửa thanh luyện. Chúa Giêsu xác nhận: nếu ai nói phạm đến Chúa Thánh Thần người ấy sẽ chẳng được tha cả đời này lẫn đời sau (Mt 12,31). Qua khẳng định này, chúng ta có thể hiểu là một số tội có thể được tha ở đời này, nhưng một số tội khác thì phải đợi tới đời sau" (x. T. Grêgôriô cả, đối thoại 4,39).

Lời dạy này cũng căn cứ trên tập quán cầu nguyện cho những người quá cố mà Kinh thánh đã nói: vì thế ông Giuđa Macabêô "xin dâng lễ đền tội cho những người chết, để họ được giải thoát khỏi tội lỗi" (2 Mcb 12,46). Ngay từ đầu, Hội Thánh vẫn kính nhớ người quá cố và cầu nguyện cho họ, đặc biệt trong thánh lễ (x. DS 856) để một khi được thanh luyện họ có thể hưởng nhan Thánh Chúa. Hội Thánh khuyên chúng ta bố thí, làm việc hãm mình và nhường các ân xá cho những người đã qua đời.

"Chúng ta hãy giúp họ và hãy nhớ đến họ. Nếu các con của ông Gióp đã được thanh luyện nhờ việc hiến lễ của cha (G 1,5), tại sao chúng ta còn nghi ngờ là những lễ tế của chúng ta dâng lên Thiên Chúa, để cầu cho người quá cố, lại không đem đến cho họ một phần an ủi nào? Đừng do dự giúp đỡ và cầu nguyện cho những người đã qua đời"(x. T. Gioan Kim Khẩu, Bài Giảng về 1Cr 41,5).

Thánh vịnh 129/130 quả có được dùng trong sách "Nghi Lễ An Táng và Thánh Lễ Cầu Hồn", tuy nhiên đọc kỹ, sẽ thấy ở đó Hội Thánh nhấn mạnh hai điều: hoặc là sự kiện con người không thể tự cứu mình, hoặc là niềm khát vọng sớm được cứu thoát chứ không hề nhấn mạnh thăm cảnh "vực sâu". Ước mong các cấp thẩm quyền của Hội Thánh sớm nghiên cứu lại để tránh tình trạng phản tác dụng cho việc loan báo Tin mừng tại Việt Nam.

Cụ thể, Ban Thánh Nhạc toàn quốc có thể giúp giải quyết vấn đề cách nhẹ nhàng bằng một tuyển tập thánh ca cho lễ an táng và cầu hồn. Hiện nay trong rừng thánh ca Việt Nam, có nhiều bài rất hay cả về nhạc, về lời, về hình ảnh và về thần học hy vọng để cầu nguyện lúc anh chị em tín hữu lên đường về với Chúa, nhưng chỉ mới được biết đến ở một số cộng đoàn hay một số địa phương. Ước mong Ban Thánh Nhạc sớm thu thập và đề cao những bài ấy để phổ biến cho mọi người, và đừng đưa những bài không chuẩn về thần học hoặc dễ gây hiểu lầm vào tuyển tập. Hy vọng như thế dần dần thói quen dùng những bài thăm sâu như nói ở trên sẽ lùi vào quá khứ.

## **50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN - Chia sẻ 35 VIỄN ẢNH LẠC QUAN CỦA SPE SALVI**

Để độc giả có thêm cơ sở suy nghĩ về điều vừa chia sẻ ở bài trước, và áp dụng vào việc loan tin mừng cho Dòng họ, tôi xin được lược tóm ở đây giáo huấn của Đức Bênêđictô XVI trong thông điệp Spe Salvi: "Được cứu rồi trong đức trông cậy".

Thông điệp Spe Salvi số 45 có nhắc đến quan niệm Do Thái giáo "cho rằng các linh hồn đang sống trong một hình thức bị tạm giam,... đang phải chịu phạt hay đang được hưởng một hình thái hạnh phúc tạm thời" và lập tức cho rằng quan niệm ấy đã bị đẩy lùi vào quá khứ. "Giáo Hội sơ khai tiếp nhận các quan điểm này, và trong Giáo Hội Tây Phương, chúng dần dần được phát triển thành học thuyết về Luyện Ngục. Chúng ta không cần xem xét ở đây các nẻo đường phức tạp trong lịch sử sự phát triển ấy; mà chỉ cần hỏi xem điều này thực ra có ý nghĩa gì" (số 45).

Điểm chính yếu trong học thuyết Spe Salvi về luyện ngục, ở số 47, là sự thanh luyện trong tình yêu của Đấng Thẩm Phán và, ở số 48, mối hiệp thông trong Hội Thánh khiến ta có thể cầu nguyện cho các linh hồn đang được thanh luyện. Xin trích nguyên văn số 47:

"Một vài thần học gia mới đây có ý kiến cho rằng lửa vừa thiêu đốt vừa cứu chuộc chính là Chúa Kitô, vị Thẩm Phán và là Đấng Cứu Thế. Cuộc gặp gỡ với Ngài là hành động phán xét chung cuộc. Trước ánh mắt Ngài, tất cả những gì là giả trá sẽ tan biến. Sự gặp gỡ Ngài trong khi thiêu đốt chúng ta, lại cải biến chúng ta, và giải thoát chúng ta, khiến cho chúng ta trở nên con người chính thật của mình. Tất cả những gì chúng ta xây dựng trong đời có thể chỉ là rơm rạ, rỗng tuếch và sụp đổ. Vậy mà trong cái đau đớn của cuộc gặp gỡ này, khi những dơ bẩn, và bệnh hoạn của cuộc đời được phơi bày ra trước mắt chúng ta, thì ơn cứu độ nằm ngay ở đó.

Cái nhìn của Chúa, sự va chạm của trái tim Ngài chữa lành chúng ta qua một biến cải chắc chắn là đau đớn "như đi qua lửa".

Nhưng đó là một sự đau đớn được chúc lành, trong đó quyền lực cực thánh của tình yêu Ngài xuyên thấu chúng ta như một ngọn lửa, giúp chúng ta trở nên hoàn toàn là chính mình và nhờ đó hoàn toàn thuộc về Chúa. Bằng cách này sự tương quan giữa Công Lý và ân sủng cũng trở nên rõ ràng; cách thức chúng ta sống trên đời không phải là không quan trọng, nhưng tội lỗi của chúng ta không gây tì ố trên chúng ta mãi mãi nếu ít ra chúng ta vẫn tiếp tục vươn ra để đến với Chúa Kitô, đến với sự thật và tình yêu.

Thật vậy, tội lỗi đã bị thiêu đốt qua cuộc khổ nạn của Chúa Kitô. Vào lúc chung thẩm chúng ta cảm nhận và hấp thụ quyền lực vô biên của tình yêu Ngài trên tất cả sự dữ trong thế gian và trong chúng ta. Nỗi đau của tình yêu trở nên ơn cứu rỗi và niềm vui của chúng ta. Rõ ràng là chúng ta không thể đo lường "thời gian" của sự thiêu đốt biến cải này bằng những đơn vị đo lường thời gian của trần thế. "Giờ phút" biến cải trong cuộc gặp gỡ này vượt quá ước tính thế gian - đó là thời khắc của con tim, đó là thời gian của cuộc "vượt qua", để tiến đến hiệp thông với Thiên Chúa qua Mình Thánh Chúa Kitô.

Sự phán xét của Chúa là niềm hy vọng, vì đó vừa là Công Lý, và vừa là ân sủng. Nếu chỉ có ân sủng mà thôi, khiến cho tất cả mọi việc trên thế gian không còn vấn đề nữa, thì Chúa sẽ mắc nợ chúng ta một câu trả lời về Công Lý - một câu hỏi quyết liệt chúng ta đặt ra cho lịch sử và cho Thiên Chúa. Nếu chỉ là Công Lý, thì cuối cùng chỉ có thể đem lại cho chúng ta sự sợ hãi. Việc Thiên Chúa nhập thể nơi Đức Kitô đã nối kết Công Lý và ân sủng với nhau mật thiết đến độ Công Lý được thiết lập vững chắc: chúng ta đều phải lo liệu cho sự cứu rỗi của mình "trong âu lo và run sợ" ( Pl 2, 12 ). Tuy nhiên, ân sủng cho phép tất cả chúng ta hy vọng, và để vững tin đi gặp vị Thẩm Phán, Đấng chúng ta biết đến như là "trạng sư", hay parakletos ( x. 1 Ga 2, 1 ) của chúng ta."

Cũng cần góp thêm vào đây cái nhìn thần học tâm linh của Dòng Cát Minh Têrêxa về sự "hiệp nhất tạo biến đổi", được cha Marie Eugène trình bày trong sáng để hiểu ở phần đầu tác phẩm "Tôi muốn thấy Thiên Chúa". Khái niệm hiệp nhất tạo biến đổi giúp ta hiểu ra rằng khi được gọi hiệp nhất với Thiên Chúa Chí Thánh, thụ tạo được Ngài đổi mới không ngừng cho đến đời đời. Sau giai đoạn thanh tẩy luyện lọc hết những vết nhơ, sự biến đổi tiếp tục làm cho thụ tạo càng lúc càng giống với Thiên Chúa. Người ta thường hình dung cách giản dị là phải xong việc này rồi mới sang việc khác, phải qua khỏi giai đoạn luân lý rồi mới bàn đến đời sống hiệp nhất, nhưng thực tế của đời sống ơn thánh cho thấy cả ơn hiệp nhất và ba nhân đức tin cậy mến có mặt ngay từ đầu và, nơi con cái Chúa, chính ba nhân đức ấy giục giã ta dứt khoát với tội lỗi, làm cho mọi dính bén và mọi bất toàn bị bật rễ. Ngay ở đời này ba nhân đức tin, cậy, mến đã cho ta một kinh nghiệm về việc lửa đốt sạch những cặn bần. Nơi sự hiệp nhất tạo biến đổi, ta sẽ như những cục than, những thỏi kim loại được ném vào lò lửa hồng và rực cháy theo lửa... Thiên Chúa vừa bất biến vừa vô cùng vô tận cho nên thụ tạo khi chiêm ngưỡng và khám phá Ngài sẽ đi từ bất ngờ này tới bất ngờ khác cho đến đời đời và đời đời. Thiên đàng chẳng phải là một đêm lễ hội ánh sáng nào đó nhưng một chuỗi đời đời những ngạc nhiên thích thú và mãi mãi khám phá sự tươi mới, chẳng còn hở ra một phút giây nào để nhàm chán. Thánh Gioan Thánh giá diễn tả điều ấy như sự khám phá của người khai thác những hầm mỏ mênh mênh, của người lạc vào những hang động thiên nhiên bất tận. Còn Thánh nữ Têrêxa Avila, trong quyển Lâu Đài Nội Tâm, thì xếp đặt thành một lộ trình tiến dần để, ngay ở đời này, những người khát khao sẽ tha thiết nài xin cho mình được biến đổi và hiệp nhất với Thiên Chúa.

## **50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN - Chia sẻ 36 CẦN NHỮNG BÀI CA MỚI CHO NGƯỜI ĐÃ KHUẤT**

Thánh ca đang đóng một vai trò quan trọng trong việc loan báo Tin mừng. Nhân khi nghiên cứu quyển "Nghĩ Lễ An Táng và Thánh Lễ Cầu Hồn" để viết về bài hát "Từ vực sâu", tôi thấy



quyển sách đầy những ý tưởng giàu hình ảnh, dễ tạo cảm hứng cho những bài thánh ca thật hay để cầu nguyện bên người quá cố. Chỉ cần nêu lên tần số xuất hiện của những ý tưởng từ nhiều đến ít như sau, cũng đủ gợi hứng cho người viết ca từ biết phải viết theo hướng nào:

Sống: (148), trong đó có: hằng sống (23) + sống mới (9) + sống đời đời (8) + những trường hợp khác (108)

Chết: (145)

Tin: (98)

Phục sinh: (91), trong đó có: sống lại (62) + trở dậy (9) + Phục Sinh (20)

Phúc: (71)

Cứu: (68), trong đó có: cứu (25) + cứu độ (29) + giải thoát (14)

Hiệp nhất: (60), trong đó có: nước trời (6) + tiệc (14) + luyện (8) + hợp nhất với/hiệp nhất với Chúa (8) + liên kết (7) + chiêm ngưỡng (7) + đón nhận ( 10)

Hưởng: (45)

Niềm vui: (43), trong đó có: ân sủng (11) + niềm vui (6) + an ủi (7) + ánh sáng (9) + bình an (10)

Vinh quang: (42)

Hy vọng: (36), trong đó có: hy vọng (13) + trông cậy (12) + trông đợi (5) + mong đợi (5) + mong chờ (1)

Nhân hậu: (31), trong đó có: khoan dung (4) + nhân từ (3) + thương xót (10) + nhân hậu (14)

Thanh tẩy: (22), trong đó có: phép Rửa (9) + rửa (5) + thanh tẩy (8)

Đóng đinh: (11)

Khóc: (9)

Vượt thắng: (18), trong đó có: vượt (7) + thắng (11)

Lửa: (9), trong đó có: luyện vàng trong lửa (5) + hồ lửa (3 - trong cùng một bài đọc) + lửa đời đời (1) + Lửa vinh quang (1 - ánh lửa chiếu qua bụi lau)

Mục tử: (7), trong đó có: mục tử (3) + chăn nuôi (4)

Hình khố: (5), trong đó có: xiềng xích (2) + cực hình (3)

Phạt: (4)

Dù vực thăm (Rm 8,39): (1)

Từ vực thăm (Tv 130,1): (1)

Ngục: (0)

Ngoài ra còn có một hình thức mai táng mới xuất hiện trong đời sống người Việt nói chung và người Công giáo Việt Nam nói riêng trong mấy thập niên gần đây, là hỏa táng. Hỏa táng thường gây những ấn tượng và cảm xúc hết sức đau thương. Kinh Thánh cũng cho ta nhiều hình ảnh mãnh liệt về sự thanh tẩy bằng lửa. Cho tới nay các nhạc sĩ Công giáo Việt Nam chưa quan tâm đến sự kiện này. Thiết tưởng dân Chúa đang rất cần những bài thánh ca đầy hy vọng để có thể vượt qua những giây phút thương tâm trong bình an. Trong quyển “Kinh nguyện gia đình” phiên bản 1986, chúng tôi có đề xuất những đoạn sau đây, xin nêu như những gợi ý cho anh chị em nhạc sĩ:

“Lạy Cha, Cha đã tạo dựng nên lửa và ban nó cho chúng con. Lửa đã sưởi ấm khi chúng con sinh ra, đã tạo điều kiện cho cuộc sống hằng ngày, và khi chúng con đã qua đời, lửa còn làm cho thân xác này chóng về lại tình trạng cát bụi. Xin Cha chúc lành và thánh hoá ngọn lửa chúng con sắp dùng để hỏa táng thân xác người anh em (chị em) chúng con.” (Lời nguyện)

“Anh chị em thân mến, bởi vì chúng ta được lãnh nhận một vương quốc vững bền không lay chuyển, chúng ta phải biết ơn Thiên Chúa. Với lòng biết ơn đó, chúng ta hãy kính sợ mà phụng thờ Thiên Chúa cho đẹp lòng Ngài. Quả thật, Thiên Chúa chúng ta là một ngọn lửa thiêu” (Lời Chúa: Dt 12,28-29; xem thêm những đoạn khác: 1 Côrintô 15,35-38 và 42-49; Đanien 3,19b-21 và 24-28; 2 Vua 2,1-2 và 7-11; 1 Côrintô 3,10b-17; Isaia 43,1-7; 2 Phêrô 3,8-13)

Hoặc lời mời gọi, các lời cầu và lời nguyện:

“Thưa anh chị em, Kinh thánh nói: Thiên Chúa là lửa thiêu. Chính Thiên Chúa là Cha đã cho Đức Giê-su Ki-tô đến thanh tẩy chúng ta bằng lửa trong Thánh Thần, và đã ban Chúa Thánh Thần như lửa sưởi ấm linh hồn ta. Ngài cũng mời gọi chúng ta dâng hiến đời sống cho Ngài như những lễ vật toàn thiêu. Với những xác tín ấy, trong dịp cử hành lễ hỏa thiêu hôm nay, chúng ta hãy thưa với Ngài những lời cầu nguyện tha thiết và đầy tin tưởng.

Chúng con xin dâng lên Cha mọi việc lành của (OBACE) T. và của mỗi người chúng con đã cố gắng thực hiện trong cuộc sống. Xin Cha thanh luyện cho trở nên của lễ đẹp lòng Cha.

Chúng con xin giao phó trong tay Cha mọi tội lỗi của (OBACE) T. cũng như của mỗi người chúng con đã vấp phạm. Xin Cha lấy lửa yêu mến của Cha mà thiêu đốt và thanh tẩy.

Như ngọn lửa vật chất sắp thiêu đốt thi hài (OBACE) T. , xin cho ngọn lửa mến Chúa yêu người cũng luôn thiêu đốt tâm hồn chúng con.

Cũng như thân xác (OBACE) T. sắp thành những hạt bụi mắt hút trong lòng đời, xin Cha cho mỗi người chúng con biết quên mình, biến tan đi trong cuộc sống phục vụ anh em.

Xin cho các thân nhân của (OBACE) T. nhận được mọi ơn lành của Cha và gặp được nơi mọi người lòng yêu mến thiết tha như ngọn lửa an ủi sưởi ấm tâm hồn.

Lạy Cha, giờ đây chúng con xin dâng phó linh hồn (OBACE) T. trong tình thương của Cha, và chúng con hỏa táng (OBACE) như một của lễ toàn thiêu dâng lên Cha. Xin cho lễ hiến dâng này, cùng với tình yêu của gia đình và cộng đoàn chúng con, được kết hiệp với sự hy sinh của Chúa Giê-su trên thập giá thành một của lễ đẹp lòng Cha. Xin cho đời sống chúng con và mọi lời chúng con cầu nguyện cũng được như hương khói chân thành tỏa bay trước Nhan Cha, để cầu cho (OBACE) T. và mọi người đã qua đời trong ơn nghĩa Cha được vào hưởng vinh quang Cha muôn đời.

## 50 NĂM THỜ CÚNG TỔ TIÊN - Chia sẻ 37 CẦN CÓ THÊM NHỮNG BẢN VĂN LỄ GIỖ MANG TÍNH TẠ ƠN

Hầu như ai trong chúng ta cũng biết bài “Nổi vòng tay lớn” của Trịnh Công Sơn với câu ca vừa trầm lắng vừa mạnh mẽ: “Người chết nổi linh thiêng vào đời”. Cả khi người xưa đã xa cách ta nhiều chục năm hay nhiều trăm năm, ta vẫn có thể thấy gần gũi qua công ơn và gương sáng của họ. Hồi tưởng, ta thấy dường như họ vẫn hiện diện đâu đây. Riêng với những người mới xa cách, ta thường ngậm ngùi thương nhớ và cầu nguyện cho họ.

Ở đây, niềm tin của anh chị em lương dân khá mơ hồ và hỗn độn. Một đảng, họ cầu nguyện cho người chết sớm siêu thoát. Một đảng lại có sự tin tưởng cho rằng người chết còn ở với gia đình hết năm đời rồi mới đi đầu thai. Tại sao lại được ở với gia đình hết năm đời? Việc ở với con cháu là hạnh phúc hơn hay việc đi đầu thai kiếp khác hạnh phúc hơn? Phải chăng còn ở với gia đình là chưa được siêu thoát? Ta nên cầu nguyện cho người chết siêu thoát và thôi ở với gia đình hay là đừng cầu nguyện để họ có thể ở với gia đình mãi? Trong thực tế thì người ta cầu nguyện sự siêu thoát cho người chết chỉ trong hai năm đầu, rồi sau đó không nhắc tới việc cầu cho siêu thoát. Mà thế nào là siêu thoát? Siêu thoát là đi về đâu? Ai giữ cái quyền thẩm xét để cho một người được siêu thoát hay chưa được siêu thoát? Anh chị em lương dân không biết dựa vào đâu để trả lời những câu hỏi ấy và để lý giải những tin tưởng của mình.

Còn người Công giáo tin rằng chúng ta từ Thiên Chúa mà đến và ta được mời gọi hoàn thành cuộc đời này để về với Thiên Chúa. Được cứu rỗi là được về với Thiên Chúa. Ta được cứu rỗi nhờ tin vào Chúa Kitô chứ không nhờ vào công sức riêng của bản thân. Khẳng định như thế không có nghĩa chết xong là được hưởng phúc thiên đàng ngay, bởi vì chính Chúa cho biết rằng ta phải trả xong những món nợ rất nhỏ cuối cùng rồi mới được vào thiên đàng (x. Mt 5,26). Ta cần cầu nguyện xin Chúa giải thoát người đã khuất, tuy nhiên, phải cầu nguyện cho tới bao lâu?

"Rõ ràng là chúng ta không thể đo lường "thời gian" của sự thiêu đốt biến cải này bằng những đơn vị đo lường thời gian của trần thế. "Giờ phút" biến cải trong cuộc gặp gỡ này vượt quá ước tính thế gian - đó là thời khắc của con tim, đó là thời gian của cuộc "vượt qua", để tiến đến hiệp thông với Thiên Chúa qua Minh Thán Chúa Ki-tô" (Thông điệp “Được cứu rỗi nhờ hy vọng”, số 47). Không ai trong chúng ta được vượt thẩm quyền của Tòa Thánh để nói một linh hồn nào đó đã xong hay chưa xong việc thanh tẩy. Tuy nhiên lời ấy của Đức Bênêđictô XVI nhắc ta nhớ rằng vĩnh cửu và thời gian không cùng một hệ thống và đơn vị đo đếm. Một đảng, một người đã về với Chúa cả trăm năm mà mãi đến nay ta mới cầu xin Thiên Chúa giải thoát họ thì lời cầu xin của chúng ta cũng không vô ích. Đảng khác, một người thân vừa nằm xuống, đang chờ Đấng Thăm Phán hoàn tất cuộc thanh tẩy nhưng con cháu ở trần gian đã cảm thấy ám lòng khi nghĩ đến sự che chở phù hộ của người ấy, thì cảm nhận này cũng không sai trái. Một đảng, ngoài thẩm quyền của Tòa Thánh khi tuyên phong chân phước hoặc hiển thánh, không ai nói được một người nào đó đã được hiệp nhất trọn vẹn với Chúa hay chưa, nhưng đảng khác đức trông cậy dạy ta phải tin tưởng mãnh liệt vào lượng thương xót của Thiên Chúa. Người đã ra đi thuộc về vĩnh cửu, còn con cháu đang ở đời này thuộc về thời gian, ta không thể lấy suy luận duy lý mà cắt nghĩa.

Cho tới nay các bản văn lễ giỗ đều mang ý nghĩa cầu xin ơn giải thoát. Thế nhưng nếu giỗ 30 năm, 50 năm hay 100 năm thì sao? Nếu ta cứ tiếp tục nhấn mạnh việc cầu xin ơn giải thoát cho những người đã chết lâu như thế, liệu có xúc phạm đến lòng thương xót bao la của Thiên Chúa chăng?

Tôi nêu câu hỏi như thế không phải để phải trả lời bên này hay bên kia, nhưng để cho thấy ngoài những bản văn lễ giỗ mang ý nghĩa cầu hồn, cần phải có thêm những bản văn mang ý nghĩa tạ ơn và hiệp thông. Thiết nghĩ ngay cả trường hợp giỗ một năm hay cả giỗ 100 ngày đi

nữa, lễ giỗ không chỉ có một ý nghĩa duy nhất là xin ơn giải thoát cho người quá cố. Nó còn mang ý nghĩa tưởng nhớ, tiếc thương, hiệp thông giữa người sống với người chết và hiệp thông giữa những người còn sống trên đời.

Đan cử một ví dụ. Một trong những lý do để tạ ơn Thiên Chúa chính là vì Ngài đã ban Đạo Hiếu cho người Việt, để nhờ đó người Việt dễ khám phá ra Tình Cha bao la tuyệt vời của Thiên Chúa. Ta có thể lấy ý tưởng ấy làm một lời nguyện nhập lễ. Lời nguyện tiền lễ sẽ dâng lên Cha trên trời lòng hiếu thảo của cộng đoàn và của cả những người con còn mò mẫm trong bóng tối. Lời nguyện hiệp lễ vừa tạ ơn vì đã được nuôi dưỡng bằng Thánh Thể, vừa xin gìn giữ khỏi mọi mê tín lầm lạc. Một bản lễ như thế sẽ vừa tuyên dương Đạo Hiếu vừa dẫn đưa tâm trí người dự lễ tới con đường chân thật.

Trong viễn tượng loan Tin mừng cho lương dân, thiết nghĩ cộng đồng Công giáo các nước Á Đông cần có thêm những bản văn lễ giỗ theo các ý nghĩa ấy. Các HĐGM có thể đề xuất những bản văn cụ thể và xin Tòa Thánh phê duyệt. Những bản văn trong sách lễ tiếng Việt về thánh lễ Tất niên, Giao thừa, Minh niên, mừng Hai và mừng Ba Tết, cũng như thánh lễ Trung thu... đã được hình thành như thế.

**Lm. TTT. Võ Tá Khánh**

## VỀ MỤC LỤC

### **Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân**

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ [giaosivietnam@gmail.com](mailto:giaosivietnam@gmail.com)
- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại [www.conggiaovietnam.net](http://www.conggiaovietnam.net)

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

**TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam**

**Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA**